

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU- VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 26/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua các báo cáo được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, bao gồm:**

**1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:**

- Kết quả thực hiện SXKD năm 2021:

| TT | Chỉ tiêu                              | ĐVT                 | NQ<br>ĐHĐCĐ<br>năm 2021 | Thực hiện<br>năm 2021 | Tỷ lệ<br>(%) |
|----|---------------------------------------|---------------------|-------------------------|-----------------------|--------------|
| 1  | Bóc đất đá                            | 1.000m <sup>3</sup> | 40.000                  | 41.961                | 104,9        |
| 2  | Than nguyên khai sản xuất             | 1.000 tấn           | 2.000                   | 2.099                 | 104,9        |
| 3  | Than tiêu thụ                         | 1.000tấn            | 2.148                   | 2.157                 | 100,4        |
| 4  | Doanh thu tổng số                     | Tr.đ                | 3.434.055               | 3.600.000             | 104,8        |
| 5  | Lợi nhuận trước thuế                  | Tr.đ                | 25.984                  | 51.488                | 198,15       |
| 6  | Đầu tư xây dựng                       | Tr.đ                | 665.300                 | 619.300               | 93           |
| 7  | Khả năng thanh toán nợ đến hạn        | Lần                 | 0,59                    | 0,8                   | 135,6        |
| 8  | Hệ số nợ phải trả                     | Lần                 | 5,72                    | 3,821                 | 66,8         |
| 9  | Thu nhập bình quân                    | 1000đ/ng-th         | 9.525                   | 11.954                | 125,52       |
| 10 | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ(dự kiến) | %                   | ≥7%                     | 12%                   | 171,42       |



## - Kế hoạch SXKD năm 2022 :

| STT | Chỉ tiêu                   | ĐVT                | KH năm 2022 |
|-----|----------------------------|--------------------|-------------|
| 1   | Đất bóc tổng số            | 1000m <sup>3</sup> | 44.000      |
| 2   | Than nguyên khai khai thác | 1000 Tấn           | 2.500       |
| 3   | Than tiêu thụ              | 1000 Tấn           | 2.528       |
| 4   | Doanh thu tổng số          | Tr.đ               | 3.826.489   |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế       | Tr.đ               | 30.260      |
| 6   | Kế hoạch đầu tư năm 2022   | Tr.đ               | 274.342     |
| 7   | Thu nhập bình quân         | 1.000đ/ng-th       | 9.746       |
| 8   | Cổ tức                     | %                  | ≥7          |

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quyết định Kế hoạch SXKD năm 2022 để Công ty tổ chức thực hiện. (Trong đó lưu ý: Các chỉ tiêu này có thể điều chỉnh theo kế hoạch phối hợp SXKD với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Đối với kế hoạch Đầu tư năm 2022, với mục tiêu tăng năng lực tự làm và giảm tỷ trọng công tác thuê ngoài trong năm 2022 và các năm tiếp theo, Công ty dự kiến đầu tư thêm máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất. Trong quá trình điều hành sản xuất Công ty sẽ báo cáo Tập đoàn TKV để bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2022. Do vậy, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT xem xét và điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2022 sau khi có ý kiến của Tập đoàn TKV.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp

**1.2.** Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị 2022.

Trong báo cáo HĐQT đã nêu rõ cần tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đề ra. Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty. Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty. Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm. Triển khai các giải pháp đồng bộ để chống lãng phí, thất thoát vốn, tài sản công, thực hành tiết kiệm chi phí; Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.



**1.3. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.**

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**1.4. Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và việc giám sát hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành; thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán của Ban kiểm soát Công ty.**

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022:**

Đại hội thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 là 12% vốn điều lệ (*tương đương 1.200 đồng/cổ phần*) và đồng ý trích lập các quỹ năm 2021 với số liệu như sau:

| TT | Nội dung   | Số tiền (đồng)        | Ghi chú                                  |
|----|--|-----------------------|--|
| 1  | Lợi nhuận trước thuế                                   | 51.488.100.173        |  |
| 2  | Thuế TNDN phải nộp                                     | 33.023.184.500        |  |
| 3  | Thuế TNDN hoãn lại                                     | 22.694.682.444        |  |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế (4=1-2+3)                           | 41.159.598.117        |  |
| 5  | Lợi nhuận năm 2020 để lại                              | 30.000.000.000        |  |
| 6  | Lợi nhuận phân phối                                    | 71.159.598.117        |  |
| a  | Chi trả cổ tức 2021: 12 % vốn điều lệ                  | 29.482.862.400        | Nghị quyết ĐHCĐ từ 7% trở lên            |
| b  | Số còn lại phân phối các quỹ                           | 41.676.735.717        |  |
| -  | <i>Quỹ thưởng người quản lý Công ty</i>                | <i>313.993.125</i>    |  |
| -  | <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,86 tháng lương BQ)</i> | <i>41.362.742.592</i> | <i>Quỹ lương BQ : 22,2 tỷ đồng/tháng</i> |
| +  | <i>Quỹ khen thưởng: 60%</i>                            | <i>24.817.645.555</i> |  |
| +  | <i>Quỹ phúc lợi: 40%</i>                               | <i>16.545.097.037</i> |  |

Trường hợp Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty sau thanh tra của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, có thay đổi so với số liệu Công ty đã báo cáo, ảnh hưởng đến kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp và Người quản lý, Công ty sẽ thay đổi mức đánh giá và trích quỹ thưởng Người quản lý theo quy định.



Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện thủ tục và thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông vào cuối Quý II năm 2022 theo qui định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

### **Điều 3. Thông qua thù lao HĐQT, BKS và Người quản lý doanh nghiệp năm 2021.**

- Đại hội thông qua quỹ lương của Người quản lý Công ty và tổng mức thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2021 là 2.511.954.000 đồng, trong đó bao gồm: quỹ tiền lương của Người quản lý Công ty là 2.285.280.000 đồng và Thù lao của HĐQT, BKS là 354.290.000 đồng.

- Đại hội đồng ý mức tiền lương, phụ cấp và thù lao 01 tháng năm 2022 của các chức danh HĐQT, Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát Công ty như sau:

| TT         | Chức danh                | Số lượng (người) | Tiền lương giao khoán 1 tháng (đ) | Phụ cấp 01 tháng (đ) | Thù lao 01 tháng (đ) |
|------------|--------------------------|------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b> |                  |                                   |                      |                      |
| 1          | Chủ tịch HĐQT            | 1                |                                   |                      | 5.140.000            |
| 2          | TV HĐQT kiêm nhiệm       | 3                |                                   |                      | 4.380.000            |
| 3          | TV độc lập HĐQT          | 1                |                                   | 21.900.000           |                      |
| <b>II</b>  | <b>Ban Giám đốc</b>      |                  |                                   |                      |                      |
| 1          | Giám đốc                 | 1                | 24.700.000                        |                      |                      |
| 2          | Phó giám đốc             | 3                | 21.900.000                        |                      |                      |
| 3          | Kế toán trưởng           | 1                | 20.000.000                        |                      |                      |
| <b>III</b> | <b>Ban kiểm soát</b>     |                  |                                   |                      |                      |
| 1          | Trưởng ban Kiểm soát     | 1                |                                   |                      | 4.580.000            |
| 2          | Thành viên BKS           | 2                |                                   |                      | 4.000.000            |

- Tiền lương: Hàng tháng Công ty tạm thanh toán tiền lương của tháng đó cho Người quản lý doanh nghiệp với mức không thấp hơn 80% mức lương hệ số 1 theo giao khoán. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD, quỹ lương được quyết toán của các chức danh trên theo quy định, Công ty thanh toán số tiền lương còn lại cho các chức danh.

- Phụ cấp thành viên độc lập HĐQT được tạm ứng hàng tháng 80%. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền còn lại cho chức danh thành viên độc lập HĐQT.

- Thù lao:

+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát là người của Công ty, hàng tháng tạm thanh toán 80% mức thù lao kiêm nhiệm. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền lương còn lại cho các chức danh trên



+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm HĐQT và Ban kiểm soát là người đại diện của Tập đoàn, tiền thù lao kiêm nhiệm được thanh toán 01 lần vào cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD và mức độ hoàn thành công việc của các chức danh. Tiền thù lao của các chức danh trên được chuyển khoản về Tập đoàn theo hướng dẫn tại Công văn số 5559/TKV-TCNS ngày 23/10/2018 của Tập đoàn.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 4. Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan trong năm 2022.**

**a) Kết quả biểu quyết lần 1 (Cổ đông TKV tham gia biểu quyết)**

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành : 0 đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**b) Kết quả biểu quyết lần 2 (Cổ đông TKV không tham gia biểu quyết)**

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 345.612 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành : 0 đại diện cho 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**Điều 5. Thông qua điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh**

1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh-Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin.

2. Loại, nhóm dự án sau điều chỉnh:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

3. Loại và cấp công trình:

- Công trình mỏ than lộ thiên cấp II.

4. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin.

5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ: Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin. Địa chỉ: Phường Hà Tu – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

6. Địa điểm xây dựng: Phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Khánh – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

7. Giá trị tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 1.927.125.494 nghìn đồng (Bằng chữ: Một nghìn chín trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín tư nghìn đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại và các nguồn hợp pháp của Công ty.

9. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh : Từ năm 2018 ÷ 2023.



10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo và phê duyệt các quyết định, các thủ tục tiếp theo để thực hiện Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 6. Thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.**

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba tổ chức kiểm toán sau đây và giao cho Giám đốc điều hành Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH PKF Việt Nam
3. Công ty TNHH kiểm toán BDO

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 7. Thông qua danh sách đề cử ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022- 2027**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thống nhất danh sách đề cử nhân sự để bầu thành viên HĐQT và BKS Công ty khoá IV nhiệm kỳ 2022÷2027 như sau:

**\*/ Tham gia ứng cử HĐQT 05 người:**

1. Ông Trần Thế Thành
2. Ông Nguyễn Quang Quảng
3. Ông Nguyễn Việt Thanh
4. Ông Đặng Văn Tĩnh
5. Bà Phạm Thị Hải- Thành viên độc lập HĐQT

**\*/ Tham gia ứng cử BKS 03 người:**

1. Bà Nguyễn Thị Lương Anh
2. Ông Ngô Duy Đà
3. Bà Phạm Thị Lan Hương

Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành: 16.315.496 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**Điều 8. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022- 2027**

**- Danh sách trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022- 2027**

1. Ông Trần Thế Thành
2. Ông Nguyễn Quang Quảng
3. Ông Nguyễn Việt Thanh
4. Ông Đặng Văn Tĩnh
5. Bà Phạm Thị Hải- Thành viên độc lập HĐQT





HDQT đã bầu Ông Trần Thế Thành giữ chức vụ Chủ tịch HDQT Công ty nhiệm kỳ 2022÷2027.

**- Danh sách trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2022- 2027**

1. Bà Nguyễn Thị Lương Anh
2. Ông Ngô Duy Đà
3. Bà Phạm Thị Lan Hương

Ban kiểm soát đã bầu Bà Nguyễn Thị Lương Anh giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin nhiệm kỳ 2022÷2027.

**Điều 9. Triển khai thực hiện Nghị quyết**

Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 25/4/2022 biểu quyết thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này tới Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (b/c);
- SGDCK HN (b/c);
- Tập đoàn TKV (b/c)
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HDQT, BKS;
- Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN, CCB;
- Ban Giám đốc;
- Phòng CV đăng trên Website của Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty (3).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

  
**Trần Thế Thành**  
**CHỦ TỊCH HDQT CÔNG TY**



Số: 01/2022/BB-DHĐCĐ

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.  
Mã số doanh nghiệp: 5700101323.  
Địa chỉ: Tổ 6, khu 3, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.  
Thời gian họp: Bắt đầu lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/4/2021.  
Kết thúc hồi 11 giờ 30 phút ngày 25/4/2021.  
Địa điểm họp: Văn phòng Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin  
(Tổ 6 khu 3 phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).  
Chương trình đại hội: Theo chương trình và nội dung đã được Đại hội thông qua.  
Chủ tọa Đại hội: Ông Trần Thế Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị.  
Thư ký Đại hội: Bà Nguyễn Phương Nhung – Thư ký Công ty.  
Số đại biểu tham dự: 24 cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp, đại diện cho 16.315.496 cổ phần bằng 66,4067% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI (theo trình tự thời gian)**

**I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

- ① Ban Tổ chức làm thủ tục đăng ký Đại biểu tham dự Đại hội.
  - ② Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do khai mạc Đại hội và giới thiệu Chủ tọa Đại hội là Ông **Trần Thế Thành** - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty lên điều hành Đại hội.
  - ③ Ông **Trần Thế Thành** – Chủ tọa Đại hội đề cử:
    - Thư ký Đại hội: Bà **Nguyễn Phương Nhung** làm thư ký đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua.
    - Ban Kiểm phiếu phục vụ cho Đại hội gồm:
      1. Ông: **Nguyễn Việt Hùng** – Trưởng ban;
      2. Bà: **Phạm Thị Chung** – Thành viên;
      3. Bà: **Nguyễn Thị Phượng** – Thành viên.
- DHĐCĐ đã nhất trí bầu những người có tên nêu trên vào Ban Kiểm phiếu của Đại hội.
- ④ Ông **Lương Xuân Hùng** – Thay mặt Ban tổ chức báo cáo việc kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội, cụ thể:





Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin là 24.569.052 cổ phần; Do 1.731 cổ đông và đại diện sơ hữu tại ngày chốt danh sách 17/3/2022.

Tổng số cổ đông sơ hữu và đại diện được mời tham dự Đại hội là 1.731/1.731 cổ đông. Đăng ký tham dự là 23 người sở hữu và đại diện theo ủy quyền cho 16,313,516 cổ phần, tương ứng 66.40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin. Tuy nhiên:

Tại thời điểm hồi 08 giờ 10 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2022:

Số lượng đại biểu tham gia: 24 người;

Số lượng đại biểu ủy quyền: 418 người

Đại diện cho: 16.315.496 cổ phần chiếm 66,4067% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Chủ tọa kết luận:** Căn cứ khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020 và khoản 1 Điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội hợp lệ.

© Ông Nguyễn Việt Thanh - Thành viên HĐQT trình bày Quy chế làm việc và Chương trình nghị sự của Đại hội.

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, trong đó có một số nội dung quan trọng sau:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

- Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ của Công ty được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông, còn lại các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

© Kết thúc thủ tục khai mạc Đại hội, ĐHĐCĐ thực hiện Chương trình và các Nội dung của Đại hội.

## II. CÁC NỘI DUNG THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI:

Chủ tọa trình Đại hội thông qua các nội dung, cụ thể như sau:

- Nội dung 01:** Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty;
- Nội dung 02:** Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022;
- Nội dung 03:** Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người liên quan năm 2022;
- Nội dung 04:** Tờ trình về việc thông qua điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh



- Nội dung 05:** Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- Nội dung 06:** Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS công ty năm 2021, đề xuất tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2022;
- Nội dung 07:** Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Nội dung 08:** Báo cáo hoạt động của BKS và giám sát hoạt động quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành năm 2021; Báo cáo của BKS về thẩm định báo cáo tài chính năm 2021;
- Nội dung 09:** Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Công ty năm 2022;

### III. THẢO LUẬN:

Ông *Trần Thế Thành* – Chủ tọa chủ trì việc thảo luận các nội dung nêu trên trong Đại hội.

#### 2. Phần trả lời các cổ đông tại Đại hội:

##### 2.1. Ông *Trần Thế Thành* – Chủ tọa trả lời:

##### 2.2. Ông *Nguyễn Quang Quảng* – Q. Giám đốc trả lời:

##### 2.3. Bà *Hà Thị Diệp Anh* - Kế toán trưởng trả lời:

*(Nếu không có ý kiến thì bỏ qua đoạn trên)*

*Các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự tại đại hội không ai có ý kiến phát biểu. Chủ tọa Đại hội đã tiếp tục chuyển sang nội dung biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình vừa trình bày tại Đại hội.*

### IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TRONG ĐẠI HỘI

#### 1. Thông qua Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty.

*Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;*

*Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.*

*\* Kết quả biểu quyết:*

*- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp*

*- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.*

*- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu*

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**



**2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**

**3. Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người liên quan năm 2022.**

**a) Biểu quyết lần 1 : (Cổ đông TKV có tham gia biểu quyết)**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**

**b) Biểu quyết lần 2 : (Cổ đông TKV không tham gia biểu quyết)**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 345.612 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 345.612 Cổ phần chiếm 99,9882% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**

**4. Thông qua điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 99,9882% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu;



**\* Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**

#### **5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

**\* Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**

#### **6. Thông qua Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS công ty năm 2021, đề xuất tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2022;**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 99,9882% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu;

**\* Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**

#### **7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;**

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty hoàn thiện thủ tục và thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông vào cuối Quý II năm 2021 theo qui định của Pháp luật.

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

**\* Kết quả biểu quyết:**



- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%

**8. Thông qua Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và việc giám sát hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành; thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán của Ban kiểm soát Công ty.**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%

**9. Thông qua tờ trình danh sách tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Công ty năm 2022.**

Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 24 phiếu, đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%

## V. Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022- 2027

**1. Ông Nguyễn Việt Hùng – Trưởng ban Kiểm phiếu lên đọc Quy chế Bầu cử.**

Đại hội thông qua Quy chế Bầu cử với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp;

- Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS.
- Đại hội nghi giải lao và Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu bầu.
- Ông Nguyễn Việt Hùng – Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS như sau:

Tổng số phiếu thu được: 24 đại diện: 16.315.496 cổ phần, tương ứng với 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.





Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương với 0 cổ phần, tương ứng với 0% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

Số phiếu hợp lệ: 24, đại diện: 16.315.496 cổ phần, tương ứng với 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp, trong đó:

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS theo hình thức bầu dồn phiếu và bỏ phiếu kín, kết quả bầu cử như sau:

**\* Kết quả bầu thành viên HĐQT**

| STT | Họ và tên          | Số phiếu bầu | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|--------------|-----------|
| 1   | Trần Thế Thành     | 16.315.496   | 100%      |
| 2   | Nguyễn Quang Quảng | 16.315.496   | 100%      |
| 3   | Nguyễn Việt Thanh  | 16.315.496   | 100%      |
| 4   | Đặng Văn Tĩnh      | 16.315.496   | 100%      |
| 5   | Phạm Thị Hải       | 16.315.496   | 100%      |

Danh sách ứng viên đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin như sau:

1. Ông Trần Thế Thành
2. Ông Nguyễn Quang Quảng
3. Ông Nguyễn Việt Thanh
4. Ông Đặng Văn Tĩnh
5. Bà Phạm Thị Hải

**\* Kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên            | Số phiếu bầu | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------------|--------------|-----------|
| 1   | Phạm Thị Lan Hương   | 16.331.694   | 100,0993% |
| 2   | Nguyễn Thị Lương Anh | 16.307.397   | 99.9504%  |
| 3   | Ngô Duy Đà           | 16.307.397   | 99.9504%  |

Danh sách ứng viên đã trúng cử thành viên BKS Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Lương Anh
2. Ông Ngô Duy Đà
3. Bà Phạm Thị Lan Hương

**2. HĐQT hợp bầu Chủ tịch HĐQT; Ban Kiểm soát hợp bầu Trưởng Ban kiểm soát.**



Tại phiên họp các thành viên HĐQT đã thống nhất bầu Ông Trần Thế Thành- Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022÷2027

Tại phiên họp các thành viên BKS đã bầu bà Nguyễn Thị Lương Anh – Người đại diện của TKV tại Công ty giữ chức vụ Trưởng BKS nhiệm kỳ 2022-2027

Chủ tọa Đại hội đã giới thiệu các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới với các cổ đông và đại biểu tham dự Đại hội.

## VI. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

1. Bà Nguyễn Phương Nhung – Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

2. Ông Trần Thế Thành – Chủ tọa Đại hội thông qua Đại hội dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 24 phiếu đại diện cho 16.315.496 Cổ phần chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

**Vậy nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100%**

3. Ông Trần Thế Thành - Thay mặt Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty làm các thủ tục tuyên bố bế mạc Đại hội./.

### THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**Nguyễn Phương Nhung**

### CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



**Trần Thế Thành**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (b/c);
- SGDCK HN (b/c);
- Tập đoàn TKV (b/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN, CCB;
- Ban Giám đốc, KTTT;
- Phòng CV: Đăng trên Website của Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty (03).



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU – VINACOMIN**



**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*Hạ long, ngày 25 tháng 4 năm 2022*



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

| STT   | Thời gian     | Nội dung  | Người thực hiện                                    |
|---|---------------|---|--|
| 1   | 07h30'÷08h00' | Kiểm tra tư cách cổ đông, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu họp   | <b>Nguyễn Việt Hùng</b><br>Ban tổ chức Đại hội     |
| 2   | 08h00'÷08h10' | Ôn định tổ chức, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mời chủ tọa lên điều hành Đại hội   |  |
| 3   | 08h10'÷08h15' | Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông  | <b>Lương Xuân Hùng</b><br>Thành viên BKS           |
| 4   | 08h15'÷08h20' | Chủ tọa giới thiệu Thư ký, giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu.  | <b>Trần Thế Thành</b><br>Chủ tịch HĐQT             |
| 5   | 08h20'÷08h30' | - Trình bày nội dung Chương trình làm việc ĐHĐCĐ thường niên 2022<br>- Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ 2022   | <b>Nguyễn Việt Thanh</b><br>Thành viên HĐQT        |
|   |               | Biểu quyết thông qua  | <b>Trần Thế Thành</b><br>Chủ tịch HĐQT             |
| <b>Phần I: Trình bày các Báo cáo và tờ trình.</b> |               |   |  |
| 6   | 08h30'÷08h45' | (1). Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2022  | <b>Nguyễn Quang Quảng</b><br>TV HĐQT- QGD          |
| 7   | 08h45'÷09h00' | (2). Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng năm 2022.  | <b>Nguyễn Anh Chung</b><br>Thành viên HĐQT         |
|   |               | (3). Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022.   |  |
|   |               | (4). Tờ trình về việc thông qua điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh- Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin  |  |
| 8   | 9h00'÷09h10'  | (5). Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán   | <b>Hà Thị Diệp Anh</b><br>Kế toán trưởng           |
|   |               | (6). Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021, đề xuất thù lao HĐQT, BKS năm 2022.  |  |
|   |               | (7). Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch cổ tức năm 2022.  |  |
| 9   | 09h10'÷09h20' | (8). Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. Báo cáo của Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty năm 2021. | <b>Nguyễn Thị Lương Anh</b> - Trưởng Ban Kiểm soát |
|   |               | (9). Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022.  |  |



| STT   | Thời gian     | Nội dung  | Người thực hiện                             |
|---|---------------|---|---|
| <b>Phần II: Thảo luận biểu quyết các báo cáo, tờ trình</b>                          |               |   |   |
| 11  | 09h30'÷10h00' | Thảo luận về các Báo cáo và tờ trình đã được trình bày tại Đại hội.   | <b>Trần Thế Thành</b><br>Chủ tịch HĐQT      |
|   |               | Biểu quyết thông qua các nội dung đã thảo luận tại Đại hội.   |   |
| 12  | 10h00'÷10h15' | Hướng dẫn ghi phiếu và thu phiếu biểu quyết.  | <b>Ban kiểm phiếu</b>                       |
| <b>Phần III: Bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022- 2027</b>             |               |   |   |
| 13  | 10h15'÷10h45' | Tờ trình giới thiệu đề cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027   | <b>Nguyễn Việt Thanh</b><br>Thành viên HĐQT |
|   |               | Thông qua Quy chế bầu cử và tiến hành bầu cử.   | <b>Ban kiểm phiếu</b>                       |
|   |               | <i>Đại hội nghỉ làm việc 15 phút.</i>   |   |
| <b>Phần IV: Công bố kết quả biểu quyết, Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.</b> |               |   |   |
| 14  | 10h45'÷10h55' | Công bố kết quả biểu quyết các nội dung đã thảo luận tại Đại hội, kết quả bầu cử.   | Trưởng ban kiểm phiếu                       |
| 15  | 10h55'÷11h10' | Đại hội nghỉ tại chỗ 10 phút. HĐQT họp bầu CT HĐQT và Ban kiểm soát họp bầu Trưởng ban kiểm soát. Công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022- 2027 | HĐQT, BKS<br>Ban kiểm phiếu                 |
| 16  | 11h10'÷11h20' | Trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  | Thư ký Đại hội                              |
|   |               | Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết.  | <b>Trần Thế Thành</b><br>Chủ tịch HĐQT      |
| 17  | 11h20'÷11h30' | Bế mạc Đại hội.   | <b>Trần Thế Thành</b><br>Chủ tịch HĐQT      |

**BAN TỔ CHỨC**  
**DHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**



Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*Căn cứ:*

*Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2021;*

*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin, quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông (cổ đông/đại diện cổ đông) tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

2. Cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

**Điều 2. Mục tiêu đại hội**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông, Công ty sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Chương II**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Điều kiện tham dự:

Các cổ đông có tên trong danh sách phân bổ quyền thực hiện bỏ phiếu do Trung tâm Lưu ký chứng khoán lập ngày 17/3/2022 tại văn bản số: V263/2022-THT/VSD-ĐK ngày 21/3/2022 cấp cho Công ty;

2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Cổ đông/đại diện cổ đông khi dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân (CMND/hoặc hộ chiếu/hoặc CCCD...) và Giấy ủy quyền (đối với đại



*diện cổ đông*) xuất trình với Ban tổ chức và được nhận một Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử trong đó ghi số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu và ủy quyền*) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.

d. Tại Đại hội, các cổ đông/đại diện cổ đông sau khi nghe báo cáo, tờ trình về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua các nội dung bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết hoặc điền vào Phiếu biểu quyết.

e. Các cổ đông/đại diện cổ đông dự họp có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận theo sự điều hành của Chủ tọa. Trước khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến (theo mẫu quy định). Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

f. Cổ đông/đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký dự đại hội, ngay sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng.

### 3. Nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội;

b. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, có trang phục lịch sự, không đội mũ, không hút thuốc, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

c. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;

d. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

e. Ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

f. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

g. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội; Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

h. Không có hành vi gây rối trật tự, cản trở diễn biến bình thường của Đại hội làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

i. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội; Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

### **Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội**

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người và có sự hỗ trợ của Tổ chức Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông. Ban thẩm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.



## 2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông:

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trường ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

## **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội**

1. Chủ tọa Đại hội: Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo nội dung, chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Giới thiệu Thư ký đại hội;

c. Hướng dẫn các cổ đông/đại diện cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự, quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.

d. Trả lời những vấn đề do cổ đông/đại diện cổ đông yêu cầu.

e. Có thể tiến hành các hoạt động thấy cần thiết để điều hành Đại hội một cách hợp thức và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

f. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

2. Thư ký đại hội:

a. Thư ký do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.

b. Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);

c. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Chủ tọa quyết định.

e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

## **Điều 6. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người: 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;

b. Nhanh chóng tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung để Chủ tọa thông báo trước Đại hội.

c. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;



d. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

### **Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

#### **Điều 8. Cách thức thảo luận và tiến hành biểu quyết**

##### 1. Nguyên tắc:

a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;

c. Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;

d. Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

##### 2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

a. Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;

b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

3. Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như sau:

a. Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

b. Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

##### 4. Cách thức biểu quyết:

a. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.

b. Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi: (Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành; Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành; Lần thứ ba: Biểu quyết không có ý kiến) về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung.



c. Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra;
- Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;
- Phiếu biểu quyết bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một Tờ trình Đại hội thì nội dung đó được coi là không hợp lệ.

#### 5. Thể lệ biểu quyết:

a. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

b. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

c. Các nội dung sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;

- Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

- Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

- Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

d. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 4 của Điều này, còn lại các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.



**Điều 9. Nghị Quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông.**

Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

**Chương IV**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

Quy chế này gồm 4 chương 10 điều có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này. /.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV: Đăng trên Website của Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**



Số: 808 /BC-VHTC

Hạ Long, ngày 23 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO

### Về việc tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 Phương hướng nhiệm vụ năm 2022

#### PHẦN I

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

##### I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021:

##### 1. Đánh giá chung

Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid 19, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất thiết bị, ổn định việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo mục tiêu kép “*Vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh – vừa ổn định sản xuất*”. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid 19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giá cả đầu vào tăng cao, khối lượng than tiêu thụ lớn gây áp lực cho công tác chuẩn bị chân hàng, đặc biệt trong 6 tháng đầu năm, Công ty còn phải thực hiện giao 298.000 tấn than gửi kho của năm 2020.

Trước những khó khăn, thách thức đó, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp kịp thời để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc như: Xây dựng và đề nghị TKV phê duyệt phương án tiêu thụ 500.000 tấn than nguyên khai, xây dựng phương án khai thác xuống moong xong trước mùa mưa, Phương án sản xuất than chất lượng cao..., phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất.... Qua đó, Các chỉ tiêu SXKD năm 2021 của Công ty đều hoàn thành vượt so Nghị quyết ĐHĐCĐ.

##### 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021 như sau:

- **Đất đá bóc xúc tổng số:** đạt 41,96/40 triệu m<sup>3</sup>, bằng 104,9% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra;

- **Than nguyên khai khai thác:** đạt 2.099,7/2.000 ngàn tấn, bằng 105% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra;

- **Than sàng tổng số:** đạt 2.213/2.148 ngàn tấn, bằng 103% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra;

- **Than tiêu thụ tổng số:** đạt 2.157/2.148 ngàn tấn, bằng 100,4% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra;

- **Doanh thu tổng số:** đạt 3.600,8/3.434 tỷ đồng, bằng 104,8% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra. Trong đó doanh thu sản xuất than đạt 3.579,2/3.434 tỷ đồng bằng 104,2% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra;



- **Lợi nhuận tổng số:** đạt 51,48/25,98 tỷ đồng, bằng 198,2% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra;

- **Tiền lương bình quân:** đạt 11,9/9,5 triệu đồng/ng-tháng, bằng 125,5% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra;

- **Thực hiện đầu tư xây dựng tổng số:** đạt 619,3/665,3 tỷ đồng, bằng 93% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra;

## II. Một số giải pháp chủ yếu Công ty đã tổ chức, triển khai thực hiện

### 1. Công tác phòng chống dịch Covid-19:

Trước tình hình diễn biến của dịch Covid-19 rất phức tạp, Công ty thành lập ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19, với Trưởng ban chỉ đạo là Giám đốc, cùng với các tổ chức Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội CCB Công ty đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các công văn, chỉ thị của BCĐ phòng chống dịch; Quán triệt đến từng cán bộ CNV trong toàn Công ty thực hiện nghiêm túc quét mã QR tại các vị trí sản xuất, định kỳ tổ chức test diện rộng cho người lao động; Xây dựng phương án 3 tại chỗ, sẵn sàng cho các tình huống xấu có thể xảy ra. Phối hợp cùng với Công ty Cổ phần Đưa Đón Thợ Mỏ-Vinacomin đánh số ghế ngồi để tiện cho việc khoanh vùng khi xuất hiện F0; Thường xuyên tuyên truyền cho người lao động thực hiện các biện pháp phòng tránh lây nhiễm dịch Covid-19; Đến nay, Công ty đã triển khai tiêm Vaxcin Covid 19 mũi 3 cho 100% CBCNV.

**2. Công tác an toàn, VSLĐ:** Công tác AT-VSLĐ là nhiệm vụ quan trọng được Công ty đặt lên hàng đầu, xuyên suốt trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty đã không ngừng đầu tư đưa công nghệ mới vào sản xuất nhằm giảm số người lao động trực tiếp, cải thiện điều kiện đi lại, nâng cao năng suất lao động, giảm lao động nặng nhọc, nâng cao mức độ an toàn, các thiết bị được quan tâm đầu tư trang bị hiện đại đồng thời cải thiện môi trường lao động, đảm bảo các điều kiện cho sản xuất an toàn, cụ thể đến nay Công ty đã đầu tư 03 máy xúc PC2000 gầu 12m<sup>3</sup>, 21 xe trọng tải >90 tấn, 06 hệ thống phun sương, đập bụi trong khai trường sản xuất.... Tuy nhiên, năm 2021 công tác an toàn lao động chưa đảm bảo mục tiêu, cụ thể: Tai nạn lao động xảy ra 07 vụ, tăng 04 vụ so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: 02 vụ TNLĐ loại nhẹ, 04 vụ TNLĐ loại nặng, 01 vụ TNLĐ nghiêm trọng; Sự cố loại III xảy ra 07 vụ, tăng 02 vụ so với cùng kỳ năm 2020. Tai nạn giao thông xảy ra 01 vụ, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do ý thức chủ quan của cán bộ, công nhân trong việc chấp hành quy trình, quy phạm, nội quy lao động, quy định an toàn dẫn đến xảy ra 01 vụ tai nạn lao động bị tử vong do vận hành thiết bị.

**3. Công tác tái cơ cấu:** Trong giai đoạn 2017-2021 triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu theo chỉ đạo của TKV, Công ty đã đạt được nhiều mục tiêu của đề án, đặc biệt trong công tác sắp xếp mô hình tổ chức quản lý, tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp, cụ thể: Công ty đã sáp nhập Phân xưởng xe 5 và Phân xưởng xe 2, sáp nhập Phòng CV và Phòng VTA thành Phòng CV, sắp xếp điều chỉnh từ 05 kho vật tư về 04 kho Vật tư. Đến nay, mô hình tổ chức hoạt động của Công



ty gồm 24 công trường, phân xưởng, phòng ban, trong đó: 11 công trường, phân xưởng (giảm 02 đầu mỗi so với Đề án) và 13 phòng ban (hoàn thành theo đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt); Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án sắp xếp lao động quản lý từ Công ty đến các công trường, phân xưởng theo mô hình mẫu của TKV, ... đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành các mục tiêu tái cơ cấu.

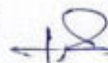
#### **4. Công tác điều hành sản xuất, tiêu thụ và quản lý kỹ thuật công nghệ:**

*4.1. Công tác điều hành sản xuất:* Trong những tháng đầu năm 2021, Công ty đã xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng bộ phận, từng khâu sản xuất, thường xuyên kiểm điểm tiến độ thực hiện để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc. Tập trung thiết bị khai thác tối đa khu vực moong trước mùa mưa (30/6/2021) theo chỉ đạo của TKV tại Công văn số 135/TTĐHSX-KCM ngày 08/3/2021 về việc hoàn thiện, triển khai phương án khai thác than lộ thiên trước và trong mùa mưa năm 2021. Kết quả kết thúc 6 tháng đầu năm, đáy moong khai thác đạt mức -80 theo đúng Phương án khai thác than của TKV. Bên cạnh đó, Công ty đã cân đối các nguồn lực và sản xuất tăng thêm 100.000 tấn than nguyên khai theo tinh thần chỉ đạo của Tập đoàn tại Công văn số 4141/TKV-KH ngày 06/9/2021 “về việc điều hành sản xuất than 6 tháng cuối năm 2021”.

*4.2. Công tác chế biến, tiêu thụ:* Trong những tháng đầu năm 2021, tình hình tiêu thụ của Công ty và Tập đoàn nói chung gặp nhiều khó khăn, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ như: mở rộng tối đa mặt bằng chứa than sạch, bố trí kho tạm chứa than nguyên khai để duy trì hệ thống khai thác. Đặc biệt để tháo gỡ cho công tác tiêu thụ, ngày 25/3/2021 Công ty đã được Tập đoàn phê duyệt phương án tiêu thụ 500.000 tấn than nguyên khai sơ tuyển tại Công văn số 1197/TKV-KH ngày 25/3/2021. Qua đó, thực hiện tiêu thụ của Công ty đã đảm bảo được yêu cầu của Tập đoàn về số lượng và chất lượng, sản lượng tiêu thụ đạt 2.157/2.148 ngàn tấn bằng 100,3% so với kế hoạch TKV giao; Trong đó, Công ty đã sản xuất được 509,6 ngàn tấn than chất lượng cao, bằng 200% so với kế hoạch đầu năm.

*4.3. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản:* Năm 2021, Công ty tiếp tục tăng cường quản lý kỹ thuật cơ bản, tập trung cải tạo lại các thông số của hệ thống khai thác Dự án Bắc Bàng Danh; Thực hiện các giải pháp đồng bộ thiết bị trong các khâu khoan, bốc xúc, vận chuyên, chất lượng làm đường, tăng tỷ lệ áp dụng xe cơ giới có tải trọng lớn phù hợp với mặt tầng công tác và góc nghiêng bờ tầng...cụ thể: Tiếp tục thi công cải tạo mở rộng các tuyến đường vận chuyên chính có chiều rộng >20m đảm bảo cho xe 100 tấn hoạt động hiệu quả. Than nguyên khai khai thác đạt 2.099.689 tấn (vượt xấp xỉ 100 ngàn tấn so với kế hoạch đầu năm). Thực hiện cung độ đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tỷ lệ tổn thất thực hiện 4,601/4,604 bằng 99,9% kế hoạch; Chất lượng than khai thác đạt 33,15/33,72% giảm 0,57% Ak.

#### **5. Công tác quản trị nội bộ và khoán chi phí:**





**5.1. Công tác quản trị nội bộ:** Công ty đã thực hiện nghiêm túc Quy chế kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật tuân thủ các quy định của Nhà nước và TKV. Ban kiểm soát nội bộ đã thường xuyên kiểm soát hoạt động của Công ty và đưa ra các cảnh báo kịp thời. Thường xuyên rà soát sửa đổi các Quy chế quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với tình hình hiện tại cũng như phù hợp với các quy định của Nhà nước và của TKV. Năm 2021, Công ty đã phát hành sửa đổi bổ sung: 08 quy chế và 14 quy định nội bộ để phù hợp với yêu cầu quản lý (năm 2020 là 11 quy chế và 42 quy định nội bộ).

**5.2. Công tác quản trị chi phí, giá thành:** Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn đẩy nhanh tốc độ sản lượng khai thác, tốc độ xuống sâu, sản lượng than khai thác tăng mạnh, trong khi cung độ rất ngắn dẫn đến chi phí tăng cao. Nhận thức được điều đó, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp với mục tiêu tăng cường công tác quản trị chi phí, cụ thể: Xây dựng và ban hành chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí với các giải pháp và mục tiêu cụ thể đảm bảo tiết kiệm tối thiểu 2% chi phí SXKD năm 2021; Ký hợp đồng giao khoán với các đơn vị sản xuất, và xây dựng các chương trình để các đơn vị giao khoán đến từng tổ đội sản xuất; (ii) tổ chức họp thanh toán khoán hàng tháng, giải quyết các khó khăn vướng mắc cho đơn vị, điều chỉnh chi phí khi điều kiện sản xuất thay đổi. Do đó, thực hiện chi phí khoán nội bộ năm 2021 của toàn Công ty đã có tiết kiệm. Tổng chi phí khoán các Công trường, Phân xưởng giảm 4.761 triệu đồng so với định mức giao khoán của Công ty. Kết thúc năm 2021, lợi nhuận của Công ty thực hiện tăng 25,6 tỷ đồng, tiền lương bình quân tăng 25,5% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tăng 4% so với thực hiện năm 2020.

## **6. Công tác đầu tư xây dựng:**

**6.1. Công tác đầu tư:** Năm 2021, tổng giá trị thực hiện đầu tư của Công ty là 619,3/665,3 tỷ đồng, bằng 93,0% kế hoạch điều chỉnh. Trong đó, thực hiện kế hoạch trả nợ năm trước là 262,6/262,6 tỷ đồng bằng 100% kế hoạch điều chỉnh; Thực hiện các công trình chuyển tiếp là 311,7/351,4 tỷ đồng bằng 88,7%; Dự án khởi công mới đạt 45/50,9 tỷ đồng bằng 88,4% kế hoạch điều chỉnh.

**6.2. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng:** Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh được phê duyệt với diện tích sử dụng đất là 5.343.290 m<sup>2</sup> theo Quyết định số 7830/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND thành phố Hạ Long. Trong đó có 662.345,2m<sup>2</sup> của các hộ dân đang quản lý, sử dụng theo sổ giao khoán đất rừng, gồm 08 hộ dân. Đến thời điểm hiện tại, Thành phố Hạ Long đã lập xong phương án đền bù, GPMB tổng số 5/8 hộ dân, trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh thẩm định tại Tờ trình số 485/TTr-UBND ngày 25/11/2021 Về việc đề nghị thẩm định phương án hỗ trợ GPMB dự án khai thác lộ thiên Bắc Bàng Danh tại phường Hà Tu, Hà Khánh, Hà Phong thành phố Hạ Long. Ngày 24/11/2021 UBND thành phố Hạ Long đã tổ chức thực hiện cưỡng chế xong 03 hộ dân không đồng thuận thực hiện kiểm đếm. Đến nay, UBND Thành phố Hạ Long đã có phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khai thác

23.0  
CY  
VN  
À TU  
MIN  
QUAN

12



lộ thiên khu Bắc Bàn Danh đối với các hộ dân trên và đang trình cơ quan của UBND Tỉnh Quảng Ninh xem xét phê duyệt để tổ chức thực hiện.

*6.3. Công tác điều chỉnh Dự án Bắc Bàn Danh:* Năm 2021, Công ty đã tập trung triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến điều chỉnh Dự án và đã được Tập đoàn thông qua dự án điều chỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo. Hiện tại Công ty đang trình các cơ quan quản lý nhà nước và UBND tỉnh Quảng Ninh để thông qua Dự án điều chỉnh).

## **7. Công tác môi trường và phòng chống mưa bão**

*7.1. Công tác bảo vệ Môi trường:* Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề BVMT trong sản xuất, từng bước khắc phục hạn chế vấn đề bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, Công ty chủ động bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty để triển khai thực hiện trong năm cụ thể: Công ty đã xây dựng và được TKV phê duyệt phương án Bảo vệ môi trường tổng thể mỏ than Hà Tu – Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin giai đoạn 2012÷2025, định hướng đến 2030 tại Công văn số 1519/TKV-MT ngày 09/4/2021, tổng chi phí dự kiến thực hiện theo Phương án giai đoạn 2021-2025 là: 85.787 triệu đồng. Đến nay Công ty đã thực hiện đầu tư và đưa vào sử dụng 06 hệ thống phun sương chống bụi cao áp, trong đó: 04 hệ thống lắp đặt tại kho than và sàng tuyển, bán kính phun xa 120m; 02 hệ thống lắp đặt tại bãi thải mức +140 và mức +170, bán kính phun xa 150m để phục vụ công tác xử lý bụi trong quá trình sản xuất; Cuối năm 2021 Công ty tiếp tục đưa vào sử dụng 02 hệ thống phun sương chống bụi cao áp bán kính 150 m để lắp đặt tại khu vực bãi thải Bắc Bàn Danh. Đặc biệt, Công ty đã đưa 01 xe tưới đường chuyên dụng công suất lớn (thùng xe chứa nước 49m<sup>3</sup>) theo Phương án bảo vệ môi trường tổng thể để phục vụ công tác tưới đường dập bụi.

*7.2. Công tác cải tạo phục hồi môi trường:* Công ty đã thực hiện cải tạo phục hồi môi trường các bãi thải đã dừng đổ thải theo đúng nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3033/QĐ-BTNMT với tổng diện tích 89,73 ha; trong đó: Bãi thải Chính Bắc là 60,43 ha; Bãi thải Via 7&8 là 29,3 ha và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 112/GXN-BTNMT ngày 16/8/2019 “về việc xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của dự án Đầu tư phát triển mỏ Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin”; đồng thời đã được Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh hoàn trả số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là 19,6 tỷ đồng. Ngày 7/1/2022, Công ty đã được Quỹ bảo vệ môi trường tiếp tục hoàn trả tiền ký quỹ với giá trị 10,5 tỷ đồng.

*7.3. Công tác thực hiện nội dung đề án Đóng cửa mỏ:* Để chấp hành đúng quy định pháp luật trong công tác khai thác khoáng sản, sau khi dự án Đầu tư phát triển mỏ đã kết thúc khai thác Công ty đã chủ động lập Đề án đóng cửa mỏ và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1511/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2021 “về việc phê duyệt Đề án Đóng cửa mỏ khoáng sản



12



khu vực khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Hà Tu, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin". Hiện nay, Công ty đã thực hiện xong việc nạo vét rãnh thoát nước khu vực mặt bằng sân công nghiệp và đang tiếp tục thực hiện cải tạo hệ thống thoát nước khu vực ngoài biên giới mỏ theo đúng tiến độ đã được Bộ TNMT phê duyệt.

*7.4. Công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh (điều chỉnh):* Hiện nay, Công ty Cổ phần Than Hà Tu đã lập xong Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh (điều chỉnh) và đã được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1994/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2021 “về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh (điều chỉnh) - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin”, đến nay Công ty đang triển khai thực hiện các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đảm bảo theo đúng quy định.

*7.5. Công tác PCMB:* Ngay từ những ngày đầu năm 2021, Công ty đã chủ động xây dựng các phương án PCMB, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân để triển khai thực hiện khi có mưa bão xảy ra. Hoàn thành các công trình phòng chống mưa bão như các công trình nạo vét mương rãnh thoát nước, xây dựng lại các hệ thống kè chống sạt lở, gia cố lại toàn bộ các khu vực có nguy cơ xảy ra mất an toàn, bố trí các thiết bị tại các vị trí xung yếu để chủ động ứng phó. Kết quả, qua một số đợt mưa bão các hệ thống mương rãnh, các hệ thống thu nước của Công ty đã hoạt động hết sức hiệu quả, giảm thiểu các chi phí khắc phục do mưa bão gây lên, các thiết bị sớm có thể hoạt động sau mưa. Năm 2021 không có sự cố xảy ra về công tác PCMB.

## **8. Công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ:**

Công ty đã chủ động xây dựng 14 quy chế phối hợp với Đảng ủy, UBND và Công an địa phương trong công tác quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh bảo vệ ANTT. Ngoài các quy chế phối hợp với chính quyền địa phương, thực hiện theo chỉ đạo của TKV về tăng cường công tác phối hợp trong quản lý tài nguyên ranh giới Mỏ và các hoạt động khai thác. Công ty xây dựng quy chế phối hợp với một số đơn vị có ranh giới giáp ranh với Công ty như: Công ty Than Hòn Gai – TKV; Công ty Than Núi Béo - Vinacomin; Công ty Khai thác khoáng sản – Tổng Công ty Đông Bắc. Định kỳ, đột xuất phối hợp kiểm tra ranh giới Mỏ theo nội dung đã thống nhất trong quy chế. Tiếp tục triển khai thực hiện quy chế phối hợp với Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin để đảm bảo ANTT, an toàn cho người, thiết bị và tài sản trong quá trình giao nhận, vận chuyển và tiêu thụ than, bảo vệ môi trường và an toàn giao thông trong quá trình sản xuất.

Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tạo điều kiện của cơ quan cấp trên, Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm các nội dung trong Chỉ thị số 29/CT-TTg; Nghị quyết số 16-NQ/TU, Kết luận số



759-KL/TU. Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm, đồng bộ các biện pháp, giải pháp đảm bảo ANTT, quản lý, bảo vệ tài nguyên, ranh giới Mỏ; Về cơ bản đã kiểm soát được các hoạt động sản xuất, giữ vững được ANTT, bảo vệ than trong ranh giới quản lý, nhờ đó đã giữ vững được ổn định sản xuất, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu SXKD của Công ty cũng như TKV.

### 9. Một số mặt công tác khác

- *Công tác thi đua-khen thưởng*: Công ty đã phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất sâu rộng trong toàn Công ty với mục tiêu An toàn - Đổi mới - Phát triển; Phát động thi đua thiết thực lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn; Phát động thu đua 90 ngày đêm phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu đề ra; Phát động phong trào “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam“, “Phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí“..... Bên cạnh đó, Công ty đã ban hành quy định bổ sung ăn giữa ca, cải thiện điều kiện làm việc và chăm lo đời sống, đảm bảo sức khỏe cho người lao động, đặc biệt trong những ngày nắng nóng, triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid 19..

- *Công tác phối hợp với các đoàn thể, quần chúng trong Công ty và cơ quan chính quyền địa phương*: Cùng với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho CBCNV về nhiệm vụ SXKD và những giải pháp của Công ty; thực hiện tốt công tác phối hợp đẩy mạnh và phát động các phong trào thi đua LĐSX; công tác đảm bảo AT-VSLĐ; bảo vệ môi trường... tạo sự đồng lòng, quyết tâm thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao. Trong năm 2021, Công ty đã ký 14 Quy chế, kế hoạch phối hợp với các cấp ủy Đảng, UBND, Công an địa phương, thường xuyên phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ Công an Tỉnh, Công an TP Hạ Long và Công an 03 phường: Hà Tu, Hà Khánh, Hà Phong và UBND phường trên địa bàn trong thực hiện nhiệm vụ được giao; Phối hợp tuần tra, kiểm soát chung giữa Công ty - UBND - Công an phường tại các khu vực ranh giới mỏ quản lý (tổng số đã tuần tra được trên 17 lượt trong năm 2021).

### III. Đánh giá chung

Với mục tiêu thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid 19, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất thiết bị, ổn định việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo mục tiêu kép “*Vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh – vừa ổn định sản xuất*”. Ban lãnh đạo Công ty, đã đề ra các giải pháp và nhận được sự đồng thuận, nỗ lực phấn đấu, tinh thần Kỷ luật và Đồng Tâm của toàn thể công nhân, cán bộ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch ở mức cao nhất để ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Qua đó, Các chỉ tiêu SXKD năm 2021 của Công ty đều hoàn thành vượt mức so tiến độ kế hoạch TKV giao cũng như kế hoạch điều hành của Công ty. Bên cạnh những kết quả đạt được Công ty còn một số tồn tại, hạn chế như:

570  
CÓ  
CỔ  
HÀ  
IN  
QU



(1) Mặc dù công tác phòng ngừa an toàn luôn được Công ty hết sức chú trọng. Tuy nhiên, trong năm 2021 còn để xảy ra 12 vụ tai nạn lao động và sự cố thiết bị. Trong đó: có 01 vụ tai nạn dẫn đến chết người.

(2) Thực hiện Dự án Bắc Bàng Danh: Công tác điều chỉnh dự án còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ đề ra (tiến độ kế hoạch là điều chỉnh xong trong năm 2021); Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đã có chuyển biến nhưng chưa đảm bảo tiến độ đề ra, gây khó khăn trong quá triển khai thực hiện dự án.





**PHẦN II**  
**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH**  
**KẾ HOẠCH NĂM 2022**

**I. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022**

**1. Mục tiêu chung: AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ**

Năm 2022, với mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid 19, đáp ứng nhu cầu than cho Tập đoàn, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, và yêu cầu phục hồi kinh tế, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa Công ty trở thành “Mỏ hiện đại, mỏ An toàn, thân thiện với môi trường, Mỏ sản lượng cao”. Công ty đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp điều hành trong năm 2022 như sau:

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022:**

| TT | Chỉ tiêu                 | ĐVT                 | KH<br>Năm 2022 | Ghi chú              |
|----|--------------------------|---------------------|----------------|----------------------|
| 1  | Đất đá bóc tổng số       | 1000 m <sup>3</sup> | 44.000         |                      |
| 2  | Than NK khai thác        | 1000 Tấn            | 2.500          |                      |
| 3  | Than sàng tổng số        | 1000 Tấn            | 2.528          |                      |
|    | - Than sạch từ NK        | "                   | 1.828          |                      |
|    | - Than sạch từ ĐL        | "                   | 200            |                      |
|    | - Than NKST              | "                   | 500            | Qui sạch 425.000 tấn |
| 4  | Than tiêu thụ            | 1000 Tấn            | 2.528          |                      |
|    | - Than sạch              | "                   | 2.028          |                      |
|    | - Than nguyên khai       | "                   | 500            |                      |
| 5  | D.T Tổng số              | Tr.đ                | 3.826.489      |                      |
|    | - Doanh thu than         | Tr.đ                | 3.826.489      |                      |
| 6  | LN thực hiện tổng số     | Tr.đ                | 30.260         |                      |
| 7  | Lương bình quân          | 1000đ/ng/tháng      | 9.746          |                      |
| 8  | Kế hoạch đầu tư xây dựng | Tỷ đồng             | 274,3          |                      |

**III. Các giải pháp chỉ đạo điều hành năm 2022:**

**1. Công tác phòng chống dịch Covid 19:**

Tập trung chỉ đạo tổ chức phòng chống dịch bệnh Covid-19; tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ, ngày 18/10/2021 của Ban thường

+2



vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh và Chỉ thị số 07-CT/ĐU ngày 19/10/2021 của Ban thường vụ Đảng ủy than Quảng Ninh “về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Chiến lược tổng thể thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh”. Thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của TKV về công tác đảm bảo an toàn trong phòng chống Covid-19. Thực hiện tốt yêu cầu 5K, chuẩn bị và thực hiện tốt phương châm “3 trước”, “4 tại chỗ”. Chuẩn bị tốt nguồn lực, cơ sở vật chất trong phòng chống dịch.

**2. Đảm bảo mục tiêu kép:** Năm 2022, với mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid 19, đảm bảo ổn định sản xuất và duy trì mức sản lượng 2,5 triệu tấn/năm, đáp ứng nhu cầu than cho Tập đoàn, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, và yêu cầu phục hồi kinh tế, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa Công ty trở thành “Mỏ hiện đại, mỏ An toàn, thân thiện với môi trường, Mỏ sản lượng cao”.

### **3. Công tác quản lý kỹ thuật và điều hành sản xuất:**

- Bám sát kế hoạch điều hành hàng tháng, quý, năm của TKV để điều hành sản xuất đảm bảo đúng tiến độ khai thác, chế biến, đa dạng chủng loại than và đáp ứng đủ chân hàng, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của TKV. Tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm, hoàn thành tiến độ xuống moong trước mùa mưa; đảm bảo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu, với tiến độ đề ra như sau: Quý I thực hiện 22% kế hoạch năm; Quý II thực hiện 28% kế hoạch năm; Quý III thực hiện 22% kế hoạch năm; Quý IV thực hiện 28% kế hoạch năm;

- Tổ chức điều hành sản xuất hợp lý, đồng bộ các khâu, các công đoạn sản xuất (chuẩn bị diện sản xuất: Khoan nổ, bóc xúc, đổ thải, làm đường...); kịp thời giải quyết các vướng mắc trong sản xuất ngay trong ca làm việc, nâng cao giờ hoạt động hữu ích của các thiết bị.

- Xây dựng Phương án cải tạo thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác theo Phương án khai thác giai đoạn 2019-2023 đã được TKV phê duyệt. Bám sát kế hoạch các chỉ tiêu công nghệ năm 2022 đã được duyệt đặc biệt các chỉ tiêu: Cung độ vận chuyển đất, than, tỷ lệ đất đá nổ mìn, tỷ lệ thuốc nổ chịu nước < 54%; qui mô bãi nổ > 45.000 m<sup>3</sup>/bãi đất đá công nghệ < 1.000.000 m<sup>3</sup>; phẩm cấp than nguyên khai < 33,50% Ak; Hệ số bóc đất đá 17,60 m<sup>3</sup>/tấn. Tăng cường giám sát xúc chọn lọc than nguyên khai giảm tỷ lệ tổn thất, đảm bảo tỷ lệ tổn thất than nguyên khai < 4,30%, phấn đấu giảm xuống còn 4%; Chủ động xây dựng các Phương án kỹ thuật như: Phương án khai thác than trước mùa mưa; Phương án hạ moong; Phương án thoát nước....

- Tiếp tục đầu tư nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tập trung đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, tin học hóa vào sản xuất và quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; nâng cao mức độ an toàn, cải thiện môi trường, nâng cao năng lực tự làm (đặc biệt năng lực vận tải);

- Đẩy mạnh việc sử dụng đồng bộ thiết bị công suất lớn máy xúc dung tích gầu lớn hơn 10 m<sup>3</sup> kết hợp xe ô tô vận chuyển trọng tải lớn hơn 90 tấn; nghiên cứu giải pháp xử lý bùn đáy nhanh tốc độ xuống moong;



#### **4. Công tác khoán quản trị chi phí và lao động tiền lương:**

- Rà soát, hoàn thiện Quy chế khoán và quản trị chi phí nội bộ, các Quy chế quy định nội bộ khác để đề xuất sửa đổi bổ sung phù hợp với các quy định hiện hành của TKV và Pháp luật nhà nước. Theo đó, chỉ điều chỉnh một số chỉ tiêu công nghệ, giá cả đầu vào chính khi có sự biến động khách quan đầu vào. Các chi phí phát sinh khác ngoài kế hoạch TKV giao đầu năm sẽ không được điều chỉnh bổ sung.

- Triển khai quyết liệt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, vận động thực hiện Chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2022-2025 trên tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty giai đoạn 2020-2025, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

- Điều hành quỹ tiền lương một cách khoa học, đạt hiệu quả cao trên cơ sở dành tối đa nguồn tiền lương để trả sản phẩm hàng tháng nhằm tạo động lực tăng ngày công làm việc, tăng năng suất lao động, hạn chế bổ sung lương vào các dịp lễ. Phân đầu mục tiêu tiền lương thực hiện cao hơn kế hoạch đề ra, đảm bảo nguyên tắc “Lao động thấp – Tiền lương cao”; “Hao phí nhân công giảm – Tiền lương của người lao động tăng”.

- Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hệ thống định mức nguyên nhiên vật liệu, năng suất thiết bị, đơn giá các công đoạn sản xuất, áp dụng các phương pháp, công nghệ quản lý tiên tiến.

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật.

#### **4. Công tác an toàn và an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ:**

- Đảm bảo tuyệt đối công tác an toàn, không để xảy ra tai nạn chết người, tai nạn nghiêm trọng và giảm số vụ về sự cố thiết bị, xe máy. Kiên quyết xử lý các cá nhân, tập thể vi phạm kỷ luật, vi phạm nội quy lao động; Siết chặt việc quản lý, bố trí lao động, điều kiện an toàn trong các ca sản xuất

- Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn, khắc phục triệt để các tồn tại sau kiểm tra, tăng cường công tác tự kiểm tra (định kỳ, đột xuất) tại hiện trường sản xuất, để kịp thời phát hiện các tồn tại, sai phạm quy trình công nghệ, quy định an toàn tại khai trường sản xuất. Chủ động lập Phương án đảm bảo an toàn lao động của từng đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện (gồm đánh giá nguy cơ mất an toàn, biện pháp phòng tránh), nhằm hạn chế và giảm thấp nhất số vụ tai nạn lao động và sự cố thiết bị.

- Tiếp tục bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ninh về phát triển kinh tế nói chung, trọng tâm



12



là Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Chỉ thị số 03-CT/TTg ngày 31/3/2019 của Chính phủ về “Tăng cường hiệu lực thực thi chính sách pháp luật về Khoáng sản”; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 9/5/2019 của tỉnh ủy Quảng Ninh về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý tài nguyên than, khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quy chế số 6383/QCPH - CAQN - TKV ngày 19/9/2020 về quy chế phối hợp giữa Công an tỉnh Quảng Ninh và Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trong công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, trật tự an toàn cơ quan doanh nghiệp. Chủ động tham mưu trong chỉ đạo, phối hợp giữa Đảng ủy, UBND, Công an với Công ty trong công tác đảm bảo ANTT phục vụ nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh than, phòng ngừa vi phạm liên quan đến nội bộ Công ty, phát hiện đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả với hoạt động khai thác, vận chuyển, và tiêu thụ than trái phép, các hoạt động trái phép trên địa bàn.

- Chủ động nắm vững tình hình ANTT trên địa bàn để có phương án xử lý kịp thời, tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện để xử lý nhanh, dứt điểm những vụ việc về ANTT. Thường xuyên củng cố, sắp xếp, biên chế lực lượng bảo vệ hợp lý tại các vị trí bảo vệ. Đặc biệt chú trọng kiểm tra, theo dõi, giám sát chuyên than xuất tiêu thụ của công ty không để xảy ra tiêu cực, Các khu vực trọng điểm: kho, bãi chứa than, via than, khu vực giáp ranh giới và các cửa ngõ, ra vào mỏ, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ. Tổ chức thực hiện các phương án bảo vệ, phối hợp với các đơn vị liên quan, ngăn chặn có hiệu quả người ngoài xâm nhập khai trường trộm cắp tài sản của Công ty, cương quyết bắt giữ những trường hợp cố tình vi phạm giải quyết và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Công tác bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ: Chủ động kiểm tra công tác ANTT, ranh giới mỏ theo từng tháng (01 lần/tháng) và đột xuất phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm không để phát sinh trong khai thác, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ than trái phép. Củng cố các trạm kiểm soát, quản lý người, phương tiện ra vào Mỏ, bổ sung lắp đặt thêm ánh sáng, hệ thống Barie, tăng cường áp dụng công nghệ như: Camera, GPS, cân điện tử, phần mềm quản lý chuyên, nhiên liệu để quản lý đảm bảo ANTT. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm công tác quản lý tài nguyên ranh giới, Phân giao rõ trách nhiệm của từng bộ phận cá nhân trong công tác bảo vệ tài nguyên được giao quản lý. Thực hiện nghiêm quy định về chế độ, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, Công ty trong công tác bảo vệ ANTT, bảo vệ tài nguyên ranh giới Mỏ. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích đối với lực lượng làm công tác an ninh trật tự.

### **5. Công tác ĐTXD, bảo vệ Môi trường và đóng cửa mỏ:**

- Hoàn thành việc điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh từ nhóm A xuống nhóm B xong trong 06 tháng đầu năm 2022; Bám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công gói thầu Xưởng sàng công suất 2,5 triệu tấn/năm, đảm bảo nghiệm thu và đưa vào vận hành từ tháng 10/2022;



- Tiếp tục bám sát các Sở, Ban ngành đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng 60ha còn lại của Dự án Bắc Bàng Danh.

- Chỉ đạo quyết liệt và có các giải pháp đồng bộ để triển khai các hạng mục đầu tư ngay từ đầu năm, đặc biệt các dự án đầu tư phục vụ sản xuất và dự án đầu tư các thiết bị công suất lớn, hoàn thiện thủ tục các bước nghiệm thu quyết toán Dự án hoàn thành (Dự án Bắc Bàng Danh); Triển khai thực hiện hiệu quả các công trình PCMB xong trước ngày Cốc Vũ (20/4/2022) để hạn chế mức thiệt hại, bùn và cát trôi xuống moong khai thác.

- Tập trung thực hiện Phương án tổng thể bảo vệ môi trường cải tạo phục hồi môi trường dự án Bắc Bàng Danh; Tiếp tục thực hiện mục tiêu "Đưa công viên vào trong mỏ, nhà máy", triển khai thực hiện tiêu chí môi trường "Sáng-Xanh-Sạch". Sử dụng hiệu quả hệ thống phun sương dập bụi và xe tưới đường chuyên dụng đã được đầu tư;

- Tập trung thực hiện xong Đề án đóng cửa mỏ Than Hà Tu đã được Bộ tài nguyên môi trường phê duyệt đảm bảo hoàn thành trong năm 2022.

#### 6. Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể:

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu Chiến binh), tạo môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết, thống nhất vì mục tiêu chung của Công ty. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động, công chúng và khách hàng để tất cả mọi người trong đơn vị hiểu rõ nhiệm vụ chính trị năm 2022; Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chương trình "Người Việt Nam ưu tiên sử dụng hàng Việt Nam" và Chương trình ưu tiên sử dụng vật tư, dịch vụ trong ngành, tạo sự đồng thuận, phát huy tối đa và tiềm năng lợi thế của toàn Công ty. Phối hợp tốt với các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương trên địa bàn trong công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ để thực hiện đảm bảo mục tiêu chung AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ.

#### Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV (Đăng trên Website);
- Lưu: VT, KH, Thư ký Công ty.





Số: 806 /BC-VHTC

Hạ Long, ngày 03 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021**  
**Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022**

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH13;  
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty xin trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua bản báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT) về việc đánh giá hoạt động quản lý kinh doanh ở Công ty trong năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ HDQT năm 2022 như sau:

**Phần I**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT TRONG NĂM 2021**

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các kỳ họp HDQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể:

**1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.**

**a. Tham gia dự họp của các thành viên HDQT trong năm:**

| TT | Thành viên HDQT    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ (%) | Lý do không tham dự |
|----|--------------------|---------------------|-----------|---------------------|
| 1  | Trần Thế Thành     | 33/33               | 100       |                     |
| 2  | Nguyễn Quang Quảng | 33/33               | 100       |                     |
| 3  | Nguyễn Việt Thanh  | 33/33               | 100       |                     |
| 4  | Nguyễn Anh Chung   | 33/33               | 100       |                     |
| 5  | Vũ Hồng Cẩm        | 4/33                | 12        | Nghỉ chữa bệnh      |



**b. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:**

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên gồm:

- Ông Trần Thế Thành, Người đại diện phần vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Quang Quảng, Thành viên HĐQT; Q.Giám đốc điều hành;
- Ông Nguyễn Việt Thanh, Thành viên HĐQT; Bí thư Đảng ủy Công ty.
- Ông Vũ Hồng Cẩm; Người đại diện TKV, Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Anh Chung, Người đại diện TKV, Thành viên HĐQT;

Trong 05 thành viên HĐQT có 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý của Công ty và 03 là thành viên HĐQT không điều hành. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

**2. Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT:**

HĐQT đã duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ hàng tháng, quý đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý điều hành.

Năm 2021, HĐQT đã tổ chức họp 33 phiên, ban hành 33 nghị quyết, 41 quyết định với các nội dung chủ yếu: Ban hành các quy chế quản lý, quy chế làm việc, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế: Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ huy quân sự; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế nội bộ và quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế Thi đua, khen thưởng; Công tác quy hoạch, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty, HĐQT đã chú trọng nâng cao các mặt hoạt động, tăng cường công tác quản lý Công ty nhằm phục vụ tốt cho SXKD của Công ty.

(Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo)

**3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2021**

| Họ và tên          | Chức danh     | Tiền lương   |             | Thù lao          |            |
|--------------------|---------------|--------------|-------------|------------------|------------|
|                    |               | KH phê duyệt | Thực hiện   | Nghị quyết ĐHĐCĐ | Thực hiện  |
| Trần Thế Thành     | Chủ tịch      |              |             | 61.680.000       | 61.680.000 |
| Nguyễn Anh Chung   | TV-HĐQT       |              |             | 52.560.000       | 52.560.000 |
| Nguyễn Việt Thanh  | TV-HĐQT       |              |             | 52.560.000       | 52.560.000 |
| Vũ Hồng Cẩm        | TV-HĐQT       | 394.200.000  | 226.665.000 |                  |            |
| Nguyễn Quang Quảng | TV-HĐQT, Q.GĐ | 444.600.000  | 511.290.000 | 52.560.000       | 52.560.000 |



- Quỹ tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được quyết toán tăng 1,15 lần so với quỹ lương kế hoạch do đảm bảo lợi nhuận và tiền lương của người lao động tăng theo hướng dẫn của Thông tư 28/2016.

- Ông Vũ Hồng Cẩm - Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách nghỉ ốm từ ngày 01/7/2021, quỹ lương được quyết toán 06 tháng.

#### **4. Báo cáo về giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp và người có liên quan**

Tại Nghị quyết số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin với doanh nghiệp và người liên quan trong năm 2021. Theo đó các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn hay các doanh nghiệp và người có liên quan chủ yếu về bán than cho Tập đoàn TKV (Tập đoàn TKV là cổ đông lớn đang sở hữu 65% vốn điều lệ của Công ty). Tổng giá trị giao dịch thực hiện trong năm 2021 giữa Công ty với Tập đoàn TKV là 3.592.555.268.323 đồng, thông qua các chi nhánh của Tập đoàn TKV là các doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Công ty Tuyển Than Hòn Gai - Vinacomin giá trị thực hiện: 3.315.985.162.818đ;

- Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin giá trị giao dịch: 267.097.740.187đ;

- Công ty Chế biến than Quảng Ninh – TKV giá trị giao dịch là 491.001.192đ

- CN Tập đoàn CN Than-KS VN -Ban quản lý DA chuyên ngành mỏ than-TKV giá trị giao dịch là 1.943.127.626đ;

- CN tập đoàn CN than-KS Việt Nam-Trường Quản trị Kinh doanh-Vinacomin, giá trị giao dịch là 186.399.500đ;

- CN Tập đoàn CN Than- KS VN-Khách sạn Heritage Hạ Long-Vinacomin giá trị giao dịch là 1.400.000.000đ;

- Trung tâm Cấp cứu mỏ - Vinacomin, giá trị giao dịch là 5.306.087.000.

Ngoài ra công ty còn có hợp đồng, giao dịch với một số công ty có người liên quan là thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát của các công ty như: Công ty cổ phần Vật tư – TKV; Công ty Cổ phần Du lịch & thương mại – Vinacomin và Công ty Cổ phần Chế Tạo Máy – Vinacomin, về các lĩnh vực giao dịch, hợp đồng mua bán vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu thuê sửa chữa thiết bị và phục vụ các bữa ăn công nghiệp cho người lao động cụ thể như sau :

- Công ty Cổ phần Vật Tư – TKV- Xí nghiệp vật tư Hòn Gai thực hiện: 295.778.830.090 đồng;

- Công ty Cổ phần Du lịch & Thương mại - Vinacomin thực hiện: 25.985.238.000 đồng. Phục vụ bữa ăn công nghiệp trong 03 năm (2020- 2022) với tổng giá trị: 102.307.984.716đồng

- Công ty Cổ phần Chế Tạo Máy- Vinacomin thực hiện: 22.958.967.000đ

#### **5. Kết quả giám sát đối với Ban giám đốc, kế toán trưởng**

Trong năm 2021, HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc rà soát lại các Quy chế đã ban hành và xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Quy chế để trình HĐQT



TKV, Đảng ủy, Công đoàn và Giám đốc điều hành đã ký các Nghị quyết Liên tịch để thống nhất lãnh đạo điều hành trong các mặt hoạt động phong trào của CBCN và người lao động của Công ty. Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá:

- Trong năm 2021, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2021, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

- Ban giám đốc công ty đã điều hành sản xuất linh hoạt, báo cáo thường xuyên với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2021; Kết quả SXKD của Công ty sau khi đã trích lập các khoản dự phòng và mua bảo hiểm đầy đủ cho các thiết bị, lợi nhuận trước thuế đạt 51,48 tỷ đồng, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

- Công ty đã thực hiện nghiêm túc Quy chế kiểm tra thanh tra việc chấp hành pháp luật tuân thủ các quy định và Nhà nước và TKV. Bộ phận kiểm soát nội bộ đã thường xuyên kiểm soát hoạt động của Công ty và đưa ra các cảnh báo kịp thời. Thường xuyên rà soát sửa đổi các Quy chế quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với tình hình hiện tại cũng như phù hợp với các quy định của Nhà nước và của TKV.

- Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt, hiệu quả. Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Trong năm 2021, Công ty đã ký kết thành công 1.150 hợp đồng kinh tế với tổng giá trị giao dịch được thực hiện gần 4 nghìn tỷ đồng; Ngoài ra, công ty ký kết 03 hợp đồng nguyên tắc trong đó 01 hợp đồng nhiên liệu, 02 hợp đồng mua bán thực phẩm. 01 hợp đồng phục vụ ăn giữa ca và bồi dưỡng độc hại trong 3 năm từ 2020-2022 với giá trị ký kết 102 tỷ. Các hợp đồng Công ty ký kết đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

- Công tác tổ chức điều hành sản xuất, tiêu thụ đã thể hiện được tính linh động, hiệu quả trong sản xuất, bám sát kế hoạch điều hành của Tập đoàn để điều hành sản lượng than đất đảm bảo tiến độ. Công ty đã triển khai nhiều giải pháp với mục tiêu tăng cường công tác quản trị chi phí, xây dựng và ban hành chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí với các giải pháp và mục tiêu cụ thể đảm bảo tiết kiệm tối thiểu 2% chi phí SXKD năm 2021

- Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tập đoàn trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Công ty áp dụng thang bảng lương và chế độ đối với người lao động theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và của Công ty. Công ty đã ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

2. Y. Q.  
 TU  
 HN  
 10/10

✓



- Công tác Đầu tư XDCCB có trọng tâm, trọng điểm nhằm tiết kiệm đầu tư và phát huy hiệu quả đầu tư. Trong năm 2021, Công ty thực hiện kế hoạch đầu tư được 619.326/665.302 triệu đồng đạt 93,09% kế hoạch, trong đó bao gồm các dự án thực hiện chuyên tiếp, các dự án khởi công mới và chuẩn bị dự án. Công tác Đầu tư xây dựng của Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quy chế quản lý ĐTXD của Công ty.

- Công tác bảo vệ an ninh trật tự, quản lý tài nguyên ranh giới mỏ: Tình hình ANTT trong năm 2021 được tiếp tục duy trì ổn định. Công ty đã xây dựng phương án bảo vệ, xây dựng Quy trình xử lý vụ việc vi phạm tài nguyên ranh giới Mỏ và các văn bản tiếp tục tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý bảo vệ tài sản, tài nguyên ranh giới Mỏ đảm bảo ANTT; Làm tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt Chỉ thị số 29/CT-TTg của chính phủ và Nghị quyết số 16/NQ-TU của BCH tỉnh ủy Quảng Ninh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý tài nguyên than, khoáng sản trên địa bàn Tỉnh.

- Thực hiện mối quan hệ công tác với các tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị khác: Trong năm 2021 ban Giám đốc đã thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa HĐQT, Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn và các tổ chức chính trị khác trong Công ty. Sự phối kết hợp đó thể hiện bằng các Nghị quyết liên tịch giữa Giám đốc - Công đoàn, Giám đốc - Đoàn thanh niên, Giám đốc - Hội Cựu chiến binh, và các văn bản phối hợp của Đảng ủy với chuyên môn trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

#### ***Đánh giá chung:***

Trong năm 2021, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn TKV, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2021, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.



**Phần II**  
**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**

**I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

Công ty thực hiện theo văn bản số 6050/TKV-KH ngày 27/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam “*về việc thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022*”. Cụ thể :

| STT | Chỉ tiêu                   | ĐVT                | KH năm 2022 |
|-----|----------------------------|--------------------|-------------|
| 1   | Đất bóc tổng số            | 1000m <sup>3</sup> | 44.000      |
| 2   | Than nguyên khai khai thác | 1000 Tấn           | 2.500       |
| 3   | Than tiêu thụ              | 1000 Tấn           | 2.528       |
| 4   | Doanh thu tổng số          | Tr.đ               | 3.826.489   |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế       | Tr.đ               | 30.260      |
| 6   | Đầu tư xây dựng            | Tr.đ               | 274.342     |
| 7   | Lương bình quân            | 1.000đ/ng-th       | 9.746       |
| 8   | Cổ tức                     | %                  | ≥7          |

**II. Các giải pháp thực hiện:**

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện thực tế của Công ty trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đề ra một số giải pháp chỉ đạo chủ yếu như sau :

- Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đề ra. Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ



đông. Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, đề chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty. Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm. Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành thực hiện giữ vững an toàn, an ninh trật tự trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Triển khai các giải pháp đồng bộ để chống lãng phí, thất thoát vốn, tài sản công, thực hành tiết kiệm chi phí; Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp chính quyền địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn, đặc biệt là phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý ranh giới mỏ, quản lý khai thác, vận chuyển và kinh doanh than. Sử dụng các sản phẩm dịch vụ của địa phương trên nguyên tắc chất lượng tiến độ và giá cả cạnh tranh.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, đoàn thể đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động, công chúng và khách hàng cần thiết để tất cả mọi người trong đơn vị hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, nhằm phát huy tối đa và tiềm năng lợi thế của toàn Công ty để thực hiện mục tiêu chung AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ.

Trong năm 2021 và nhiệm kỳ 2017- 2022, Hội đồng quản trị công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao và góp phần xây dựng công ty phát triển ổn định, bền vững. Có được kết quả này trước hết là sự đồng tâm hợp lực và trí tuệ của từng thành viên trong HĐQT, sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể Người lao động của Công ty. HĐQT Công ty cũng luôn nhận được những ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông và sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như các đơn vị bạn. Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Hà tu, Tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong suốt chặng đường vừa qua và mong sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm của Quý cổ đông trong thời gian tới. Trân trọng cảm ơn./.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022, Hội đồng Quản trị xin báo cáo Quý vị cổ đông./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV Đăng trên Website;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**



## Phụ lục số 1

**CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
 (Ban hành kèm theo Báo cáo số 806/BC-VHTC, ngày 03/3/2022 của HĐQT)

| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|---|-----------------------|
| 1  | 113/BB-VHTC<br>113/NQ-VHTC   | 26/01/2021    | <p>1. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 56/TTr-VHTC ngày 11/01/2020 của Giám đốc Công ty “Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin”;</p> <p>2. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 57/TTr-VHTC ngày 11/01/2022 của Giám đốc Công ty “Về việc đề nghị HĐQT trình thông qua báo cáo nghiên cứu khả thi và chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 đối với dự án đầu tư xa tước đường đập bụi chuyên dụng”;</p> <p>3. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 243/TTr-VHTC ngày 22/01/2021 “Về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin”;</p> <p>4. Hội đồng quản trị xem xét nội dung chương trình và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin;</p> <p>5. Hội đồng quản trị xem xét Báo cáo giám sát thực hiện đầu tư năm 2020 đối với dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh của Tổ giám sát trực thuộc HĐQT.</p> <p>6. Hội đồng quản trị triển khai một số nội dung trong công tác quản lý Công ty.</p> | 100%                  |
| 2  | 114/BB-VHTC<br>114/NQ-VHTC   | 02/02/2021    | <p>1. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 214/TTr-VHTC ngày 21/01/2021 “Về việc thông qua nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin”.</p>  | 100%                  |
| 3  | 115/BB-VHTC<br>115/NQ-VHTC   | 03/02/2021    | <p>1. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 369/TTr-VHTC ngày 02/02/2021 “Về việc luân chuyển cán bộ quản lý”.</p> <p>2. Hội đồng quản trị xem xét Báo cáo số 377/VHTC-TCLĐ ngày 03/02/2021 của Giám đốc Công ty “V/v rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2020-2025”.</p>  | 100%                  |
| 4  | 116/BB-VHTC<br>116/NQ-VHTC   | 26/02/2021    | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 481/TTr-VHTC ngày 23/02/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng Gói thầu số 38, Đường dây trên không 6KV di động số 1+ số 2, Trạm phân phối 6KV số 1, thuộc dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh của Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin”.</p> <p>2. HĐQT xem xét tờ trình số 448/TTr-VHTC ngày 18/02/2021 của Giám đốc “Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý”.</p> <p>3. HĐQT triển khai một số công tác quản lý công ty.</p>  | 100%                  |
| 5  | 117/BB-VHTC                  | 11/3/2021     | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 504/TTr-VHTC ngày 09/3/2021 của Giám đốc “Về việc kết quả rà soát dự thảo</p>  | 100%                  |



| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|---|-----------------------|
|    | 117/NQ-VHTC                  |               | quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021÷2023, tầm nhìn 2050;<br>2. HĐQT triển khai một số nội dung về công tác quản lý của Hội đồng quản trị.  |                       |
| 6  | 118/BB-VHTC<br>118/NQ-VHTC   | 15/3/2021     | 1. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 654/TTr-VHTC ngày 12/3/2021 của Giám đốc “Về việc phê duyệt một số chỉ tiêu tài chính năm 2021”.   | 100%                  |
| 7  | 119/BB-VHTC<br>119/NQ-VHTC   | 24/3/2021     | 1. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 789/TTr-VHTC ngày 23/3/2021 của Giám đốc Công ty “Về việc thông qua BCTC năm 2020 sau kiểm toán và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020”;<br>2. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 790/TTr-VHTC ngày 23/3/2021 của Giám đốc Công ty “Về việc thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 của Công ty”;<br>3. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 802/TTr-VHTC ngày 24/3/2021 của Giám đốc Công ty “Về việc bổ sung hạn mức tín dụng vay vốn ngắn hạn”;<br>4. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 803/TTr-VHTC ngày 24/3/2021 của Giám đốc Công ty “Về việc ủy quyền cho Giám đốc ký các hợp đồng tín dụng vay ngắn hạn vượt hạn mức”;<br>5. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 725/TTr-VHT ngày 18/3/2021 “Về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu số 44 và 49 thuộc dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh – Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin”;<br>6. Hội đồng quản trị xem xét các nội dung xin ý kiến của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, để Người đại diện phần vốn biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty và thông qua dự thảo Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty, để báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính;<br>7. Hội đồng quản trị và Ban thường vụ xem xét dự thảo Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy và Hội đồng quản trị. | 100%                  |
| 8  | 120/BB-VHTC<br>120/NQ-VHTC   | 24/3/2021     | 1. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 884/TTr-VHTC ngày 30/3/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xe tưới đường đập bụi chuyên dụng của Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin”;<br>2. Hội đồng quản trị triển khai công văn số 368/QĐ-TKV ngày 30/3/2021 về ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của Tập đoàn CN Than-Khoáng sản Việt Nam”  | 100%                  |
| 9  | 121/BB-VHTC<br>121/NQ-VHTC   | 12/4/2021     | 1. Hội đồng quản trị xem xét nội dung tờ trình số 970/TTr-VHTC ngày 09/4/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021   | 100%                  |

T. TU  
 HN  
 QUẢN



| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|--|-----------------------|
|    |                              |               | <p>đối với dự án đầu tư xe tưới đường đập bụi - Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin”.</p> <p>2. Hội đồng quản trị xem xét nội dung tờ trình số 925/TTr-VHTC ngày 05/4/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch thuê thiết bị chế biến than sạch từ nguồn đất đá lẫn than- Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin”.</p>   |                       |
| 10 | 122/BB-VHTC<br>122/NQ-VHTC   | 19/4/2021     | <p>1. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 1047/TTr-VHTC ngày 15/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch LCNT dự án đầu tư xe tưới đường đập bụi chuyên dụng- Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin.</p> <p>2. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 1045/TTr-VHTC ngày 15/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch LCNT, gói thầu thuê thiết bị sàng chế biến than sạch từ nguồn đất đá lẫn than- Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin;</p> <p>3. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 1074/TTr-VHTC ngày 16/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch thuê ngoài chế biến than sạch từ nguồn bã sàng- Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin;</p> <p>4. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 964/TTr-VHTC ngày 08/4/2021 về việc đề nghị ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ huy quân sự Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin;</p> <p>5. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 1066/TTr-VHTC ngày 16/4/2021 về phương án tái cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất và định biên lao động Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin;</p> <p>6. Hội đồng quản trị triển khai công tác quản trị công ty.</p> | 100%                  |
| 11 | 123/BB-VHTC<br>123/NQ-VHTC   | 23/4/2021     | <p>1. Hội đồng quản trị xem xét nội dung tờ trình số 1124/TTr-VHTC ngày 22/4/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu thuộc kế hoạch thuê thiết bị sàng chế biến than sạch từ nguồn bã sàng - Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin”.</p> <p>2. Hội đồng quản trị xem xét nội dung tờ trình số 1127/TTr-VHTC ngày 22/4/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc dịch động bờ moong và bãi thải trong bãi thải Nam Lộ phong, thành lập lưới khống chế năm 2021.</p> <p>3. HĐQT quán triệt Nghị quyết số 10-NQ-ĐU ngày 28/4/2021 về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ trong khai thác, chế biến, kinh doanh than, khoáng sản giai đoạn 2021- 2025</p>   | 100%                  |
| 12 | 124/BB-VHTC<br>124/NQ-VHTC   | 11/5/2021     | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 1180/TTr-VHTC ngày 28/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư phát triển dự án: Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019- Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin</p>  | 100%                  |





| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|--|-----------------------|
|    |                              |               | <p>2. HĐQT xem xét tờ trình số 1181/TTr-VHTC ngày 28/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Tuyến đường giao thông từ mỏ Hà tu ra khai trường mỏ than Núi Béo</p> <p>3. HĐQT xem xét tờ trình số 1236/TTr-VHTC ngày 05/5/2021 về việc xem xét quyết định bổ nhiệm lại cán bộ quản lý</p> <p>4. HĐQT xem xét Báo cáo của Bà Nguyễn Thị Lương Anh - TBKS về việc đề nghị thông qua thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin với doanh nghiệp và người có liên quan</p> <p>5. HĐQT triển khai chỉ đạo thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát tại Báo cáo 1187/BC-VHTC ngày 29/4/2021 về việc thực hiện nhiệm vụ của kiểm soát viên Quý I/2021.</p>  |                       |
| 13 | 125/BB-VHTC<br>125/NQ-VHTC   | 17/5/2021     | HĐQT xem xét tờ trình số 1306/TTr-VHTC ngày 14/5/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị trình TKV thông qua nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh- Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin”.   | 100%                  |
| 14 | 126/BB-VHTC<br>126/NQ-VHTC   | 27/5/2021     | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 1438/TTr-VHTC ngày 26/5/2021 của Giám đốc “Về việc sắp xếp cán bộ theo phương án số 1134/PA-VHTC”</p> <p>2. Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty giao Giám đốc điều hành triển khai thực hiện một số văn bản của TKV</p>   | 100%                  |
| 15 | 127/BB-VHTC<br>127/NQ-VHTC   | 09/6/2021     | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 1494/TTr-VHTC ngày 02/6/2021 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch thuê thiết bị bốc xúc phục vụ sàng, tiêu thụ 06 tháng cuối năm 2021</p> <p>2. HĐQT xem xét tờ trình số 1503/TTr-VHTC ngày 03/6/2021 về việc phê duyệt quỹ tiền thưởng Ban quản lý điều hành, Ban kiểm soát Công ty năm 2020</p> <p>3. HĐQT xem xét tờ trình số 1505/TTr-VHTC ngày 03/6/2021 về việc xem xét quyết định bổ nhiệm lại Cán bộ quản lý</p> <p>4. HĐQT xem xét tờ trình số 1551/TTr-VHTC ngày 08/6/2021 về việc trình TKV thông qua báo cáo nghiên cứu khả thi và chuyển bước kế hoạch ĐTXD năm 2021 đối với dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021- Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin</p> <p>5. HĐQT triển khai một số công tác quản lý</p> | 100%                  |
| 16 | 128/BB-VHTC<br>128/NQ-VHTC   | 11/6/2021     | 1. HĐQT xem xét tờ trình số 1572/TTr-VHTC về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Thuê thiết bị bốc xúc phục vụ sàng, tiêu thụ 6 tháng cuối năm 2021  | 100%                  |
| 17 | 129/BB-VHTC<br>129/NQ-VHTC   | 25/6/2021     | <p>Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty triển khai</p> <p>1. Văn bản số 2718/TKV-TCNS ngày 21/6 về hướng dẫn thực hiện chế độ kèm cặp, truyền nghề trong TKV</p>  | 100%                  |





| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|---|-----------------------|
|    |                              |               | 2. Văn bản 2770/TKV-VPĐU-HĐTV ngày 24/6/2021 về Báo cáo các nội dung liên quan đến Quyết định thu hồi địa điểm nghiên cứu lập quy hoạch Trường ĐH FLC   |                       |
| 18 | 130/BB-VHTC<br>130/NQ-VHTC   | 06/7/2021     | 1. Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty triển khai văn bản số 2929/TKV-TCNS ngày 02/7/2021 của Tập đoàn TKV “V/v thông qua kết quả lựa chọn Nhà cung cấp Thi công phương án quan trắc dịch động bờ moong và bãi thải trong via trụ, bãi thải Nam lộ phong; Thành lập lưới không chế năm 2021 tại Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin”  | 100%                  |
| 19 | 131/BB-VHTC<br>131/NQ-VHTC   | 21/7/2021     | 1. HĐQT nghe Giám đốc báo cáo về kết quả hoạt động SXKD quý II và 6 tháng năm 2021; Báo cáo quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2021 để công bố thông tin theo quy định; Thông qua Báo cáo của HĐQT về sơ kết hoạt động SXKD quý II và 6 tháng năm 2021 gửi Đảng ủy Công ty. (Theo quy chế phối hợp giữa ĐU và HĐQT)<br>2. HĐQT xem xét tờ trình số 2000/TTr-VHTC ngày 16/7/2021 về việc phê duyệt Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021<br>3. HĐQT xem xét tờ trình số 2001/TTr-VHTC ngày 16/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh chuyên bước kế hoạch đầu tư năm 2021 đối với dự án đầu tư PVSX năm 2021<br>4. HĐQT xem xét tờ trình số 2016/TTr-VHTC ngày 19/7/2021 về việc đề nghị trình thông qua kế hoạch đầu tư điều chỉnh năm 2021<br>5. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty CP Than Hà Tu triển khai một số nội dung công văn của TKV | 100%                  |
| 20 | 132/BB-VHTC<br>132/NQ-VHTC   | 26/7/2021     | 1. HĐQT xem xét tờ trình số 2002/TTr-VHTC ngày 16/7/2021 về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021.<br>2. Hội đồng quản trị xem xét tờ trình số 2060 /TTr-VHTC ngày 22/7/2021 của Giám đốc “Về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý cán bộ”  | 100%                  |
| 21 | 133/BB-VHTC<br>133/NQ-VHTC   | 17/8/2021     | 1. HĐQT xem xét tờ trình số 2134/TTr-VHTC ngày 29/7/2021 về việc thông qua quy định về lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư áp dụng trong nội bộ Công ty CP Than Hà Tu.<br>2. HĐQT xem xét tờ trình số 2183/TTr-VHTC ngày 05/8/2021 về việc ban hành sửa đổi bổ sung Quy chế công bố thông tin.<br>3. HĐQT xem xét tờ trình số 2224/TTr-VHTC ngày 10/8/2021 về việc đề nghị chấp thuận thông qua Dự toán hạng mục công trình: xưởng sàng, thuộc dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh.<br>4. HĐQT xem xét tờ trình số 2275/TTr-VHTC ngày 16/8/2021 về việc đề nghị thông qua Phương án kỹ thuật thi công và dự toán phương án thành lập bổ sung bản đồ cơ lý đá khu Bắc Bàng Danh năm 2021   | 100%                  |



| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|---|-----------------------|
|    |                              |               | <p>5. HĐQT xem xét tờ trình số 2277/TTr-VHTC ngày 16/8/2021 về việc đề nghị chấp thuận thuê lại diện tích 351.423,4 m<sup>2</sup> khu vực bãi thải Chính Bắc.</p> <p>6. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty triển khai một số văn bản chỉ đạo của Tập đoàn TKV trong công tác quản lý công ty.</p>  |                       |
| 22 | 134/BB-VHTC<br>134/NQ-VHTC   | 24/8/2021     | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 2306/TTr-VHTC ngày 18/8/2021 của Giám đốc “Về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh kế hoạch LCNT các gói thầu số 33,59 thuộc dự án lộ thiên khu Bắc Bàng Danh”;</p> <p>2. HĐQT xem xét tờ trình số 2273/TTr-VHTC ngày 16/8/2021 của Giám đốc “Về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng trong Công ty”;</p> <p>3. HĐQT xem xét tờ trình số 2317/TTr-VHTC ngày 19/8/2021 về thông qua danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2021- 2025;</p> <p>4. HĐQT xem xét tờ trình số 2343/TTr-VHTC ngày 23/4/2021 về việc điều chỉnh KH LCNT dự án đầu tư PVSX năm 2021;</p> <p>5. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty triển khai một số văn bản chỉ đạo của Tập đoàn TKV trong công tác quản lý công ty.</p> | 100%                  |
| 23 | 135/BB-VHTC<br>135/NQ-VHTC   | 01/9/2021     | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 2407/TTr-VHTC ngày 31/8/2021 về việc thông qua đề trình TKV kế hoạch đầu tư xây dựng điều chỉnh năm 2021 sau rà soát của TKV</p> <p>2. HĐQT xem xét báo cáo 2424/BC-VHTC của Giám đốc về thực hiện công tác thuê ngoài 7 tháng đầu năm 2021</p> <p>3. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty triển khai một số văn bản chỉ đạo của Tập đoàn TKV trong công tác quản lý công ty.</p>   | 100%                  |
| 24 | 136/BB-VHTC<br>136/NQ-VHTC   | 15/9/2021     | <p>1. HĐQT xem xét tờ trình số 2471/TTr-VHTC ngày 09/9/2021 về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý</p> <p>2. HĐQT xem xét tờ trình số 2492/TTr-VHTC ngày 10/9/2021 về trình TKV thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022</p> <p>3. Người đại diện phần vốn triển khai công tác quản lý</p>  | 100%                  |
| 25 | 137/BB-VHTC<br>137/NQ-VHTC   | 29/9/2021     | <p>1. HĐQT xem xét Tờ trình số 2540/TTr-VHTC ngày 17/9/2021 về việc thông qua Quy định quản lý công tác thuê ngoài một số công đoạn chính phục vụ SXKD trong Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin</p> <p>2. HĐQT xem xét Tờ trình số 2607/TTr-VHTC ngày 17/9/2021 về việc phê duyệt một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch 5 năm 2021- 2025- Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin</p> <p>3. HĐQT xem xét Tờ trình 2596/BC-VHTC ngày 23/9/2021 về rà soát nhu cầu, mục đích sử dụng đất</p> <p>4. Hội đồng quản nghe Giám đốc báo cáo về kết quả hoạt động SXKD tháng 9 và Quý III năm 2021 của Công ty;</p> <p>HĐQT xem xét dự thảo Báo cáo của Người đại diện phần</p>   | 100%                  |

1010  
INC  
PE  
AN I  
CAC  
5-7



| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|--|-----------------------|
|    |                              |               | vốn của TKV tại Công ty quý III/2021 và Báo cáo của HĐQT về kết hoạt động SXKD quý III gửi Đảng ủy Công ty theo Nghị quyết liên tịch số 822/NQLT-ĐU-HĐQT   |                       |
| 26 | 138/BB-VHTC<br>138/NQ-VHTC   | 08/10/2021    | 5. Người đại diện phần vốn triển khai công tác quản lý<br>1. HĐQT xem xét Tờ trình số 2722/TTr-VHTC ngày 06/10/2021 về việc xin ý kiến các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2022 để trình Tập đoàn TKV<br>2. Người đại diện phần vốn triển khai công tác quản lý   | 100%                  |
| 27 | 139/BB-VHTC<br>139/NQ-VHTC   | 21/10/2021    | 1. HĐQT xem xét Tờ trình số 2806/TTr-VHTC ngày 14/10/2021 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư điều chỉnh năm 2021 Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin<br>2. Người đại diện phần vốn triển khai công tác quản lý  | 100%                  |
| 28 | 140/BB-VHTC<br>140/NQ-VHTC   | 03/11/2021    | 1. HĐQT xem xét Tờ trình số 2942/TTr-VHTC ngày 27/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch LCNT các gói thầu 1,5,9,12 thuộc dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021.<br>2. HĐQT xem xét Tờ trình số 2913/TTr-VHTC ngày 25/10/2021 về việc Ban hành quy trình quản lý và phòng ngừa rủi ro;<br>3. HĐQT xem xét Tờ trình số 2914/TTr-VHTC ngày 25/10/2021 về việc Ban hành quy trình kiểm toán nội bộ;<br>4. Công tác chỉ đạo của Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty.   | 100%                  |
| 29 | 141/BB-VHTC<br>141/NQ-VHTC   | 19/11/2021    | 1. HĐQT xem xét Tờ trình số 3080/TTr-VHTC ngày 11/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch LCNT hạng mục Cầu trụ sức nâng 10T, thuộc dự án khai thác lộ thiên Bắc Bàng Danh<br>2. HĐQT xem xét Tờ trình số 3118/TTr-VHTC ngày 16/11/2021 về việc xin ý kiến HĐQT để báo cáo Tập đoàn TKV thông qua Quy chế Quản lý tài chính<br>3. HĐQT xem xét Tờ trình số 3130/TTr-VHTC ngày 16/11/2021 về việc xin ý kiến HĐQT để trình TKV kế hoạch đầu tư năm 2022 sau rà soát.<br>4. HĐQT triển khai chỉ đạo thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát tại Báo cáo 2822/BC-VHTC ngày 15/10/2021 về việc thực hiện nhiệm vụ của kiểm soát viên Quý III và 9 tháng đầu năm 2021.<br>5. HĐQT xem xét Tờ trình số 3160/TTr-VHTC ngày 19/11/2021 về việc ban hành quy định công tác bảo vệ.<br>6. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty triển khai công tác quản lý | 100%                  |
| 30 | 142/BB-VHTC<br>142/NQ-VHTC   | 06/12/2021    | 1. HĐQT xem xét Tờ trình số 3273/TTr-VHTC ngày 30/11/2021 về việc phê duyệt kế hoạch sản lượng thuê ngoài một số công đoạn chính phục vụ sản xuất, tiêu thụ than năm 2022<br>2. HĐQT xem xét Tờ trình số 3322/TTr-VHTC ngày 03/12/2021 về việc phê duyệt kế hoạch thuê thiết bị hoạt động phục vụ sản xuất năm 2022  | 100%                  |



| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|---|-----------------------|
|    |                              |               | <p>3. HĐQT xem xét Tờ trình số 3318/TTr-VHTC ngày 03/12/2021 về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý (TP ĐK Nguyễn Mạnh Hùng)</p> <p>4. HĐQT xem xét Tờ trình 3324/TTr-VHTC ngày 06/12/2021 về kiểm điểm đánh giá cán bộ là Trưởng phòng, quản đốc trong Công ty. Họp kiểm điểm đánh giá cán bộ năm 2021</p> <p>5. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty triển khai công tác quản lý</p>  |                       |
| 31 | 143/BB-VHTC<br>143/NQ-VHTC   | 10/12/2021    | <p>1. HĐQT xem xét Tờ trình số 3357/TTr-VHTC ngày 07/12/2021 về việc phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu thuộc kế hoạch thuê thiết bị hoạt động phục vụ sản xuất năm 2022</p> <p>2. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty triển khai công tác quản lý</p>  | 100%                  |
| 32 | 144/BB-VHTC<br>144/NQ-VHTC   | 28/12/2021    | <p>1. HĐQT xem xét Tờ trình số 3650/TTr-VHTC ngày 24/12/2021 về việc thực hiện thuê thiết bị hoạt động bóc xúc và vận chuyển than bã sàng, đất đá lẫn than tháng 1/2022</p> <p>2. HĐQT xem xét Tờ trình số 3640/TTr-VHTC ngày 24/12/2021 về việc thông qua dự thảo Quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công ty</p> <p>3. HĐQT xem xét tờ trình số 3656/TTr-VHTC ngày 27/12/2021 v/v Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin</p> <p>4. HĐQT xem xét tờ trình số 3654/TTr-VHTC ngày 27/12/2021 v/v Phê duyệt Kế hoạch giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2022 của Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin</p> <p>5. HĐQT xem xét tờ trình số 3655/TTr-VHTC ngày 27/12/2021 Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2022 của Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin</p> <p>6. HĐQT xem xét dự thảo Kế hoạch và chương trình hoạt động của HĐQT năm 2022</p> <p>7. Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty triển khai công tác quản lý tại công ty</p> | 100%                  |
| 33 | 145/BB-VHTC<br>145/NQ-VHTC   | 31/12/2021    | HĐQT triển khai công tác quản lý tại công ty  | 100%                  |
| 1  | 324/QĐ-VHTC                  | 01/02/2021    | Quyết định “V/v phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021”  |                       |
| 2  | 420/QĐ-VHTC                  | 05/02/2021    | Quyết định “Ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty CP Than Hà Tu”   |                       |
| 3  | 792/QĐ-VHTC                  | 29/3/2021     | Quyết định “V/v quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2020”.  |                       |
| 4  | 812/QĐ-VHTC                  | 29/3/2021     | Quyết định “V/v điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu số 44, 49, thuộc dự án khai thác lộ thiên Bắc Bằng Danh”.  |                       |





| TT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày<br>tháng | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|----|------------------------------|---------------|---|-----------------------|
| 5  | 822/NQLT-ĐU-<br>HDQT         | 30/3/2021     | Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy và Hội đồng quản trị  |                       |
| 6  | 915/QĐ-VHTC                  | 09/4/2021     | Quyết định “V/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xe tưới đường đập bụi chuyên dụng”  |                       |
| 7  | 930/QĐ-VHTC                  | 12/4/2021     | Quyết định “V/v phê duyệt kế hoạch thuê thiết bị sàng chế biến than sạch từ nguồn đất đá lẫn than”.   |                       |
| 23 | 1483/QĐ-VHTC                 | 09/6/2021     | Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê thiết bị bóc xúc phục vụ sàng, tiêu thụ 6 tháng cuối năm 2021  |                       |
| 24 | 2013/QĐ-VHTC                 | 22/7/2021     | Quyết định phê duyệt nội dung dự án đầu tư PVSX năm 2021  |                       |
| 25 | 2014/QĐ-VHTC                 | 22/7/2021     | Quyết định phê duyệt điều chỉnh chuyển bước kế hoạch ĐTXD năm 2021  |                       |
| 26 | 2034/QĐ-VHTC                 | 27/7/2021     | Quyết định phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư PVSX năm 2021  |                       |
| 27 | 2043/QĐ-VHTC                 | 28/7/2021     | Quyết định ban hành Quy chế Quản lý cán bộ  |                       |
| 28 | 2309/QĐ-VHTC                 | 17/8/2021     | Quyết định ban hành Quy chế Công bố thông tin   |                       |
| 29 | 2362/QĐ-VHTC                 | 24/8/2021     | Quyết định phê duyệt điều chỉnh KH lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư PVSX năm 2021   |                       |
| 30 | 2361/QĐ-VHTC                 | 24/8/2021     | Quyết định ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng   |                       |
| 31 | 2414/QĐ-VHTC                 | 01/9/2021     | Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch LCNT các gói thầu số 33 và 59 thuộc dự án lộ thiên khu Bắc Bàng Danh   |                       |
| 32 | 2834/QĐ-VHTC                 | 21/10/2021    | Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2021  |                       |
| 33 | 2936/QĐ-VHTC                 | 03/11/2021    | Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch LCNT các gói thầu 1,5,9,12 dự án ĐT PVSX 2021  |                       |
| 34 | 3100/QĐ-VHTC                 | 19/11/2021    | Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Cầu trục sức nâng 10T, thuộc dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh- Công ty CP Than Hà Tu |                       |
| 35 | 3257/QĐ-VHTC                 | 06/12/2021    | Quyết định phê duyệt kế hoạch sản lượng thuê ngoài một số công đoạn chính phục vụ sản xuất năm 2022   |                       |
| 36 | 3258/QĐ-VHTC                 | 06/12/2021    | Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê thiết bị hoạt động phục vụ sản xuất năm 2022   |                       |
| 37 | 3352/QĐ-VHTC                 | 10/12/2021    | Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu thuê thiết bị hoạt động phục vụ sản xuất năm 2022   |                       |
| 38 | 3528/QĐ-VHTC                 | 28/12/2021    | Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin  |                       |
| 39 | 3526/QĐ-VHTC                 | 28/12/2021    | Quyết định phê duyệt Kế hoạch giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2022 của Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin                                 |                       |
| 40 | 3527/QĐ-VHTC                 | 28/12/2021    | Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2022 của Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin   |                       |
| 41 | 3529/QĐ-VHTC                 | 28/12/2021    | Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê thiết bị PVSX tháng 1/2022   |                       |



Số: 809 /TTr-VHTC

Hạ Long, ngày 23 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua ký các hợp đồng, giao dịch giữa  
Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan trong năm 2022

Kính gửi:

- Các Quý vị cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.

Căn cứ Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;  
Căn cứ khoản 3 điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;  
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2021;

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan trong năm 2022, cụ thể như sau:

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có trụ sở tại Số 226, Lê Duẩn, Hà Nội, MST: 5700100256; hiện đang là cổ đông nắm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty. Công ty Tuyển Than Hòn Gai – Vinacomin và Công ty kho vận và Cảng Cẩm phả là chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty dự kiến ký hợp đồng nguyên tắc mua bán than nguyên khai và than sạch tiêu chuẩn với 02 Công ty nêu trên theo kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 và thông báo kế hoạch điều hành tiêu thụ hàng tháng của TKV với Tập đoàn CN Than-Khoáng sản Việt Nam; Dự kiến giá trị mua bán than khoảng 3,8 nghìn tỷ đồng.

Căn cứ các quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị đề nghị các quý vị cổ đông xem xét thông qua chủ trương để Công ty ký và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin với Công ty Tuyển Than Hòn Gai, Công ty Kho vận và Cảng Cẩm phả theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty đồng thời giao cho Giám đốc điều hành Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và Người có liên quan nêu trên theo đúng quy định của Pháp luật. Về thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến khi có thay đổi khác.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung trên để Công ty triển khai thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS.
- Phòng CV (Đăng website Công ty);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.





Số: 1111 /TTr-VHTC

Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022

### TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng  
Dự án: Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh  
Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin

Kính gửi:

- Các quý vị cổ đông.
- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin

*Các căn cứ:*

Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Quyết định số 3519/QĐ – VHTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin;

Văn bản số 3157/SCT-QLCN ngày 06/11/2018 của Sở Công thương về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình thuộc dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh;

Quyết định số 1429/QĐ-VHTC ngày 02/8/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh;

Quyết định số 2485/QĐ-VHTC ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật- Dự toán xây dựng công trình dự án: Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh;

Quyết định số 15961/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các hạng mục phục vụ Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh;

Quyết định số 1994/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2021 của Bộ Tài Nguyên Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh tại các phường Hà Tu, Hà Khánh và Hà Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (điều chỉnh);

Văn bản số 269/TKV-ĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thông qua điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh;

*W N*



Văn bản số 884/SCT-QLCN ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Sở Công thương UBND Tỉnh Quảng Ninh V/v thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh;

Hồ sơ Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Khai thác lộ thiên Khu Bắc Bàng Danh đã tiếp thu, chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Công Thương – UBND Tỉnh Quảng Ninh;

Công văn 248 /VPMU- KTM ngày 28/3/2022 của Ban Quản lý dự án Chuyên ngành mỏ than- TKV về việc điều chỉnh Dự án Khai thác lộ thiên Khu Bắc Bàng Danh;

Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án: Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh ngày 28/3/2022 của Tổ thẩm định Công ty Cổ phần than Hà Tu-Vinacomin.

Nghị quyết số 163/NQ-VHTC ngày 18/4/2022 về việc phê chuẩn một số nội dung phiên họp 163- Nhiệm kỳ III của HĐQT Công ty

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh với những nội dung chính như sau:

### **I. THÔNG TIN DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH:**

**1. Tên dự án:** Dự án đầu tư khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh-Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin.

**2. Loại, nhóm dự án sau điều chỉnh:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

**3. Loại và cấp công trình:**

- Công trình mỏ than lộ thiên cấp II.

**4. Người quyết định đầu tư:** Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin.

**5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ:** Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin. Địa chỉ: Phường Hà Tu – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

**6. Địa điểm xây dựng:** Phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Khánh – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

**7. Giá trị tổng mức đầu tư sau điều chỉnh:** 1.927.125.494 nghìn đồng (*Bằng chữ: Một nghìn chín trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín tư nghìn đồng*).

**8. Nguồn vốn đầu tư:** Vay thương mại và các nguồn hợp pháp của Công ty.

**9. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh (Thời gian XD/CB):** Từ năm 2018 ÷ 2023.

**10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:**

a) Các quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 04: 2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên;

- QCVN 01: 2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ;

- QCVN 14 : 2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 40 : 2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

b) Các tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 5326: 2008 Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;

*Handwritten signature and number 2*



- TCVN 8910: 2015 Than Thương phẩm - Yêu cầu Kỹ thuật.
  - TCVN 2737: 2006 Tải trọng và tác động;
  - TCVN 4601: 2012 Trụ sở cơ quan;
  - TCVN 9362: 2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
  - TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền;
  - TCVN 9260: 2012 Bản vẽ xây dựng- Cách thể hiện độ sai lệch giới hạn;
  - TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép;
  - TCVN 5574: 2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
  - TCVN 5575: 2012 Kết cấu thép tiêu chuẩn thiết kế;
  - TCVN 9386: 2012 Thiết kế công trình chịu động đất;
  - TCVN 4604: 2012 Xí nghiệp công nghiệp, nhà sản xuất;
  - TCVN 4319: 2012 Nhà và công trình công cộng;
  - TCVN 2622: 1995 Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình;
  - TCXD 29: 1991 Chiều sáng tự nhiên trong công trình dân dụng;
  - TCVN 3993: 1985 Chống ăn mòn trong xây dựng;
- Các tiêu chuẩn, quy phạm ngành và các tài liệu liên quan./.

#### **11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh:**

- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin.

#### **12. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở) điều chỉnh:**

12.1. Điều chỉnh quy hoạch mặt bằng và các hạng mục công trình xây dựng, các nội dung điều chỉnh cụ thể:

Mặt bằng sân công nghiệp được bố trí thành ba mặt bằng gồm: Mặt bằng mức +170; Mặt bằng +190; Mặt bằng xưởng sàng +200 như sau:

(i) Mặt bằng + 170 diện tích 2,14 ha xây dựng hạng mục công trình: Nhà giao ca các phân xưởng, diện tích xây dựng 120 m<sup>2</sup>.

(ii) Mặt bằng +190 diện tích 3,27 ha, mặt bằng được cải tạo bố trí xây dựng mới các hạng mục công trình: Nhà giao ca các phân xưởng, diện tích xây dựng 120m<sup>2</sup>; Xưởng sửa chữa ô tô, diện tích xây dựng 1.080 m<sup>2</sup>; Cầu rửa xe 100 tấn, diện tích xây dựng 166,6 m<sup>2</sup>; Bể tách dầu, diện tích xây dựng 3,83 m<sup>2</sup>, Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích xây dựng 64,8m<sup>2</sup>; Bể chứa nước 100m<sup>3</sup>, diện tích xây dựng 54 m<sup>2</sup>; Sân bãi bê tông, diện tích 5.423m<sup>2</sup>.

(iii) Mặt bằng xưởng sàng +200 diện tích 9,56 ha, trên mặt bằng xây dựng các hạng mục công trình: Kho than nguyên khai; Kho than thương phẩm; Hệ thống sàng tuyển; Các công trình phụ trợ phục vụ chế biến than. (giảm 0,19 ha (9,75ha-9,56ha) so với diện tích đã báo cáo TKV: Nguyên nhân do diện tích này đã được rà soát lại phù hợp với Quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 15961/QĐ-UBND của UBND thành phố Hạ Long và ý kiến thẩm định của Sở Công Thương UBND Tỉnh Quảng Ninh số 884/SCT-QLCN).

(iv) Một số hạng mục công trình không thực hiện đầu tư bao gồm: Nhà vệ sinh; Nhà bảo vệ; Xưởng sửa chữa cơ điện; Kho nhiên liệu; Cầu rửa xe 60 tấn; Trạm bơm nước.

#### 12.2 Điều chỉnh khối lượng đất bóc xây dựng cơ bản:

Khối lượng đất bóc xây dựng cơ bản điều chỉnh: 18.974.766 m<sup>3</sup> (tăng 2.701 m<sup>3</sup> so với



khối lượng đã báo cáo TKV năm 2021 về dự án do sau khi kiểm toán các gói thầu bóc đất xây dựng cơ bản đã chuẩn xác lại khối lượng thực hiện theo hồ sơ nghiệm thu thanh toán thực tế).

12.3 Bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, danh mục thiết bị.

(i) Bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 34.483.560 nghìn đồng.

(ii) Bổ sung 01 máy gạt bánh xích công suất  $350 \div 360$  HP.

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khai thác lộ thiên khu Bắc Bằng Danh đề Công ty triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

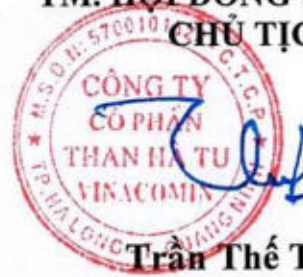
✓

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, Các cổ đông Công ty;
- Phòng CV (Đăng trên Website);
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

✓

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**





## PHỤ LỤC

Các nội dung cơ bản điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Dự án: Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàn Danh

(Kèm theo Tờ trình số 1111/TTr-VHTC ngày 18 tháng 4 năm 2022)

## 1. Điều chỉnh về quy hoạch mặt bằng và các hạng mục xây dựng

| Nội dung đã phê duyệt  | Nội dung điều chỉnh   |
|--|---|
| <p>- Sử dụng lại toàn bộ mặt bằng và công trình hiện có của mỏ Hà Tu gồm: Mặt bằng phân xưởng cơ điện; Phân xưởng sửa chữa ô tô; Kho vật tư; Công trường chế biến than; Công trường bơm nước làm đường; Mặt bằng phân xưởng xe; Văn phòng công trường khoan; Văn phòng công trường khai thác; Trạm xử lý nước thải...</p> <p>- Xây dựng mới mặt bằng sân công nghiệp mức +170 phục vụ khai thác, sàng tuyển than nằm ở phía Tây Nam khai trường với diện tích khoảng 9,2 ha. Trên mặt bằng bố trí thành 2 khu chức năng theo các mức sau:</p> <p>(i) Khu kho xưởng mức +170 bao gồm các hạng mục: Xưởng sửa chữa cơ điện; Xưởng bảo dưỡng ô tô; Kho phụ tùng vật tư; Kho nhiên liệu; Cầu rửa xe 60 tấn; Cầu rửa xe 100 tấn; Nhà giao ca các phân xưởng; Nhà vệ sinh; Trạm bơm nước; Bể chứa nước 100 m<sup>3</sup>.</p> <p>(ii) Khu xưởng sàng bao gồm các hạng mục: Kho than nguyên khai mức +170; Kho than thương phẩm mức +163; Hệ thống sàng tuyển; Hệ thống sân bãi kho than.</p> | <p>Mặt bằng sân công nghiệp được bố trí thành ba mặt bằng gồm: Mặt bằng mức +170; Mặt bằng +190; Mặt bằng xưởng sàng +200 như sau:</p> <p>(i) Mặt bằng + 170 diện tích 2,14 ha xây dựng hạng mục công trình: Nhà giao ca các phân xưởng, diện tích xây dựng 120 m<sup>2</sup>.</p> <p>(ii) Mặt bằng +190 diện tích 3,27 ha, mặt bằng được cải tạo bố trí xây dựng mới các hạng mục công trình: Nhà giao ca các phân xưởng, diện tích xây dựng 120m<sup>2</sup>; Xưởng sửa chữa ô tô, diện tích xây dựng 1.080 m<sup>2</sup>; Cầu rửa xe 100 tấn, diện tích xây dựng 166,6 m<sup>2</sup>; Bể tách dầu, diện tích xây dựng 3,83 m<sup>2</sup>, Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích xây dựng 64,8m<sup>2</sup>; Bể chứa nước 100m<sup>3</sup>, diện tích xây dựng 54 m<sup>2</sup>; Sân bãi bê tông, diện tích 5.423m<sup>2</sup>.</p> <p>(iii) Mặt bằng xưởng sàng +200 diện tích 9,56 ha, trên mặt bằng xây dựng các hạng mục công trình: Kho than nguyên khai; Kho than thương phẩm; Hệ thống sàng tuyển; Các công trình phụ trợ phục vụ chế biến than.</p> <p>Một số hạng mục công trình không thực hiện đầu tư bao gồm: Nhà vệ sinh; Nhà bảo vệ; Xưởng sửa chữa cơ điện; Kho nhiên liệu; Cầu rửa xe 60 tấn; Trạm bơm nước.</p> |

## 2. Điều chỉnh giảm khối lượng đất bóc xây dựng cơ bản:

| Nội dung đã được phê duyệt   | Nội dung điều chỉnh  |
|--|--|
| Tổng khối lượng đất bóc xây dựng cơ bản là 24,0 triệu m <sup>3</sup> đất đá, thực hiện trong 3 năm, trong đó: Năm thứ 1 là 5,0 triệu m <sup>3</sup> ; Năm thứ 2 là 9,0 triệu m <sup>3</sup> ; Năm thứ 3 là 10,0 triệu m <sup>3</sup> . | Điều chỉnh giảm khối lượng đất bóc xây dựng cơ bản xuống còn 18,974 triệu m <sup>3</sup> đất đá (giảm 5,026 triệu m <sup>3</sup> ), trong đó: Năm thứ 1 là 100.025 m <sup>3</sup> ; Năm thứ 2 là 13.718.046 m <sup>3</sup> ; Năm thứ 3 là 5.156.695 m <sup>3</sup> . |

## 3. Điều chỉnh hạng mục thiết bị gạt:

- Bổ sung 01 máy gạt bánh xích công suất 350-360HP

90 2



## 4. Bổ sung chi phí đền bù giải phóng mặt bằng:

| TT | Nội dung                       | ĐVT            | Khối lượng |
|----|--------------------------------|----------------|------------|
| 1  | Đất rừng sản xuất              | m <sup>2</sup> | 662.000    |
| 2  | Cây (tính 3000 cây/ha x 60 ha) | cây            | 180.000    |
| 3  | Kiến trúc (tạm tính)           | ha             | 66,2       |
| 4  | Hỗ trợ chuyển đổi việc làm     | m <sup>2</sup> | 662.000    |
| 5  | Trồng rừng thay thế            | ha             | 66,2       |

## 5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ năm 2018-2023.

6. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án giảm 637.486.488 nghìn đồng, chi tiết thể hiện bảng sau:

Đơn vị: 1.000 đồng

| TT       | Nội dung chi phí                                 | Giá trị TMĐT theo QĐPD số 1429/QĐ-VHTC ngày 02/08/2017 | Giá trị TMĐT DA điều chỉnh | Chênh lệch tăng (+); giảm (-) |
|----------|--|--|----------------------------|-------------------------------|
|          |  | 1  | 2                          | 3=(2-1)                       |
|          | <b>TỔNG SỐ</b>                                   | <b>2.564.611.982</b>                                   | <b>1.927.125.494</b>       | <b>-637.486.488</b>           |
| <b>1</b> | <b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b> |  | <b>34.483.560</b>          | <b>34.483.560</b>             |
| <b>2</b> | <b>Chi phí xây dựng</b>                          | <b>1.039.767.486</b>                                   | <b>784.753.682</b>         | <b>-255.013.804</b>           |
|          | - Bóc đất XDCB                                   | 905.442.339  | 681.425.298                | -224.017.041                  |
|          | - Công trình xây dựng                            | 134.325.147  | 103.328.384                | -30.996.762                   |
| <b>3</b> | <b>Chi phí thiết bị</b>                          | <b>843.708.481</b>                                     | <b>842.062.439</b>         | <b>-1.646.042</b>             |
|          | - Thiết bị khai thác, vận tải                    | 744.776.524  | 755.998.292                | 11.221.768                    |
|          | - Thiết bị khác                                  | 98.931.957   | 86.064.147                 | -12.867.810                   |
| <b>4</b> | <b>Chi phí quản lý dự án</b>                     | <b>21.835.221</b>                                      | <b>16.192.730</b>          | <b>-5.642.491</b>             |
| <b>5</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình</b> | <b>56.469.976</b>                                      | <b>50.786.711</b>          | <b>-5.683.265</b>             |
| <b>6</b> | <b>Chi phí khác</b>                              | <b>222.141.007</b>                                     | <b>169.193.364</b>         | <b>-52.947.643</b>            |
|          | - Chi phí hạng mục chung                         | 4.206.860  |                            | -4.206.860                    |
|          | - Chi phí khác                                   | 129.956.952  | 150.204.733                | 20.247.782                    |
|          | - Lãi vay XDCB                                   | 87.977.195   | 18.988.630                 | -68.988.565                   |
| <b>7</b> | <b>Chi phí dự phòng</b>                          | <b>380.689.811</b>                                     | <b>29.653.008</b>          | <b>-351.036.802</b>           |
|          | - Dự phòng khối lượng phát sinh                  | 219.795.329  | 26.277.993                 | -193.517.336                  |
|          | - Dự phòng do yếu tố trượt giá                   | 160.894.482  | 3.375.016                  | -157.519.466                  |



## BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT        | Nội dung chi phí  | Đơn vị tính    | Số lượng   | Giá trị sau thuế   |
|------------|---|----------------|------------|--------------------|
|            | <b>TỔNG SỐ (I+II+III+IV+V)</b>  |                |            | <b>784.753.682</b> |
| <b>I</b>   | <b>BỐC ĐẤT XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>  |                |            | <b>681.425.298</b> |
| 1          | Bóc đất XDCB (Tự thực hiện)   | m <sup>3</sup> | 100.025    | 3.208.517          |
| 2          | Bóc đất XDCB  | m <sup>3</sup> | 13.718.046 | 489.939.173        |
| 3          | Bóc đất XDCB  | m <sup>3</sup> | 5.156.695  | 188.277.608        |
| <b>II</b>  | <b>PHẦN MẶT BẰNG</b>  |                |            | <b>50.470.108</b>  |
| 1          | Mặt bằng +200   | ht             | 1          | 20.351.753         |
| 2          | Hệ thống sân bãi mức +207   | ht             | 1          | 1.206.960          |
| 3          | Đường ô tô nội bộ   | ht             | 1          | 1.456.216          |
| 4          | Rãnh thoát nước mặt bằng, tường chắn rọ đá                                    | ht             | 1          | 2.513.126          |
| 5          | Tường chắn hố nhận than, tường chắn kho than                                  | ht             | 1          | 5.452.388          |
| 6          | Hệ thống cống thoát nước  | ht             | 1          | 6.725.675          |
| 7          | Mặt bằng SCN +170   | m <sup>3</sup> | 28 485     | 922.180            |
| 8          | Sân bê tông MB+190  | m <sup>2</sup> | 5324,0     | 3.274.636          |
| 9          | Kè rọ đá chân bãi thải via trụ  | m              | 772        | 8.567.173          |
| <b>III</b> | <b>PHẦN XÂY DỰNG</b>  |                |            | <b>42.018.031</b>  |
| 1          | Hàng rào và cổng  | ht             | 1          | 2.156.029          |
| 2          | Xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô   | ht             | 1          | 12.264.539         |
| 3          | Cầu rửa xe 100T   | ht             | 1          | 545.367            |
| 4          | Nhà giao ca các phân xưởng  |                |            | 1.500.039          |
| 4.1        | Nhà giao ca các phân xưởng (MB+170)   | m <sup>2</sup> | 120        | 853.164            |
| 4.2        | Nhà giao ca các phân xưởng (MB+190)   | m <sup>2</sup> | 120        | 646.876            |
| 5          | Bể chứa nước 100m <sup>3</sup>  | ht             | 1          | 264.659            |
| 6          | Hàng rào và cổng MB+190   | m              | 132,0      | 579.231            |
| 7          | Xưởng sàng  |                |            | 24.708.166         |
| 7.1        | Phần xây dựng   | ht             | 1          | 21.747.514         |
| 7.2        | Phần điện lực   | ht             | 1          | 2.291.055          |
| 7.3        | Phần điện chiếu sáng  | ht             | 1          | 669.597            |
| <b>IV</b>  | <b>CÁC HẠNG MỤC PHẦN ĐIỆN</b>   |                |            | <b>10.222.604</b>  |
| 1          | Điện mặt bằng công nghiệp   | ht             | 1          | 442.373            |
| 2          | Đường dây trên không 6kV cố định số 1+ số 2 + số 7                            | ht             | 1          | 8.354.573          |
| 3          | Đường dây trên không 6kV di động số 1+ số 2, Trạm phân phối 6 kV số 1         | ht             | 1          | 1.425.659          |
| <b>V</b>   | <b>CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>   |                |            | <b>617.640</b>     |
| 1          | Bể tách dầu, nhà kho chứa chất thải nguy hại                                  | ht             | 1          | 396.762            |
| 2          | Thùng chứa rác thải sinh hoạt   | thùng          | 10         | 47.839             |
| 3          | Trồng và chăm sóc cây xanh hai bên đường vận tải trừ khai trường vào bãi thải | ht             | 1          | 173.039            |



**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THIẾT BỊ**

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT         | Nội dung chi phí                                 | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị sau thuế   |
|-------------|--|-------------|----------|--------------------|
|             | <b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>                          |             |          | <b>842.062.439</b> |
| <b>I</b>    | <b>THIẾT BỊ KHAI THÁC, VẬN TẢI</b>               |             |          | <b>755.998.292</b> |
|             | - Máy khoan d=230-250mm                          | máy         | 3        | 88.159.500         |
|             | - Máy xúc E=10-12m <sup>3</sup>                  | máy         | 3        | 161.285.300        |
|             | - Máy xúc TLGN, E=2m <sup>3</sup>                | máy         | 4        | 35.772.000         |
|             | - Máy xúc lật, E=4-5m <sup>3</sup>               | máy         | 1        | 6.919.900          |
|             | - Ô tô đầu tư trọng tải 90-100T                  | Chiếc       | 21       | 418.420.592        |
|             | - Xe gạt xích 350-360HP                          | cái         | 1        | 10.791.000         |
|             | - Ô tô tải trọng 21- 27 tấn                      | Chiếc i     | 7        | 34.650.000         |
| <b>II</b>   | <b>THIẾT BỊ KHÁC</b>                             |             |          | <b>86.064.147</b>  |
| <b>II.1</b> | <b>Các hạng mục phần cơ điện</b>                 |             |          | <b>75.425.413</b>  |
| 1           | Cầu rửa xe 100T                                  | ht          | 1        | 69.630             |
| 2           | Xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô                    | ht          | 1        | 3.560.355          |
| 3           | Hệ thống thoát nước khai trường                  |             |          | 17.574.664         |
| 3.1         | Thoát nước khai trường                           | ht          | 1        | 15.061.194         |
| 3.2         | Thoát nước khai trường - Trạm phân phối 6kV số 1 | ht          | 1        | 2.513.469          |
| 4           | Xưởng sàng                                       |             |          | 54.220.764         |
| 4.1         | Thiết bị cơ                                      |             |          | 52.139.523         |
| 4.2         | Thiết bị điện                                    |             |          | 2.081.241          |
| <b>II.2</b> | <b>Các hạng mục phần điện</b>                    |             |          | <b>10.638.735</b>  |
| 1           | Trạm biến áp 35/6kV cải tạo                      | ht          | 1        | 9.903.280          |
| 2           | Thông tin liên lạc                               | ht          | 1        | 735.455            |

\* Ghi chú: Trong đó, xe ô tô tải trọng 21 -27 tấn phù hợp với Giấy đăng kiểm của Cơ quan có thẩm quyền cấp, còn tải trọng tối đa có thể đạt trên 27 tấn.





**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CHI PHÍ KHÁC VÀ CHI PHÍ DỰ PHÒNG**

*Đơn vị: 1.000 đồng*

| STT       | Nội dung chi phí  | GIÁ TRỊ SAU THUẾ   |
|-----------|---|--------------------|
|           | <b>TỔNG SỐ (I+II+III+IV)</b>  | <b>265.825.813</b> |
| <b>I</b>  | <b>Chi phí quản lý dự án</b>  | <b>16.192.730</b>  |
| 1         | Tư vấn quản lý DA   | 16.192.730         |
| <b>II</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình</b>  | <b>50.786.711</b>  |
| 1         | Chi phí lập dự án đầu tư  | 4.631.641          |
| 2         | Chi phí lập BCNCKT điều chỉnh   | 1.800.173          |
| 3         | Chi phí lập TKKT  | 15.258.000         |
| 4         | Chi phí lập TKBVTC  | 8.034.234          |
| 5         | Thẩm tra dự toán TK BVTC  | 649.001            |
| 6         | Thẩm tra TK BVTC dự án  | 269.116            |
| 7         | Chi phí thẩm tra BCNCKT điều chỉnh  | 453.276            |
| 8         | Chi phí thẩm tra  |                    |
|           | Chi phí thẩm tra TKCS dự án   | 453.276            |
|           | Thẩm tra TK xây dựng  | 509.573            |
|           | Thẩm tra dự toán TKKT   | 505.988            |
| 9         | Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu (theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021) | 21.158             |
| 10        | Lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng   | 551.265            |
| 11        | Lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm thiết bị  | 726.770            |
| 12        | Chi phí tư vấn giám sát (theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017)                                 |                    |
|           | - Chi phí giám sát thi công   | 9.040.716          |
|           | - Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị   | 421.873            |
| 13        | Chi phí Tư vấn lập phương án cải tạo PH môi trường dự án  | 498.025            |
| 14        | Chi phí Tư vấn lập BC đánh giá tác động môi trường Dự án  | 499.349            |
| 15        | Khảo sát địa hình TL 1/500  | 440.216            |
| 16        | Lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500                                     | 497.641            |
| 17        | Chi phí nộp phí thẩm định báo cáo ĐMT của dự án   | 82.000             |
| 18        | Chi phí khảo sát, lập quy hoạch 1/500   | 3.976.744          |

*(Chữ ký)*



|              |  |                    |
|--------------|--|--------------------|
| 19           | Chi phí kiểm toán CP khảo sát, lập quy hoạch   | 64.000             |
| 20           | Chi phí khảo sát địa chất công trình   | 497.120            |
| 21           | Chi phí thẩm tra định mức dự toán, đơn giá XDCT bóc đất XDGB   | 249.761            |
| 22           | Chi phí lập định mức, đơn giá XDCT bóc đất XDGB  | 655.796            |
| <b>III</b>   | <b>Chi phí khác</b>  | <b>169.193.364</b> |
| <i>III.1</i> | <i>Chi phí khác</i>  | <i>150.204.733</i> |
| 1            | Phí thẩm định dự án đầu tư (theo thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)                          | 52.032             |
| 2            | Phí thẩm định thiết kế, dự toán (theo thông tư số 210/2006/TT-BTC ngày 10/11/2016)                     | 720.547            |
| 3            | Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường   | 76.500             |
| 4            | Phí thẩm định Phương án cải tạo phục hồi môi trường (theo Thông tư 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017)      | 49.000             |
| 5            | Chi phí thẩm tra, phê duyệt, quyết toán (theo thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020)              | 1.631.826          |
| 6            | Chi phí kiểm toán  | 5.362.363          |
| 7            | Chi phí bảo vệ môi trường đối với đất đá thải của gói thầu 17+18+19                                    | 4.169.200          |
| 8            | Chi phí nộp tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án  | 6.250.000          |
| 9            | Phí vệ sinh xây dựng (theo quyết định số 2625/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017)                   | 12.011             |
| 10           | Phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016) | 11.118             |
| 11           | Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (năm 1)   | 124.785.165        |
| 12           | Chi phí trước bạ   | 2.391.972          |
| 13           | Chi phí lệ phí trước bạ  | 693.000            |
| 14           | Chi phí rà phá bom mìn   | 3.500.000          |
| 15           | Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất  | 500.000            |
| <i>III.2</i> | <i>Lãi vay thời gian xây dựng cơ bản</i>   | <i>18.988.630</i>  |
| <b>IV</b>    | <b>Chi phí dự phòng</b>  | <b>29.653.008</b>  |
| <i>IV.1</i>  | <i>Dự phòng khối lượng phát sinh</i>   | <i>26.277.993</i>  |
| <i>IV.2</i>  | <i>Dự phòng do yếu tố trượt giá</i>  | <i>3.375.016</i>   |






**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÈN BÙ GPMB***Đơn vị: 1.000 đồng*

| <b>STT</b> | <b>Nội dung</b>               | <b>ĐVT</b>     | <b>Khối lượng</b> | <b>Thành tiền</b> |
|------------|-------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|
| 1          | Đất                           | m <sup>2</sup> | 662.000           | 11.717.400        |
| 2          | Cây (tính 3000 cây/ha x 60ha) | Cây            | 180000            | 3.780.000         |
| 3          | Kiến trúc (tạm tính)          | Ha             | 66,2              | 1.324.000         |
| 4          | Hỗ trợ chuyển đổi việc làm    | m <sup>2</sup> | 662.000           | 13.028.160        |
| 5          | Trồng rừng thay thế           | ha             | 66,2              | 4.634.000         |
|            | <b>Tổng</b>                   |                |                   | <b>34.483.560</b> |

✓



B



Số: 807/BC-VHTC

Hạ Long, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Về Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán**

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Hà Tu-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2021

Công ty xin được báo cáo trước ĐHĐCĐ tóm tắt các số liệu chủ yếu của BCTC năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán tại báo cáo kiểm toán BCTC số: 11032022.001/BCTC.QN ngày 11 tháng 3 năm 2022.

Theo đó, Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Phần I**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT**

Đơn vị tính: ĐVN

| TÀI SẢN                               | SỐ CUỐI NĂM              | SỐ ĐẦU NĂM               |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A/TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>602.313.063.707</b>   | <b>818.438.425.425</b>   |
| 1- Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.429.317.186            | 10.955.609.902           |
| 2- Các khoản Đầu tư t/chính ngắn hạn  |                          |                          |
| 3- Các khoản phải thu ngắn hạn        | 176.651.440.783          | 437.987.607.456          |
| 4- Hàng tồn kho                       | 359.929.724.227          | 340.099.186.893          |
| 5- Tài sản ngắn hạn khác              | 59.302.581.511           | 29.396.021.174           |
| <b>II - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>           | <b>1.099.241.175.677</b> | <b>963.207.114.493</b>   |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn         | 106.874.921.833          | 103.934.175.951          |
| 2. Tài sản cố định                    | 926.988.409.262          | 794.010.218.355          |
| 3. Tài sản dở dang dài hạn            | 11.770.449.310           | 30.606.965.928           |
| 4. Tài sản dài hạn khác               | 53.607.395.272           | 34.655.754.259           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>1.701.554.239.384</b> | <b>1.781.645.539.918</b> |



| NGUỒN VỐN                           | SỐ CUỐI NĂM              | SỐ CUỐI NĂM              |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III - NỢ PHẢI TRẢ</b>            | <u>1.345.611.958.426</u> | <u>1.424.223.935.602</u> |
| 1. Nợ ngắn hạn                      | 748.383.918.727          | 689.128.053.348          |
| 2. Nợ dài hạn                       | 597.228.039.699          | 735.095.882.254          |
| <b>IV - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>          | <u>355.942.280.958</u>   | <u>357.421.604.316</u>   |
| 1. Vốn chủ sở hữu                   | 355.942.280.958          | 357.421.604.316          |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 245.690.520.000          | 245.690.520.000          |
| - Thặng dư vốn cổ phần              | -46.818.182              | -46.818.182              |
| - Vốn khác của chủ sở hữu           | 569.137.076              | 569.137.076              |
| - Quỹ đầu tư phát triển             | 38.569.843.947           | 29.772.654.801           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 71.159.598.117           | 81.436.110.621           |
| 2. Nguồn kinh phí và quỹ khác       |                          |                          |
| - Nguồn kinh phí sự nghiệp          |                          |                          |
| - Nguồn kinh phí đó hình thành TSCĐ |                          |                          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>          | <b>1.701.554.239.384</b> | <b>1.781.645.539.918</b> |

**Phần II**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

| Chỉ tiêu                                  | Năm nay                  | Năm trước                |
|---|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.592.045.565.382        | 2.876.294.906.705        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu           |                          |                          |
| <b>3. Doanh thu thuần</b>                 | <b>3.592.045.565.382</b> | <b>2.876.294.906.705</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                       | 3.399.755.806.988        | 2.698.641.699.093        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp</b>                   | <b>192.289.758.394</b>   | <b>177.653.207.612</b>   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính          | 3.059.275.357            | 2.969.346.092            |
| 7. Chi phí tài chính                      | 68.739.153.554           | 62.957.302.567           |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay               | 68.739.153.554           | 62.957.302.567           |
| 8. Chi phí bán hàng                       | 7.492.247.505            | 4.543.337.716            |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp           | 71.204.984.500           | 67.665.101.178           |
| <b>10. LN thuần từ HĐKD</b>               | <b>47.912.648.192</b>    | <b>45.456.812.243</b>    |
| 11. Thu nhập khác                         | 5.691.038.466            | 3.257.737.014            |
| 12. Chi phí khác                          | 2.115.586.485            | 2.397.189.027            |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                 | <b>3.575.451.981</b>     | <b>860.547.987</b>       |
| <b>14. Tổng LN kế toán trước thuế</b>     | <b>51.488.100.173</b>    | <b>46.317.360.230</b>    |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành           | 33.023.184.500           | 17.854.279.752           |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại            | -22.694.682.444          | -7.973.030.143           |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>        | <b>41.159.598.117</b>    | <b>36.436.110.621</b>    |
| 18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)          | 1.675                    | 1.483                    |

0010132  
ĐĂNG T  
SỐ PH  
AN H  
ACON  
C. T. C

✓



**Phần III**  
**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

**1. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính**

| Các chỉ tiêu                                  | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|----------|----------|
| <b>1-Cơ cấu tài sản</b>                       |          |          |
| - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)          | 64,60    | 54,06    |
| - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)         | 35,40    | 45,94    |
| <b>2-Cơ cấu nguồn vốn</b>                     |          |          |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn(%)               | 79,08    | 79,94    |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn (%)    | 20,92    | 20,06    |
| <b>3- Khả năng thanh toán (Lần)</b>           |          |          |
| - Hệ số khả năng thanh toán hiện thời         | 0,80     | 1,19     |
| - Hệ số khả năng thanh toán nhanh             | 0,32     | 0,69     |
| <b>4- Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>               |          |          |
| -Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần  | 1,15     | 1,27     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản BQ | 2,36     | 2,28     |
| -Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH BQ       | 14,59    | 13,6     |
| <b>5- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu</b>             | 3,82     | 5,19     |

**2. Đánh giá việc bảo toàn và phát triển vốn**

**2.1. Mức độ bảo toàn vốn:**

Vốn chủ sở hữu của Công ty thời điểm 01/1/2021 là 357.422 triệu đồng, tại thời điểm 31/12/2021 là 355.942 triệu đồng, giảm so với đầu năm 1.479 tr.đồng, chênh lệch giảm lợi nhuận năm 2020 để lại phân phối trong năm 2021 và lợi nhuận năm 2021 đạt được. Trong năm, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, quản lý và sử dụng vốn hiệu quả. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật. Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng. Đánh giá Công ty bảo toàn và phát triển vốn.

**2.2. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu tài chính:**

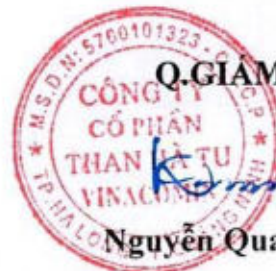
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn thực hiện 0,80 lần/Kế hoạch TKV, HĐQT phê duyệt 0,59 lần tăng 0,21 lần. Công ty thực hiện tốt so với KH Tập đoàn, HĐQT giao cho thấy Công ty đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn. Đánh giá tình hình tài chính ở mức an toàn.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thực hiện 3,82 lần, giảm 1,90 lần so với kế hoạch HĐQT/Tập đoàn giao (5,72 lần). Năm 2021 là năm thứ 3 công ty thực hiện đầu tư dự án Bắc Bàng Danh, giá trị đầu tư 408.985 tr.đồng. Tổng dự án Bắc Bàng Danh đã đầu tư: 1.631.766 triệu đồng. Đánh giá Công ty thực hiện tốt chỉ tiêu hệ số nợ /vốn CSH so với kế hoạch Tập đoàn, HĐQT giao.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, Các cổ đông Công ty;
- Phòng CV (Đăng trên Website);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**Q. GIAM ĐOC**

**Nguyễn Quang Quảng**



Số: **902/BC-VHTC**

Hạ Long, ngày 30 tháng 3 năm 2022

### BÁO CÁO

#### Về việc chi trả tiền lương, tiền thù lao HĐQT, Người quản lý doanh nghiệp và BKS năm 2021; đề xuất mức tiền lương, thù lao HĐQT Người quản lý doanh nghiệp và BKS năm 2022

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả tiền lương, tiền thù lao HĐQT, BKS và Người quản lý doanh nghiệp năm 2021; đề xuất mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Người quản lý doanh nghiệp và phương thức chi trả năm 2022, cụ thể như sau:

#### 1. Tiền lương, tiền thù lao HĐQT, BKS và Người quản lý DN năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin về tổng mức tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-VHTC ngày 30/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty V/v phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Công ty báo cáo tiền lương đã chi lương, thù lao của HĐQT, Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát như sau:

| TT        | Họ và tên                | Chức danh   | Tiền lương            |                      | Thù lao               |                    | Ghi chú          |
|-----------|--------------------------|-------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|------------------|
|           |                          |             | Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 | Thực hiện            | Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 | Thực hiện          |                  |
| <b>I</b>  | <b>Hội đồng quản trị</b> |             | <b>394.200.000</b>    | <b>226.665.000</b>   | <b>219.360.000</b>    | <b>219.360.000</b> |                  |
| 1         | Trần Thế Thành           | CT- HĐQT    |                       |                      | 61.680.000            | 61.680.000         |                  |
| 2         | Nguyễn Việt Thanh        | UV- HĐQT    |                       |                      | 52.560.000            | 52.560.000         |                  |
| 3         | Nguyễn Anh Chung         | UV- HĐQT    |                       |                      | 52.560.000            | 52.560.000         |                  |
| 4         | Vũ Hồng Cẩm              | UV- HĐQT    | 394.200.000           | 226.665.000          |                       |                    | Ôm từ 01/07/2021 |
| 6         | Nguyễn Quang Quảng       | UV- HĐQT    |                       |                      | 52.560.000            | 52.560.000         |                  |
| <b>II</b> | <b>Người quản lý DN</b>  |             | <b>1.987.200.000</b>  | <b>2.285.280.000</b> |                       |                    |                  |
| 1         | Nguyễn Quang Quảng       | Q. Giám đốc | 444.600.000           | 511.290.000          |                       |                    |                  |
| 2         | Đặng Văn Tĩnh            | Phó GD      | 394.200.000           | 453.330.000          |                       |                    |                  |
| 3         | Trần Quốc Toàn           | Phó GD      | 394.200.000           | 453.330.000          |                       |                    |                  |
| 4         | Lam Anh Tuấn             | Phó GD      | 394.200.000           | 453.330.000          |                       |                    |                  |
| 5         | Hà Thị Diệp Anh          | KTT         | 360.000.000           | 414.000.000          |                       |                    |                  |



|            |                      |            |                      |                      |                    |                    |              |
|------------|----------------------|------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------|--------------|
| <b>III</b> | <b>Ban kiểm soát</b> |            |                      |                      | <b>150.960.000</b> | <b>134.930.000</b> |              |
| 1          | Nguyễn Thị Lương Anh | Trưởng BKS |                      |                      | 54.960.000         | 38.930.000         | Từ 19/4/2021 |
| 2          | Lương Xuân Hùng      | Ủy viên    |                      |                      | 48.000.000         | 48.000.000         |              |
| 3          | Phạm Lan Hương       | Ủy viên    |                      |                      | 48.000.000         | 48.000.000         |              |
|            | <b>TỔNG CỘNG</b>     |            | <b>2.381.400.000</b> | <b>2.511.945.000</b> | <b>370.320.000</b> | <b>354.290.000</b> |              |

Ghi chú:

- Quỹ tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được quyết toán tăng 1,15 lần so với quỹ lương kế hoạch do đảm bảo lợi nhuận và tiền lương của người lao động tăng theo hướng dẫn của Thông tư 28/2016.

- Đồng chí Vũ Hồng Cẩm - Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách nghỉ ốm từ 01/07/2021, quỹ lương được quyết toán 06 tháng.

- Đồng chí Nguyễn Thị Lương Anh - Trưởng Ban Kiểm soát nhận nhiệm vụ từ ngày 19/04/2021, quỹ thù lao được quyết toán 8,5 tháng.

## 2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, Người quản lý doanh nghiệp, BKS năm 2022

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/07/2019 của Tập đoàn về việc Hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV.

Căn cứ Công văn số 6050/TKV-KH ngày 27/12/2021 của Tập đoàn CN Than- Khoáng sản Việt Nam “Về việc thông báo chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2022”

Căn cứ Quy chế quản lý lao động tiền lương và thu nhập của Công ty.

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-VHTC ngày 12/01/2022 của HĐQT về việc tạm giao các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2022 của Công ty.

Công ty đề xuất mức tiền lương, phụ cấp và thù lao 01 tháng/01 người trong năm 2022 của các chức danh HĐQT, Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát Công ty như sau:

| TT         | Chức danh                | Số lượng (người) | Tiền lương giao khoán 1 tháng (đ) | Phụ cấp 01 tháng (đ) | Thù lao 01 tháng (đ) |
|------------|--------------------------|------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b> |                  |                                   |                      |                      |
| 1          | Chủ tịch HĐQT            | 1                |                                   |                      | 5.140.000            |
| 2          | UV-HĐQT kiêm nhiệm       | 3                |                                   |                      | 4.380.000            |
| 3          | UV-HĐQT độc lập          | 1                |                                   | 21.900.000           |                      |
| <b>II</b>  | <b>Ban Giám đốc</b>      |                  |                                   |                      |                      |
| 1          | Giám đốc                 | 1                | 24.700.000                        |                      |                      |
| 2          | Phó giám đốc             | 3                | 21.900.000                        |                      |                      |
| 3          | Kế toán trưởng           | 1                | 20.000.000                        |                      |                      |
| <b>III</b> | <b>Ban kiểm soát</b>     |                  |                                   |                      |                      |
| 1          | Trưởng ban KS            | 1                |                                   |                      | 4.580.000            |
| 2          | Thành viên BKS           | 2                |                                   |                      | 4.000.000            |

Quỹ lương quyết toán năm của các chức danh Hội đồng quản trị chuyên trách, Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Nhà nước, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH và hướng dẫn của Tập đoàn.

*(Handwritten mark)*

1610132  
 NG TY  
 PHÁN  
 NHÀ  
 CÔNG  
 T. LO



### 3. Phương thức chi trả:

- Tiền lương: Hàng tháng Công ty tạm thanh toán tiền lương của tháng đó cho các chức danh HDQT, Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát với mức không thấp hơn 80% mức lương hệ số 1 theo giao khoán. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD, quỹ lương được quyết toán của các chức danh trên theo quy định, Công ty thanh toán số tiền lương còn lại cho các chức danh.

- Phụ cấp HDQT độc lập được tạm ứng hàng tháng 80%. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền còn lại cho chức danh HDQT độc lập.

- Thù lao:

+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm HDQT, Ban kiểm soát là người của Công ty, hàng tháng tạm thanh toán 80% mức thù lao kiêm nhiệm. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền lương còn lại cho các chức danh.

+ Đối với các chức danh kiêm nhiệm HDQT và Ban kiểm soát là người đại diện của Tập đoàn, tiền thù lao kiêm nhiệm được thanh toán 01 lần vào cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD và mức độ hoàn thành công việc của các chức danh. Tiền thù lao của các chức danh trên được chuyển khoản về Tập đoàn theo hướng dẫn tại Công văn số 5559/TKV-TCNS ngày 23/10/2018 của Tập đoàn.

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

#### Nơi nhận

- HDQT, BKS; các cổ đông Công ty;
- CV (Đăng trên Website);
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Trần Thế Thành





Số: 1112/TTr-VHTC

Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2021**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty;  
Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021- Công ty Cổ phần than Hà Tu-Vinacomin;  
Căn cứ Công văn số 1619/TKV- KS ngày 15/4//2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam “V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022”.  
Hội đồng Quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021 như sau:

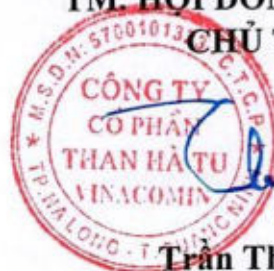
| TT | Nội dung  | Số tiền (đồng) | Ghi chú                           |
|----|---|----------------|-----------------------------------|
| 1  | Lợi nhuận trước thuế                            | 51.488.100.173 |                                   |
| 2  | Thuế TNDN phải nộp                              | 33.023.184.500 |                                   |
| 3  | Thuế TNDN hoãn lại                              | 22.694.682.444 |                                   |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế (4=1-2+3)                    | 41.159.598.117 |                                   |
| 5  | Lợi nhuận năm 2020 để lại                       | 30.000.000.000 |                                   |
| 6  | Lợi nhuận phân phối                             | 71.159.598.117 |                                   |
| a  | Chi trả cổ tức 2021: 12 % vốn điều lệ           | 29.482.862.400 | Nghị quyết ĐHCĐ từ 7% trở lên     |
| b  | Số còn lại phân phối các quỹ                    | 41.676.735.717 |                                   |
| -  | Quỹ thưởng người quản lý Công ty                | 313.993.125    |                                   |
| -  | Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,86 tháng lương BQ) | 41.362.742.592 | Quỹ lương BQ : 22,2 tỷ.đồng/tháng |
| +  | Quỹ khen thưởng: 60%                            | 24.817.645.555 |                                   |
| +  | Quỹ phúc lợi: 40%                               | 16.545.097.037 |                                   |

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, Các cổ đông Công ty;
- Phòng CV (Đăng trên Website);
- Lưu VT, KT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**



Số 812 /BC-VHTC

Hạ Long, ngày 23 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO

### Về việc hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Căn cứ vào các quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ vào kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và Báo cáo quyết toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin đã được Công ty kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về đánh giá công tác quản lý điều hành của Công ty, kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

## PHẦN I

### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

#### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

##### 1.1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên. Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như định hướng hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, cụ thể:

- Lập kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2021 bao gồm thực hiện giám sát thường xuyên, báo cáo định kỳ, kế hoạch một số chuyên đề về kiểm tra công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Kế hoạch được gửi HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và thông báo rộng rãi trong toàn Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức họp thường kỳ quý/lần và các cuộc họp đột xuất khác do yêu cầu công việc. Trong năm 2021 Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức năm (05) kỳ họp:

+ Các kỳ họp đảm bảo theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Nội dung các kỳ họp đều được kiểm điểm công việc thực hiện trong quý, hoặc những nội dung vụ việc đột xuất cần kiểm tra. Các kỳ họp đều đủ các thành viên tham gia, mọi thành viên đều thực hiện quyền bình đẳng ý kiến, trước khi thống nhất nội dung biên bản họp.

+ Kết thúc năm 2021, cá nhân các thành viên Ban kiểm soát đều tự kiểm điểm đánh giá hoạt động kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ phân công.

18



- Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành, giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

- Thông qua việc tham gia các cuộc họp thường xuyên, định kỳ của HĐQT đã giúp BKS nắm bắt thông tin, kịp thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

- Năm 2021, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của Ban

- Ban kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông và người có liên quan của Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin.

- Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán AASC và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.

- Thực hiện thường xuyên trao đổi, giữa các thành viên Ban kiểm soát.

- Chủ động phối hợp với các phòng ban chuyên môn, đơn vị của Công ty, trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty và các cổ đông.

## **1.2. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo chuyên đề:**

Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh nên cũng hạn chế về thời gian cũng như số lần thực hiện kiểm tra: Việc tổ chức thực hiện kiểm soát chi tập trung những nội dung lớn, ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình doanh thu, chi phí, kết quả SXKD của Công ty:

- Công tác thực hiện hợp đồng thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá, thuê ngoài chế biến than sạch từ sản phẩm ngoài than .

- Công tác quản lý kho than thành phẩm, kho sản phẩm ngoài than, việc tổ chức theo dõi nghiệm thụ chế biến than sạch từ sản phẩm ngoài than,

- Công tác quyết toán vốn đầu tư, thuê ngoài kiểm toán một số dự án đầu tư, công tác thực hiện theo dõi hạch toán nguồn vốn đầu tư.

- Công tác quản lý vật tư, sửa chữa lớn tài sản thiết bị;

- Ngoài ra thực hiện kiểm soát những nội dung khác theo tính chất thường kỳ: Công tác quản lý chi phí, công tác hạch toán ...

- Quá trình kiểm tra, kiểm soát, được xem xét phân tích cụ thể, minh bạch và đều có sự tham gia của các cán bộ phòng ban quản lý Công ty, kết quả kiểm tra đều có ý kiến và kiến nghị cụ thể:

+ Đối với những nội dung không trọng yếu, yêu cầu đơn vị điều chỉnh và chấn chỉnh lại trong quá trình thực hiện.

+ Cảnh báo đối với những vấn đề nội dung có tiềm ẩn rủi ro, ảnh hưởng đến lợi ích Công ty.

Lập Biên bản và những nội dung cần kiến nghị được thông báo gửi đến HĐQT và Ban Giám đốc sau kiểm tra.

## **2. Kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.**

### **2.1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT.**



Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ chức năng nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, minh bạch thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông thể hiện qua các nội dung như sau:

- Về nhân sự: Trong năm 2021 Ông Vũ Hồng Cẩm - Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách nghỉ ốm từ 01/07/2021, trong thời gian nghỉ ốm có tham gia một số phiên họp HĐQT theo hình thức trực tuyến.

- Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc tham gia ý kiến về các nội dung họp. Các cuộc họp đều được ghi nhận vào Biên bản và ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện;

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức họp 33 phiên, ban hành 33 nghị quyết, 41 quyết định chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021;

- Bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của Công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch;

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHCĐ thông qua, bám sát chiến lược của Công ty, đồng thời đánh giá, giám sát hoạt động của Ban giám đốc;

- Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước và đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp Công ty vượt qua những khó khăn để hoàn thành Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

## **2.2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc có những chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam với Công ty

- Kịp thời đề xuất với Hội đồng quản trị những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;

- Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quyết định của Hội đồng quản trị;

75



-Thực hiện thoả ước lao động và hợp đồng lao động đã ký, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc v.v...được thực hiện theo qui định của Pháp luật và Quy chế Công ty;

- Trực tiếp chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.

### **2.3. Nhận xét chung:**

- Nhìn chung trong năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát của cổ đông giao theo đúng chức năng quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá HĐQT và Ban Giám đốc, đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; đúng quy chế và phù hợp với Luật doanh nghiệp cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

- Trong năm 2021 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các cổ đông về tình hình hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

### **3. Thu nhập, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành:**

HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát được hưởng lương, thưởng, thù lao và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng, các chế độ phúc lợi khác theo quy định hiện hành của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2021:

|                                 |                         |
|---------------------------------|-------------------------|
| + Chủ tịch Hội đồng quản trị:   | 5.140.000đ/người/tháng. |
| + Thành viên Hội đồng quản trị: | 4.380.000đ/người/tháng. |
| + Trưởng Ban kiểm soát:         | 4.580.000đ/người/tháng. |
| + Thành viên Ban kiểm soát:     | 4.000.000đ/người/tháng. |

### **4.Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.HĐQT cùng Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

## **PHẦN II**

### **ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾT QUẢ SXKD - THẨM ĐỊNH BCTC NĂM 2021**

#### **1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD theo nghị quyết ĐHĐCĐ**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đã hoàn thành đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch và đảm bảo mục tiêu định hướng năm 2021 cụ thể như sau:  
Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021:

1/2



| TT | Chỉ tiêu                              | ĐVT                 | NQ<br>ĐHĐCĐ<br>năm<br>2021 | Thực<br>hiện năm<br>2021 | Tỷ lệ<br>(%) |
|----|---------------------------------------|---------------------|----------------------------|--------------------------|--------------|
| 1  | Bóc đất đá                            | 1.000m <sup>3</sup> | 40.000                     | 41.961                   | 104,9        |
| 2  | Than nguyên khai sản xuất             | 1.000 tấn           | 2.000                      | 2.099                    | 104,9        |
| 3  | Than tiêu thụ                         | 1.000tấn            | 2.148                      | 2.157                    | 100,4        |
| 4  | Doanh thu tổng số                     | Tr.đ                | 3.434.055                  | 3.592.045                | 104,6        |
| 5  | Lợi nhuận trước thuế                  | Tr.đ                | 25.984                     | 51.488                   | 198,15       |
| 6  | Đầu tư xây dựng                       | Tr.đ                | 463.811                    | 463.897                  | 100,01       |
| 7  | Khả năng thanh toán nợ đến hạn        | Tr.đ                | 0,59                       | 0,8                      | 135,6        |
| 8  | Hệ số nợ phải trả                     | Tr.đ                | 5,72                       | 3,821                    | 66,8         |
| 9  | Thu nhập bình quân                    | 1000đ/ng-th         | 9.525                      | 11.954                   | 125,52       |
| 10 | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ(dự kiến) | %                   | ≥7%                        | 12%                      | 171,42       |

Ghi chú: Công ty dự kiến chi trả cổ tức 12%.

#### Nhận xét:

Với tài liệu được cung cấp qua xem xét thẩm định và kết hợp với quá trình kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá:

- Năm 2021 Công ty đã tập trung chỉ đạo, tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn, tập trung đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ, thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm, thu nhập cho người lao động, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 giao.

- HĐQT, Ban Giám đốc đã nghiêm túc quán triệt, chấp hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, vì lợi ích của các cổ đông.

- Thống nhất với các Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Hội đồng quản trị, Giám đốc không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích cá nhân, gia đình và người thân.

Trong năm 2021, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

#### 2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021:

##### 2.1. Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

72



| Stt       | Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu                         | Giá trị ( ĐVT:<br>VNĐ)   |
|-----------|---|--------------------------|
| <b>A</b>  | <b>Tổng tài sản</b>                                       | <b>1.701.554.239.384</b> |
| <b>I</b>  | <b>Tài sản ngắn hạn</b>                                   | <b>602.313.063.707</b>   |
| 1         | Trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền              | 6.429.317.186            |
| 2         | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn                       | -                        |
| 3         | Các khoản phải thu ngắn hạn                               | 176.651.440.783          |
| 4         | Hàng tồn kho  | 359.929.724.227          |
| 4.1       | Hàng tồn kho  | 371.382.241.531          |
|           | - Nguyên vật liệu tồn kho                                 | 11.630.277.303           |
|           | - Công cụ dụng cụ tồn kho                                 | 93.238.000               |
|           | - Sản phẩm dở dang tồn kho                                | 180.474.513.188          |
|           | - Thành phẩm tồn kho                                      | 179.184.213.040          |
| 4.2       | Dự phòng  | -11.452.517.304          |
| 5         | Tài sản ngắn hạn khác                                     | 59.302.581.511           |
| <b>II</b> | <b>Tài sản dài hạn</b>                                    | <b>1.099.241.175.677</b> |
| <b>B</b>  | <b>Tổng nguồn vốn</b>                                     | <b>1.701.554.239.384</b> |
| <b>I</b>  | <b>Tổng nợ phải trả</b>                                   | <b>1.345.611.958.426</b> |
| 1         | Nợ ngắn hạn   | 748.383.918.727          |
| 2         | Nợ dài hạn  | 597.228.039.699          |
|           | <i>Trong đó: Vay và nợ dài hạn</i>                        | <i>597.228.039.699</i>   |
| <b>II</b> | <b>Vốn chủ sở hữu (MS400)</b>                             | <b>355.942.280.958</b>   |
| 1         | Vốn chủ sở hữu (MS410)                                    | 355.942.280.958          |
|           | Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu (MS411)               | 245.690.520.000          |
|           | - Quỹ Đầu tư phát triển (MS 418)                          | 38.569.843.947           |
|           | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (MS 412)              | 71.159.598.117           |
| 2         | Nguồn kinh phí và quỹ khác                                | 0                        |
| <b>B</b>  | <b>Kết quả SXKD năm 2021</b>                              |                          |
| 1         | Tổng thu nhập   | 3.600.795.879.205        |
|           | Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.592.045.565.382        |
| 2         | Tổng chi phí hoạt động                                    | 3.549.307.779.032        |
| 3         | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                         | 51.488.100.173           |
| 4         | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                  | 41.159.598.117           |
| 5         | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                  | 1.675                    |
| 6         | Cổ phiếu  | 24.569.052               |

72



## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính

| Stt | Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp                     | Tỷ lệ |
|-----|--|-------|
| 1.  | Cơ cấu tài sản                                     |       |
|     | - Hệ số đầu tư ngắn hạn                            | 35,40 |
|     | - Hệ số đầu tư dài hạn                             | 64,60 |
| 2.  | Cơ cấu nguồn vốn                                   |       |
|     | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn                      | 0,78  |
|     | - Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu                      | 3,82  |
| 3.  | <b>Khả năng thanh toán</b>                         |       |
|     | - Khả năng thanh toán tổng quát ( Mã 270 /Mã 300 ) | 1,25  |
|     | - Khả năng thanh toán hiện thời                    | 0,80  |
|     | - Khả năng thanh toán nhanh                        | 0,32  |
| 4.  | <b>Khả năng sinh lời</b>                           |       |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu                | 18,25 |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | 14,59 |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản                  | 2,42  |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)   | 2,36  |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu            | 1,15  |

### 2.3 Cơ cấu sở hữu cổ phần tài ngày 31/12/2021:

Vốn Điều lệ của Công ty là: 245.690 triệu đồng tương ứng 24.569.052 cổ phần.

Trong đó: - TKV nắm giữ: 15.969.884 cổ phần tương ứng tỷ lệ nắm giữ 65%.

- Cổ đông khác: 8.599.168 cổ phần tương ứng tỷ lệ nắm giữ 35%.

### Ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin, Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Theo ý kiến đánh giá của Ban kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2021. Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Công ty đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước;

- Công ty thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ kịp thời và đúng hạn cho 100% CBCNV đã ký hợp đồng lao động;

- Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty được thực hiện tập trung đảm bảo phù hợp với quy trình tổ chức sản xuất và quản lý của Công ty;

- Chứng từ, sổ sách kế toán được ghi chép, hạch toán tuân thủ theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

### 3. Một số đề xuất, kiến nghị :

- Đề nghị Công ty tăng cường công tác quản lý năng suất thiết bị, phát huy tối đa thiết bị Công ty hiện có.

- Hàng tháng, quý có đánh giá việc thực hiện định mức các vật tư chủ yếu của Công



ty, để điều chỉnh định mức phù hợp.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý về: Quản lý chất lượng than, Nghiệm thu khối lượng mỏ, nghiệm thu trong quá trình chế biến, nghiệm thu công tác thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá. Quản lý kho thành phẩm, kho bán thành phẩm và sản phẩm ngoài than.

- Đẩy nhanh công tác đầu tư thực hiện dự án Bắc Bàng Danh đảm bảo tiến độ của dự án.

Trên đây là kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xem xét thông qua./.

### PHẦN III PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và kế hoạch SXKD của Công ty năm 2022. Ban kiểm soát đề ra hoạt động năm 2022 như sau:

1. Giám sát hoạt động của HĐQT qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc ban hành Nghị quyết các kỳ họp thường kỳ hay bất thường của HĐQT, việc ban hành các Quy định, Quy chế, việc đôn đốc Ban Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện các Nghị quyết và tuân thủ các Nghị quyết, các Quy định, Quy chế đã ban hành theo từng nội dung, từng lĩnh vực.

2. Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành thông qua việc: Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua. Cần sâu sát thường xuyên trong công tác quản trị chi phí, sớm có ý kiến kiến nghị khi phát hiện những việc có tiềm ẩn rủi ro trong kinh doanh.

3. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Thực hiện kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý đã được xây dựng từ đầu năm;

4. Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty; soát xét số liệu hàng tháng /quý đối với một số khoản mục có ảnh hưởng lớn tới kết quả tài chính;

5. Giám sát quá trình kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thư quản lý của các Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán tại Công ty. Trao đổi, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về nội dung, phạm vi kiểm toán, về các vấn đề tồn tại.

6. Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu. Tham gia với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thảo luận nội dung chỉ tiêu, cụ thể hoá Nghị quyết ĐHĐCĐ để đề ra các Nghị quyết thường kỳ.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2021 và phương hướng hoạt động trong năm 2022 của Ban kiểm soát. Rất mong được sự tham gia góp ý của quý vị cổ đông để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng tốt hơn. *tr*

**Nơi nhận:**

- Cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Thư ký Công ty;
- Phòng CV (đăng trên Website);
- Lưu: VT, BKS. *tr*

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Lương Anh**



Số: 811 /TTr-VHTC

Hạ Long, ngày 23 tháng 3 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### Về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin xin Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

#### 1. Đề xuất danh sách Công ty kiểm toán

Để đảm bảo lựa chọn được Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh. Thực hiện kiểm toán /Soát xét Báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát xin đề xuất danh sách Công ty kiểm toán như sau :

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH PKF Việt Nam,
3. Công ty TNHH kiểm toán BDO

#### Lý do đề xuất các Công ty kiểm toán trên:

- Là những Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán Báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 theo quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 và thuộc danh sách được kiểm toán các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán năm 2022 do Ủy ban chứng khoán nhà nước công bố trên Website của UBCKNN.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với Công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;

- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần Than Hà Tu –Vinacomin về phạm vi, tiến độ kiểm toán;

#### 2. Đề xuất về việc lựa chọn Công ty kiểm toán:

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.





Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.  
Xin Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Thư ký Công ty;
- Phòng CV(đăng trên Website);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Lương Anh**





Số: 1146/TTr-VHTC

Hạ long, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc giới thiệu nhân sự để bầu vào HĐQT và**  
**BKS Công ty khoá IV nhiệm kỳ 2022÷2027**

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2021;

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-TKV ngày 04/4/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam Về việc cử người đại diện của TKV tham gia HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin nhiệm kỳ 2022- 2027;

Căn cứ Biên Bản số 163/BB-VHTC ngày 18/4/2022 của HĐQT Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin về việc giới thiệu nhân sự HĐQT và BKS khoá IV nhiệm kỳ 2022÷2027;

Căn cứ vào danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 17/3/2022 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại văn bản số V263/2022-THT/VSD-ĐK ngày 21/03/2022.

Hiện tại Công ty Công ty có 01 cổ đông lớn là Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đang sở hữu 15.969.884 cổ phần tương đương 65% vốn điều lệ Công ty, giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV (2022÷2027) gồm các ông bà sau:

**\*/ Tham gia ứng cử HĐQT 03 người có lý lịch tóm tắt kèm theo gồm:**

- Ông Trần Thế Thành – Trưởng ban QLV Tập đoàn, là người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin;

- Ông Nguyễn Quang Quảng – Người đại diện TKV, Q Giám đốc Công ty;

- Ông Nguyễn Việt Thanh – Người đại diện TKV, Bí thư đảng ủy

**\*/ Tham gia ứng cử BKS 02 người có lý lịch tóm tắt kèm theo gồm:**

- Bà Nguyễn Thị Lương Anh – Người đại diện TKV, TBKS Công ty;

- Ông Ngô Duy Đà – Phó phòng Kế hoạch.

Như vậy tính đến thời điểm này theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam cung cấp, không có cổ đông hay nhóm cổ đông nào sở hữu hoặc đại diện đủ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, gửi văn bản giới thiệu người tham gia ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT, BKS Công ty khóa IV nhiệm kỳ (2022÷2027) tới ban tổ chức. Do đó về nhân sự cho nhiệm kỳ mới còn thiếu 02 (hai) ứng viên để bầu vào HĐQT và 01 (một) ứng viên để bầu vào BKS nhiệm kỳ này.

Căn cứ vào khoản 3 điều 25 và khoản 3 điều 36 của Điều lệ Công ty quy định: “Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT hoặc BKS thông qua đề cử và



14



ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT hoặc BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT hoặc BKS đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT hoặc BKS phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.”

Vì vậy HĐQT và BKS đương nhiệm của Công ty thống nhất đưa ra cơ chế đề cử, đồng thời giới thiệu thêm 02 ứng viên tham gia HĐQT và 01 ứng viên tham gia BKS như sau:

### **1. Cơ chế đề cử:**

- Các ứng viên làm thành viên HĐQT hoặc BKS phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Điều 155, Điều 103 Luật doanh nghiệp.

- Với ứng viên HĐQT do ít nhất 3/5 thành viên HĐQT đương nhiệm giới thiệu.

- Với ứng viên BKS do ít nhất 2/3 thành viên BKS đương nhiệm giới thiệu.

### **2. Họ và tên 02 ứng viên đề cử để bầu thành viên HĐQT:**

① Ông Đặng Văn Tĩnh - Hiện là Phó giám đốc Công ty (Có lý lịch tóm tắt kèm theo).

② Bà Phạm Thị Hải – Ứng cử thành viên độc lập HĐQT (Có lý lịch tóm tắt kèm theo).

### **3. Họ và tên 01 ứng viên đề cử để bầu thành viên BKS:**

① Bà Phạm Thị Lan Hương - Hiện là phó phòng KB. (Có lý lịch tóm tắt kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin, kính mong Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án đề cử nhân sự để bầu vào HĐQT và BKS Công ty khoá IV nhiệm kỳ 2022÷2027.

Xin trân trọng cảm ơn./.

#### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, Các cổ đông Công ty;
- Phòng CV (Đăng trên Website);
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT)

- Họ và tên: **TRẦN THẾ THÀNH** Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: **28/10/1962** Nơi sinh: Sơn Tây - Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001062057264, cấp ngày: 16/6/2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 13-M2 Khu đô thị mới Yên Hòa-Phường Yên Hòa Quận Cầu Giấy-Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0913263138 Email: thanh101962@yahoo.com.vn
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin;
  - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vật tư - TKV;
  - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin;
  - + Thành viên HĐQT Công ty CP Than Đèo Nai- Vinacomin
- Số CP nắm giữ: 15.969.844 cổ phần, chiếm: 65% vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 15.969.884 cổ phần
  - + Cá nhân sở hữu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai\*:

| STT | Tên cá nhân/tổ chức  | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp | Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ | Mối quan hệ |
|-----|----------------------|--|---|-------------|
| 1   | Trần Thế Thành       | Số CCCD: 001062057264; cấp ngày: 16/6/2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 15.969.884 Cổ phần; tỷ lệ: 65%  | Cá nhân     |
| 2   | Lê Thị Ngân          | 34165006275<br>13/8/2019<br>Quảng Ninh   | 0   | Vợ          |
| 3   | Trần Thị Thanh Hương | 13660016<br>27/8/2013<br>Hà Nội  | 0   | Con         |
| 4   | Trần Tuấn Đạt        | 13676081<br>23/1/2014<br>Hà Nội  | 0   | Con         |
| 5   | Trần Thanh Thảo      | 22301001501<br>26/12/2016<br>Quảng Ninh  | 0   | Con         |





|    |                |                                      |   |          |
|----|----------------|--------------------------------------|---|----------|
| 6  | Hoàng Anh      | N9930893                             | 0 | Con rể   |
| 7  | Trần Văn Chung | 100114612<br>26/8/2008<br>Quảng Ninh | 0 | Anh trai |
| 8  | Trần Văn Thắng | 100762859<br>26/8/2011<br>Quảng Ninh | 0 | Em trai  |
| 9  | Lưu Hoàng Anh  | 101132511<br>26/8/2020<br>Quảng Ninh | 0 | Chị dâu  |
| 10 | Phạm Thị Hợp   | 100853196<br>21/5/2001<br>Quảng Ninh | 0 | Em dâu   |
| 11 | Lê Hữu Ngạn    | 150458449<br>21/7/2013<br>Thái Bình  | 0 | Bố vợ    |
| 12 | Lê Thị Nuôi    | 150466592<br>30/12/2011<br>Thái Bình | 0 | Mẹ vợ    |

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần : Không

**Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.**

Hạ Long, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**Người khai**

**Trần Thế Thành**









| Stt  | Mã CK | Họ tên               | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp   | Nơi cấp          | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|----------------------|--|------------------------------|---|---|-----------------|------------|------------------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1    | 2     | 3                    | 4  | 5                            | 6   | 7   | 8               | 9          | 10               | 11   | 12                         | 13                            | 14  | 15  | 16  | 17   |
| 1    |       | Trần Thế Thành       |  | CT HĐQT                      |   | 001062057264  |                 | 16/6/2020  | Cục CSHC về TTXH |  |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.01 |       | Lê Thị Ngân          |  |                              | Vợ  | 034165006275  |                 | 13/8/2019  | Hà Nội           | Đông xá - Văn đồn - Quảng Ninh               |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.02 |       | Trần Thị Thanh Hương |  |                              | Con                                       | 013660016   |                 | 27/8/2013  | Hà Nội           | SYD - Australia                              |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.03 |       | Trần Tuấn Đạt        |  |                              | Con                                       | 013676081   |                 | 23/1/2014  | Hà Nội           | 454- Trần phú- Cẩm thủy- Cẩm phá- Quảng ninh |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.04 |       | Trần Thanh Thảo      |  |                              | Con                                       | 22301001501   |                 | 26/12/2016 | Hà Nội           | SYD - Australia                              |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.05 |       | Trần Văn Chung       |  |                              | Anh trai                                  | 100114612   |                 | 26/8/2008  | Quảng Ninh       | Du học tại SYD- Úc                           |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.06 |       | Trần Văn Thắng       |  |                              | Em trai                                   | 100762859   |                 | 26/8/2011  | Quảng Ninh       | Cắm trung, cắm phá, Quảng Ninh               |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.07 |       | Lưu Hoàng Anh        |  |                              | Chị dâu                                   | 101132511   |                 | 26/8/2012  | Quảng Ninh       | Cắm trung, cắm phá, Quảng Ninh               |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.08 |       | Phạm Thị Hợp         |  |                              | Em dâu                                    | 100853196   |                 | 21/5/2001  | Quảng Ninh       | Cắm trung, cắm phá, Quảng Ninh               |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.09 |       | Lê Hữu Ngân          |  |                              | Bố vợ                                     | 150458449   |                 | 21/7/2013  | Thái Bình        | Cắm trung, cắm phá, Quảng Ninh               |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.10 |       | Lê Thị               |  |                              | Mẹ vợ                                     | 150466592   |                 | 30/12/2011 | Thái Bình        | Thôn Trung Nha,                              |                            |                               |   |   |   |  |



|      |  |              |  |  |        |           |  |           |            |   |  |  |  |  |  |  |
|------|--|--------------|--|--|--------|-----------|--|-----------|------------|---|--|--|--|--|--|--|
|      |  | Nuôi         |  |  |        |           |  |           |            | xã Minh Lăng, Vũ Thư, Thái Bình                 |  |  |  |  |  |  |
| 1.11 |  | Lê Văn Nguru |  |  | Anh vợ |           |  |           |            | Thôn Trung Nha, xã Minh Lăng, Vũ Thư, Thái Bình |  |  |  |  |  |  |
| 1.12 |  | Lê Văn Uy    |  |  | Em vợ  | 100765154 |  | 12/2/200  | Quảng Ninh | Thôn Trung Nha, xã Minh Lăng, Vũ Thư, Thái Bình |  |  |  |  |  |  |
| 1.13 |  | Lê Thị Hiến  |  |  | Em vợ  | 100976592 |  | 17/5/2004 | Quảng Ninh | Cắm trung, cắm phá, Quảng Ninh                  |  |  |  |  |  |  |
| 1.14 |  | Lê Văn Trí   |  |  | Em vợ  | 100952197 |  | 12/3/2004 | Quảng Ninh | Cắm thùy, Cắm phá, Quảng Ninh                   |  |  |  |  |  |  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)







**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT)*

1. Họ và tên: NGUYỄN QUANG QUẢNG Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 04/12/1980 Nơi sinh: Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 027080000565, cấp ngày: 16/6/2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
5. Địa chỉ thường trú: P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
6. Số điện thoại liên lạc: 0904 606 757 Email: quangnq@vinacomin.vn
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ kinh doanh và quản lý
9. Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần: Quyền Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị
10. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
11. Số CP nắm giữ: Không, chiếm: Không % vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không
  - + Cá nhân sở hữu: Không
12. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
13. Danh sách người có liên quan của người khai\*:

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp | Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có) | Mối quan hệ |
|-----|---------------------|--|---|-------------|
| 1   | Nguyễn Quang Quảng  | Số CCCD: 027080000565; cấp ngày: 16/6/2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0   | Cá nhân     |
| 2   | Nguyễn Quang Quyền  | Số : 125497466; cấp ngày: 29/10/2009 tại Bắc Ninh  | 0   | Bố đẻ       |
| 3   | Nguyễn Thị Hoa      | Số: 125530823; cấp ngày: 10/08/2009 tại Bắc Ninh   | 0   | Mẹ đẻ       |
| 4   | Nguyễn Vĩnh Ngọc    | Số: 100279452; cấp ngày: 14/5/2015 tại Quảng Ninh  | 0   | Bố vợ       |





|    |                     |  |   |              |
|----|---------------------|--|---|--------------|
| 5  | Bùi Thị Lan         | Số: 100279470; cấp ngày: 03/10/1981 tại Quảng Ninh | 0 | Mẹ vợ        |
| 6  | Nguyễn Thị Hồng Cẩm | Số: 022179001069; cấp ngày: 2/8/2016 tại Hà Nội    | 0 | Vợ           |
| 7  | Nguyễn Quang Tùng   | Số: C2178024; cấp ngày: 12/8/2016 tại Hà Nội       | 0 | Con đẻ       |
| 8  | Nguyễn Hồng Anh Thư | Số: C2178025; cấp ngày: 12/8/2016 tại Hà Nội       | 0 | Con đẻ       |
| 9  | Nguyễn Thị Quyên    | Số: 125077228; cấp ngày: 29/9/2015 tại Bắc Ninh    | 0 | Em gái ruột  |
| 10 | Nguyễn Quang Quỳnh  | Số: 125284455 ; cấp ngày: 11/11/2011 tại Bắc Ninh  | 0 | Em trai ruột |
| 11 | Nguyễn Thị Quỳnh    | Số: 125357820 ; cấp ngày: 27/7/2011 tại Bắc Ninh   | 0 | Em dâu       |
| 12 | Nguyễn Sỹ Huyện     | Số: 125175620; cấp ngày: 24/11/2012 tại Bắc Ninh   | 0 | Em rể        |

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần : Không

**Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.**

Hạ Long, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**Người khai**

**Nguyễn Quang Quảng**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: NGUYỄN QUANG QUẢNG

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 04/12/1980

4/ Nơi sinh: Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh

5/ Số CMND/CCCD (hoặc số hộ chiếu): 027080000565

Ngày cấp: 16/6/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6/ Quốc tịch : Việt Nam

7/ Dân tộc : Kinh

8/ Địa chỉ thường trú : P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

9/ Số điện thoại: 0904 606 757

10/ Địa chỉ email: quangnq@vinacomin.vn

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Quyền Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0

+ Cá nhân sở hữu: 0

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): không có

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\*:



| Stt | Mã CK | Họ tên              | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp   | Nơi cấp                      | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                   | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|---------------------|--|------------------------------|---|---|-----------------|------------|------------------------------|---|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1   | 2     | 3                   | 4  | 5                            | 6   | 7   | 8               | 9          | 10                           | 11  | 12                         | 13                            | 14  | 15  | 16  | 17   |
| 1   |       | Nguyễn Quang Quảng  |  | Quyền Giám đốc, TV HĐQT      | Cá nhân                                   | CCCD  | 027080000565    | 16/6/2020  | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. |                            |                               |   |   |   |  |
| 2   |       | Nguyễn Quang Quyển  |  |                              | Bố đẻ                                     | CMND  | 125497466       | 29/10/2009 | Công an tỉnh Bắc Ninh        | Nhân Thắng- Gia Bình-Bắc Ninh   |                            |                               |   |   |   |  |
| 3   |       | Nguyễn Thị Hoa      |  |                              | Mẹ đẻ                                     | CMND  | 125530823       | 10/08/2009 | Công an tỉnh Bắc Ninh        | Nhân Thắng- Gia Bình-Bắc Ninh   |                            |                               |   |   |   |  |
| 4   |       | Nguyễn Vĩnh Ngọc    |  |                              | Bố vợ                                     | CMND  | 100279452       | 14/5/2015  | Công an tỉnh Quảng Ninh      | Hạ Long- Quảng Ninh   |                            |                               |   |   |   |  |
| 5   |       | Bùi Thị Lan         |  |                              | Mẹ vợ                                     | CMND  | 100279470       | 03/10/1981 | Công an tỉnh Quảng Ninh      | Hạ Long- Quảng Ninh   |                            |                               |   |   |   |  |
| 6   |       | Nguyễn Thị Hồng Cẩm |  |                              | Vợ  | CCCD  | 022179001069    | 2/8/2016   | Công an TP Hà Nội            | P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. |                            |                               |   |   |   |  |



|    |                     |  |              |      |           |            |                       |   |  |  |  |  |  |  |
|----|---------------------|--|--------------|------|-----------|------------|-----------------------|---|--|--|--|--|--|--|
| 7  | Nguyễn Quang Tùng   |  | Con đẻ       | HC   | C2178024  | 12/8/2016  | Hà Nội                | P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. |  |  |  |  |  |  |
| 8  | Nguyễn Hồng Anh Thư |  | Con đẻ       | HC   | C2178025  | 12/8/2016  | Hà Nội                | P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. |  |  |  |  |  |  |
| 9  | Nguyễn Thị Quyên    |  | Em gái ruột  | CMND | 125077228 | 29/9/2015  | Công an tỉnh Bắc Ninh | Vạn Ninh- Gia Bình- Bắc Ninh  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Nguyễn Quang Quỳnh  |  | Em trai ruột | CMND | 125284455 | 11/11/2011 | Công an tỉnh Bắc Ninh | Hạ Long- Quảng Ninh   |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Nguyễn Thị Quỳnh    |  | Em dâu       | CMND | 125357820 | 27/7/2011  | Công an tỉnh Bắc Ninh | Hạ Long- Quảng Ninh   |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Nguyễn Sỹ Huyện     |  | Em rể        | CMND | 125175620 | 24/11/2012 | Công an tỉnh Bắc Ninh | Vạn Ninh- Gia Bình- Bắc Ninh  |  |  |  |  |  |  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Quang Quảng**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT/ thành viên độc lập  
HĐQT/Ban kiểm soát)*



1. Họ và tên: **NGUYỄN VIỆT THANH**                      Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: **02/7/1973**    Nơi sinh: Phường Hà Tu – Thành phố. Hạ Long – Quảng Ninh
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 022073003560    Cấp ngày 04/3/2020    Tại Cục Cảnh sát quản lý và trật tự xã hội
5. Địa chỉ thường trú: Số nhà 11, ngõ 26, đường Vũ Văn Hiếu, P. Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
6. Số điện thoại liên lạc: 0912638181 ; Email: ...Thanhhatutkv@gmail.com
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:    Kỹ sư Ô Tô; Cử nhân kinh tế
9. Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần Than Hà Tu: Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT Công ty
10. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
11. Số CP nắm giữ: 0, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0
  - + Cá nhân sở hữu: 0
12. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
13. Danh sách người có liên quan của người khai\*:

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp | Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có) | Mối quan hệ |
|-----|---------------------|--|---|-------------|
| 1   | Vũ Thị Xuyên        | 034183002275<br>14/4/2021 Cục Cảnh sát quản lý và trật tự xã hội   | 0   | Vợ          |
| 2   | Nguyễn Việt Thắng   | 022072001522<br>10/4/2021 Cục Cảnh sát quản lý và trật tự xã hội   | 0   | Anh ruột    |
| 3   | Nguyễn Việt Thái    | 022074004124<br>14/4/2021 Cục Cảnh sát quản lý và trật tự xã hội   | 0   | Em ruột     |



|    |                   |  |   |          |
|----|-------------------|--|---|----------|
| 4  | Nguyễn Việt Thông | 022080003831<br>25/4/2021 Cục Cảnh sát quản lý<br>và trật tự xã hội  | 0 | Em ruột  |
| 5  | Đoàn Thị Phương   | 022176001680<br>12/4/2021 Cục Cảnh sát quản lý<br>và trật tự xã hội  | 0 | Chị dâu  |
| 6  | Tô Thị Mai Anh    | 022174004296<br>14/4/2021 Cục Cảnh sát quản lý<br>và trật tự xã hội  | 0 | Em dâu   |
| 7  | Kim Thị Cẩm Vân   | 100799083<br>19/7/2007 Công an Quảng Ninh                            | 0 | Em dâu   |
| 8  | Nguyễn Việt Khánh | 022206004296<br>16/4/2021 Cục Cảnh sát quản lý<br>và trật tự xã hội  | 0 | Con ruột |
| 9  | Nguyễn Việt Bách  | Còn nhỏ  | 0 | Con ruột |
| 10 | Nguyễn Thanh Tân  | Đã chết  | 0 | Cha      |
| 11 | Phạm Thị Ngọc     | Đã chết  | 0 | Mẹ       |
| 12 | Vũ Đức Mậu        | 034052003211<br>20/10/2017 Cục Cảnh sát quản<br>lý và trật tự xã hội | 0 | Cha vợ   |
| 13 | Phạm Thị Mâu      | 034154004196<br>08/5/2021 Cục Cảnh sát quản lý<br>và trật tự xã hội  | 0 | Mẹ vợ    |
| 14 | Nguyễn Việt Thanh | 022073003560<br>04/3/2020 Cục Cảnh sát quản lý<br>và trật tự xã hội  | 0 |          |

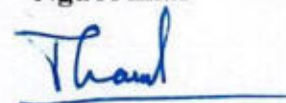
14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Than nhà Tu (nếu có): Không có

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần Than Hà Tu (nếu có): Không có

**Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.**

Hạ Long, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người khai



*Nguyễn Việt Thanh*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- 1/ Họ và tên: NGUYỄN VIỆT THANH
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 22/7/1973
- 4/ Nơi sinh: Phường Hà Tu – Thành phố. Hạ Long – Quảng Ninh
- 5/ Số CMND/CCCD (hoặc số hộ chiếu): 022073003560
- Ngày cấp: 04/3/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- 6/ Quốc tịch : Việt Nam
- 7/ Dân tộc : Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú : Số nhà 11, ngõ 26, đường Vũ Văn Hiếu, P. Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- 9/ Số điện thoại: 0912638181
- 10/ Địa chỉ email: Thanhhatutkv@gmail.com
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT Công ty
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- 14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0
  - + Cá nhân sở hữu: 0
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): không có
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai\*:



| Stt | Mã CK | Họ tên            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)    | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy DKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp   | Nơi cấp                      | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|-------------------|--|---------------------------------|--|--|-----------------|------------|------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|--|---|--|
| 1   | 2     | 3                 | 4  | 5                               | 6  | 7  | 8               | 9          | 10                           | 11   | 12                         | 13                            | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 1   |       | Nguyễn Việt Thanh |  | Bí thư Đảng ủy Công ty, TV HĐQT | Cá nhân                                  | CCCD   | 022073003560    | 04/3/2020  | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Ngõ 26, đường Vũ Văn Hiếu, P. Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh. |                            |                               |  |  |   |  |
| 2   |       | Nguyễn Thanh Tân  |  |                                 | Cha                                      |  |                 |            |                              |  |                            |                               |  |  |   | Đã chết  |
| 3   |       | Phạm Thị Ngộ      |  |                                 | Mẹ                                       |  |                 |            |                              |  |                            |                               |  |  |   | Đã chết  |
| 4   |       | Vũ Đức Mẫu        |  |                                 | Cha vợ                                   | CCCD   | 034052003211    | 20/10/2017 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Xóm 6 Thôn Các Đông – Thái Thượng – Thái Thụy – Thái Bình    |                            |                               |  |  |   |  |
| 5   |       | Phạm Thị Mẫu      |  |                                 | Mẹ vợ                                    | CCCD   | 034154004196    | 08/5/2021  | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Xóm 6 Thôn Các Đông – Thái Thượng – Thái Thụy – Thái Bình    |                            |                               |  |  |   |  |
| 6   |       | Vũ Thị Xuyên      |  | Nhân viên                       | Vợ                                       | CCCD   | 034183002275    | 14/4/2021  | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Ngõ 26, đường Vũ Văn Hiếu, P. Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh  |                            |                               |  |  |   |  |



| Stt | Mã CK | Họ tên            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp  | Nơi cấp                      | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|-------------------|--|------------------------------|---|--|-----------------|-----------|------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1   | 2     | 3                 | 4  | 5                            | 6   | 7  | 8               | 9         | 10                           | 11   | 12                         | 13                            | 14  | 15  | 16  | 17   |
| 7   |       | Nguyễn Việt Thắng |  | Công nhân                    | Anh ruột                                  | CCCD   | 022072001522    | 10/4/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 12 Khu 4 P. Trần Hưng Đạo – Hạ Long – Quảng Ninh          |                            |                               |   |   |   |  |
| 8   |       | Nguyễn Việt Thái  |  |                              | Em ruột                                   | CCCD   | 022074004124    | 14/4/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 56 Khu 4 Phường Hồng Gai – Hạ Long- Quảng Ninh            |                            |                               |   |   |   |  |
| 9   |       | Nguyễn Việt Thống |  |                              | Em ruột                                   | CCCD   | 022080003831    | 25/4/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Nhà CT3A-KĐT Mỹ Đình 2 – P. Mỹ Đình 2 – Nam Từ Liêm – Hà Nội |                            |                               |   |   |   |  |
| 10  |       | Đoàn Thị Phương   |  |                              | Chị dâu                                   | CCCD   | 022176001680    | 12/4/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 12 Khu 4 P. Trần Hưng Đạo – Hạ Long – Quảng Ninh          |                            |                               |   |   |   |  |
| 11  |       | Tô Thị Mai Anh    |  | Nhân viên                    | Em dâu                                    | CCCD   | 022174004296    | 14/4/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 56 Khu 4 Phường Hồng Gai – Hạ Long- Quảng Ninh            |                            |                               |   |   |   |  |
| 12  |       | Kim Thị Cẩm Vân   |  |                              | Em dâu                                    | CMND   | 100799083       | 19/7/2007 | Công an QN                   | Nhà CT3A-KĐT Mỹ Đình 2 – P. Mỹ Đình 2 – Nam Từ Liêm – Hà Nội |                            |                               |   |   |   |  |



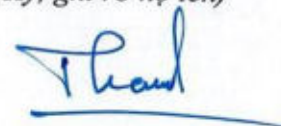
| Stt | Mã CK | Họ tên            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp  | Nơi cấp                      | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|-------------------|--|------------------------------|--|--|-----------------|-----------|------------------------------|---|----------------------------|-------------------------------|--|--|---|--|
| 1   | 2     | 3                 | 4  | 5                            | 6  | 7  | 8               | 9         | 10                           | 11  | 12                         | 13                            | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 13  |       | Nguyễn Việt Khánh |  |                              | Con đẻ                                   | CCCD   | 022206004296    | 16/4/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Ngõ 26, đường Vũ Văn Hiếu, P. Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   |  |
| 14  |       | Nguyễn Việt Bách  |  |                              | Con đẻ                                   |  |                 |           |                              | Ngõ 26, đường Vũ Văn Hiếu, P. Hà Tu, TP Hạ Long, Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   | Còn nhỏ  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Việt Thanh**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT)

- Họ và tên: **ĐẶNG VĂN TỈNH** Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/5/1975; Nơi sinh: Đông Vinh- Đông Hưng- Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034075009742; Cấp ngày: 04/11/2019; Tại:
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu 1A, Phường Hồng Hà- Hạ Long- Quảng Ninh
- Số điện thoại liên lạc: 0913355779 Email: dangvantinh11@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học Cơ khí chuyên dụng, Khai thác, QTDN
- Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần: Phó Giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ: Không, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:  
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không  
+ Cá nhân sở hữu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai:

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp | Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có) | Mối quan hệ |
|-----|---------------------|--|---|-------------|
| 1   | Đặng Văn Tĩnh       | 034075009742; Cấp ngày: 04/11/2019; Nơi cấp: Cục Cảnh sát  | 0   | Cá nhân     |
| 2   | Đặng Văn Yên        | 034055004748; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát   | 0   | Bố đẻ       |
| 3   | Trần Thị Đã         | 034155005010; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát   | 0   | Mẹ đẻ       |
| 4   | Nguyễn Duy San      | 033046000758; Ngày cấp: 28/8/2018; Nơi cấp: Cục Cảnh sát   | 0   | Bố vợ       |





|    |                  |   |   |         |
|----|------------------|---|---|---------|
| 5  | Vũ Thị Hợi       | 033149000357; Ngày cấp:<br>22/3/2019; Nơi cấp: Cục Cảnh sát   | 0 | Mẹ vợ   |
| 6  | Nguyễn Bích Thủy | 022177002263; Ngày cấp:<br>17/4/2018; Nơi cấp: Cục Cảnh sát   | 0 | Vợ      |
| 7  | Đặng Gia Bảo     | 022206008151; Ngày cấp:<br>08/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát   | 0 | Con đẻ  |
| 8  | Đặng Phương Thảo |   | 0 | Con đẻ  |
| 9  | Đặng Thị An      | 034178018167; Ngày cấp:<br>22/11/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát  | 0 | Em ruột |
| 10 | Đặng Thị Bình    | 013439494; Ngày cấp: 02/8/2011;<br>Nơi cấp: Công an TP Hà Nội | 0 | Em ruột |
| 11 | Lê Minh Hiền     | 034074007776; Ngày cấp:<br>25/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát   | 0 | Em rể   |
| 12 | Bùi Xuân Hiếu    | 013439495; Ngày cấp: 02/8/2011;<br>Nơi cấp: Công an TP Hà Nội | 0 | Em rể   |

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hạ Long, ngày 24 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI KHAI



**Đặng Văn Tĩnh**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- 1/ Họ và tên: ĐẶNG VĂN TỈNH
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 02/5/1975
- 4/ Nơi sinh: Đông Vinh- Đông Hưng- Thái Bình
- 5/ Số CMND/CCCD (hoặc số hộ chiếu): 034075009742
- Ngày cấp: 04/11/2019; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- 6/ Quốc tịch : Việt Nam
- 7/ Dân tộc : Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú : Tổ 1, khu 1A, Phường Hồng Hà- Hạ Long- Quảng Ninh
- 9/ Số điện thoại: 0913355779
- 10/ Địa chỉ email: dangvantinh11@gmail.com
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Phó Giám đốc
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- 14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:  
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0  
+ Cá nhân sở hữu: 0
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): không có
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai\*:



| Stt | Mã CK | Họ tên        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp   | Nơi cấp                      | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ  | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|---------------|--|------------------------------|---|---|-----------------|------------|------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1   | 2     | 3             | 4  | 5                            | 6   | 7   | 8               | 9          | 10                           | 11                                     | 12                         | 13                            | 14  | 15  | 16  | 17   |
| 1   |       | Đặng Văn Tĩnh |  | Phó Giám đốc                 | Cá nhân                                   | CCCD  | 034075009742    | 04/11/2019 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 1, khu 1A- Hồng Hà- Hạ Long- Q.Ninh |                            |                               |   |   |   |  |
| 2   |       | Đặng Văn Yên  |  |                              | Bố đẻ                                     | CCCD  | 034055004748    | 10/5/2021  | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 1, khu 1A- Hồng Hà- Hạ Long- Q.Ninh |                            |                               |   |   |   |  |
| 3   |       | Trần Thị Đã   |  |                              | Mẹ đẻ                                     | CCCD  | 034155005010    | 10/5/2021  | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 1, khu 1A- Hồng Hà- Hạ Long- Q.Ninh |                            |                               |   |   |   |  |



|   |  |                  |  |           |        |      |              |           |                              |  |  |  |  |  |  |  |         |
|---|--|------------------|--|-----------|--------|------|--------------|-----------|------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|---------|
| 4 |  | Nguyễn Duy San   |  |           | Bố vợ  | CCCD | 033046000758 | 28/8/2018 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 3, khu 3, Hồng Hải, HL, QN          |  |  |  |  |  |  |         |
| 5 |  | Vũ Thị Hợi       |  |           | Mẹ vợ  | CCCD | 033149000357 | 22/3/2019 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 3, khu 3, Hồng Hải, HL, QN          |  |  |  |  |  |  |         |
| 6 |  | Nguyễn Bích Thủy |  | Phó Phòng | Vợ     | CCCD | 022177002263 | 17/4/2018 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 1, khu 1A- Hồng Hà- Hạ Long- Q.Ninh |  |  |  |  |  |  |         |
| 7 |  | Đặng Gia Bảo     |  |           | Con đẻ | CCCD | 022206008151 | 08/5/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 1, khu 1A- Hồng Hà- Hạ Long- Q.Ninh |  |  |  |  |  |  |         |
| 8 |  | Đặng Phương Thảo |  |           | Con đẻ |      |              |           |                              | Tổ 1, khu 1A- Hồng Hà- Hạ Long- Q.Ninh |  |  |  |  |  |  | Còn nhỏ |



|    |  |               |  |  |         |      |              |            |                              |   |  |  |  |  |  |  |
|----|--|---------------|--|--|---------|------|--------------|------------|------------------------------|---|--|--|--|--|--|--|
| 9  |  | Đặng Thị An   |  |  | Em ruột | CCCD | 034178018167 | 22/11/2021 | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 4, khu 4B- Hồng Hải- HL- QN            |  |  |  |  |  |  |
| 10 |  | Đặng Thị Bình |  |  | Em ruột | CMND | 013439494    | 02/8/2011  | Công an TP Hà Nội            | Tổ 4, p. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, H.Nội |  |  |  |  |  |  |
| 11 |  | Lê Minh Hiền  |  |  | Em rể   | CCCD | 034074007776 | 25/4/2021  | Cục cảnh sát QL và TT xã hội | Tổ 4, khu 4B- Hồng Hải- HL- QN            |  |  |  |  |  |  |
| 12 |  | Bùi Xuân Hiếu |  |  | Em rể   | CMND | 013439495    | 02/8/2011  | Công an TP Hà Nội            | Tổ 4, p. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, H.Nội |  |  |  |  |  |  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**



**Đặng Văn Tĩnh**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên độc lập HĐQT)

- Họ và tên: PHẠM THỊ HAI      Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/10/1966      Nơi sinh: Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037166000977 - Cấp ngày 13/4/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, khu 5A, phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại liên lạc: 0904624036      Email: phamthihaimd@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ: Không, chiếm: Không % vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không
  - + Cá nhân sở hữu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai\*:

| TT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Số GCNĐKDN (đối với tổ chức); Nơi cấp; Ngày cấp | Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ                                     | Số cổ phần hiện đang sở hữu | Tỷ lệ % vốn điều lệ | Mối quan hệ |
|----|---------------------|--|--|-----------------------------|---------------------|-------------|
| 1  | Phạm Xuân Hạ        | 160394265  | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình                                     | 0                           | 0                   | Bố đẻ       |
| 2  | Nguyễn Tiến Sách    | 042061000192   | Tổ 5, Khu 5A, Phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | 0                           | 0                   | Chồng       |
| 3  | Nguyễn Mạnh Tuấn    | 100984559<br>Quảng Ninh  | Tân triều Thanh trị Hà nội   | 0                           | 0                   | Con Trai    |
| 4  | Nguyễn Tiến Đạt     | 022203000566   | Tổ 5, Khu 5A, Phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả,                 | 0                           | 0                   | Con Trai    |
| 5  | Ngô Thị Giang       | 163363136<br>Nam Định  | Tân triều Thanh trị Hà nội   | 0                           | 0                   | Con Dâu     |





| TT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Số GCNĐKDN (đối với tổ chức); Nơi cấp; Ngày cấp | Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ  | Số cổ phần hiện đang sở hữu | Tỷ lệ % vốn điều lệ | Mối quan hệ |
|----|---------------------|--|---------------------------------|-----------------------------|---------------------|-------------|
| 6  | Phạm Thị Hiền       | 037160000257   | Xã Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình | 0                           | 0                   | Chị gái     |
| 7  | Phạm Thị Huệ        | 161649066  | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình  | 0                           | 0                   | Em gái      |
| 8  | Phạm Mạnh Hùng      | 161885156  | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình  | 0                           | 0                   | Anh rể      |
| 9  | Phạm Hùng Mạnh      | 037079000705   | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình  | 0                           | 0                   | Em ruột     |
| 10 | Trần Đại Nghĩa      | 161920436 Cấp ngày 23/4/2013   | Xã Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình | 0                           | 0                   | Anh rể      |
| 11 | Vũ Hồng Nam         | 037064001477 cấp ngày 09/11/2017                                       | Xã Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình | 0                           | 0                   | Em rể       |
| 12 | Trịnh Thị Huệ       | 037178000423 cấp ngày 14/6/2018  | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình  | 0                           | 0                   | Em dâu      |
| 13 | Nguyễn Thị Hoa      | 164069016 cấp ngày 03/6/2013   | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình  | 0                           | 0                   | Em dâu      |
| 14 | Lê Thị Hoa          | 221132134 cấp ngày 01/7/2017 CA tỉnh phú yên                           | Tuy Hòa- Phú Yên                | 0                           | 0                   | Chị dâu     |



14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần : Không

**Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.**

Hạ Long, ngày tháng năm 2022

**Người khai**

**Phạm Thị Hải**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Họ và tên : **PHẠM THỊ HẢI**
- Giới tính : Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh : Ngày 08 tháng 10 năm 1966.
- Nơi sinh : Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình
- Số CCCD : 037166000977 - Cấp ngày 13/4/2021;  
Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 5, khu 5A, phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại : 0904624036
- Địa chỉ mail : phamthihaimd@gmail.com
- Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Không
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:  
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không  
+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- Danh sách người có liên quan của người khai\*:



| Stt | Mã CK | Họ tên           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp | Nơi cấp    | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ              | Số cổ phiếu u sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu u cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|------------------|--|------------------------------|--|--|-----------------|----------|------------|---|------------------------------|---------------------------------|--|--|---|--|
| 1   | 2     | 3                | 4  | 5                            | 6  | 7  | 8               | 9        | 10         | 11  | 12                           | 13                              | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 1   |       | Phạm Xuân Hạ     |  |                              | Bố đẻ                                    | CCCD   | 160394265       |          |            | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình                    |                              |                                 |  |  |   |  |
| 2   |       | Nguyễn Tiến Sách |  |                              | Chồng                                    |  | 042061000192    |          |            | Tổ 5, Khu 5A, Phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả |                              |                                 |  |  |   |  |
| 3   |       | Nguyễn Mạnh Tuấn |  |                              | Con Trai                                 |  | 100984559       |          | Quảng Ninh | Tân triều Thanh trị Hà nội                        |                              |                                 |  |  |   |  |
| 4   |       | Nguyễn Tiến Đạt  |  |                              | Con Trai                                 |  | 022203000566    |          | Quảng Ninh | Tân triều Thanh trị Hà nội                        |                              |                                 |  |  |   |  |
| 5   |       | Ngô Thị Giang    |  |                              | Con Dâu                                  |  | 163363136       |          | Nam Định   | Tân triều Thanh trị Hà nội                        |                              |                                 |  |  |   |  |



| Stt | Mã CK | Họ tên         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp  | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu u sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu u cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|----------------|--|------------------------------|--|--|-----------------|-----------|---------|--------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|--|--|---|--|
| 1   | 2     | 3              | 4  | 5                            | 6  | 7  | 8               | 9         | 10      | 11                                   | 12                           | 13                              | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 6   |       | Phạm Thị Hiền  |  |                              | Chị gái                                  |  | 037160000257    |           |         | Xã Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình      |                              |                                 |  |  |   |  |
| 7   |       | Phạm Thị Huệ   |  |                              | Em gái                                   |  | 161649066       |           |         | Xã Yên Phong,, Yên Mô, Ninh Bình     |                              |                                 |  |  |   |  |
| 8   |       | Phạm Mạnh Hùng |  |                              | Em trai                                  |  | 161885156       |           |         | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình       |                              |                                 |  |  |   |  |
| 9   |       | Phạm Hùng Mạnh |  |                              | Em ruột                                  |  | 037079000705    |           |         | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình       |                              |                                 |  |  |   |  |
| 10  |       | Trần Đại Nghĩa |  |                              | Anh rể                                   |  | 161920436       | 23/4/2013 |         | Xã Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình      |                              |                                 |  |  |   |  |



| Stt | Mã CK | Họ tên         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp  | Nơi cấp              | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu u sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu u cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----|-------|----------------|--|------------------------------|--|--|-----------------|-----------|----------------------|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|--|--|---|--|
| 1   | 2     | 3              | 4  | 5                            | 6  | 7  | 8               | 9         | 10                   | 11                                    | 12                           | 13                              | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 11  |       | Vũ Hồng Nam    |  |                              | Em rể                                    |  | 037064001477    | 9/11/2017 |                      | Xã Yên phong, Yên Mô, Ninh Bình       |                              |                                 |  |  |   |  |
| 12  |       | Trịnh Thị Huệ  |  |                              | Em dâu                                   |  | 037178000423    | 14/6/2018 |                      | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình        |                              |                                 |  |  |   |  |
| 13  |       | Nguyễn Thị Hoa |  |                              | Em dâu                                   |  | 164069016       | 3/6/2013  |                      | Xã Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình        |                              |                                 |  |  |   |  |
| 14  |       | Lê Thị Hoa     |  |                              | Chị dâu                                  |  | 221132134       | 1/7/2017  | Công an tỉnh Phú Yên | Tuy Hòa- Phú Yên                      |                              |                                 |  |  |   |  |



17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): không

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phạm Thị Hải**







|   |                   |  |       |          |
|---|-------------------|--|-------|----------|
| 7 | Nguyễn Lương Vinh | Hộ chiếu B 3896940 cấp ngày 15/3/2010 Cục quản lý XNC                    | Không | Em ruột  |
| 8 | Vũ Thị Thu Giang  | 022184005053 Ngày 13/7/2018<br>Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư | Không | Em dâu   |
| 9 | Trịnh Đắc Đậu     |  | Không | Bố chồng |

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần : Không

**Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.**

Hạ Long, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**Người khai**



**Nguyễn Thị Lương Anh**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- 1/ Họ và tên: NGUYỄN THỊ LƯƠNG ANH
- 2/ Giới tính: Nữ
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 04/01/1971
- 4/ Nơi sinh: Hà Nội
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 001171013381; Ngày cấp: 09/8/2017; Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: Tổ 21 - Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội
- 9/ Số điện thoại: 0913.037.104
- 10/ Địa chỉ email: luonganh.kiemtoan@gmail.com
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vincomin
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Trưởng Ban kiểm soát
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Ban kiểm soát nội bộ TKV, TBKS Công ty CP Than Cọc 6, TV BKS Công ty du lịch và thương mại TKV, KSV Viện khoa học công nghệ mỏ; TBKS Công ty CP Than Đèo Nai
- 14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không có
  - + Cá nhân sở hữu: Không có
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai\*:

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.



| Stt  | Mã CK | Họ tên               | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp   | Nơi cấp                         | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ    | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|----------------------|--|------------------------------|---|---|-----------------|------------|---------------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1    | 2     | 3                    | 4  | 5                            | 6   | 7   | 8               | 9          | 10                              | 11                                       | 12                         | 13                            | 14  | 15  | 16  | 17   |
| 1    | THT   | Nguyễn Thị Lương Anh |  | Trưởng ban kiểm soát         |   | 001171013381  |                 | 09/8/2017  | Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư |  |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.01 |       | Lương Thị Ngọc Bích  |  |                              | Mẹ đẻ                                     | Số CMT 090194616                                      |                 | 2/10/2008  | Thái nguyên                     | Xóm số 6 phú lương Thái Nguyên           |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.02 |       | Trịnh Khắc Hòa       |  |                              | Chồng                                     | Số CMT 012035667                                      |                 | 14/8/2009  | Hà Nội                          | Tổ 21 phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.03 |       | Trịnh Như Phương     |  |                              | Con đẻ                                    | Số CMT 013619010                                      |                 | 11/3/2013  | Hà Nội                          | Tổ 21 phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội |                            |                               |   |   |   |  |
| 1.04 |       | Trịnh Minh Đức       |  |                              | Con đẻ                                    | Số: 001205010925                                      |                 | 13/01/2020 | Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư | Tổ 21 phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội |                            |                               |   |   |   |  |



|      |  |                      |  |         |                                      |  |           |                                 |                                      |  |  |  |  |  |  |
|------|--|----------------------|--|---------|--------------------------------------|--|-----------|---------------------------------|--------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 1.05 |  | Nguyễn Thị Lương Nga |  | Em ruột | Số CMT<br>090706458<br>Ngày 6/5/2005 |  | 6/5/2005  | Thái Nguyên                     | Xóm số 6<br>phú lương<br>Thái Nguyên |  |  |  |  |  |  |
| 1.06 |  | Nguyễn Thạc Cường    |  | Em Rể   | Số CMT<br>090508651                  |  | 15/9/2005 | Thái nguyên                     | Xóm số 6<br>phú lương<br>Thái Nguyên |  |  |  |  |  |  |
| 1.07 |  | Nguyễn Lương Vinh    |  | Em ruột | Hộ chiếu B<br>3896940                |  | 15/3/2010 | Cục quản lý XNC                 | Tổ 12 thị trấn Đông Anh Hà Nội       |  |  |  |  |  |  |
| 1.08 |  | Vũ Thị Thu Giang     |  | Em dâu  | 022184005053:                        |  | 13/7/2018 | Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư | Tổ 12 thị trấn Đông Anh Hà Nội       |  |  |  |  |  |  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): *Không có*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)









|    |                    |  |   |          |
|----|--------------------|--|---|----------|
| 4  | Nguyễn Văn Khởi    | Số CCCD: 001060025725, ngày cấp 21/4/2021, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH   | 0 | Bố vợ    |
| 5  | Nguyễn Thị Như     | Số CCCD: 001160027183, ngày cấp 21/4/2021, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH   | 0 | Mẹ vợ    |
| 6  | Nguyễn Hồng Quyên  | Số CCCD: 001189029574, ngày cấp 08/4/2021, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH   | 0 | Vợ       |
| 7  | Ngô Hà Phương      |  | 0 | Con đẻ   |
| 8  | Ngô Phương Thảo    |  | 0 | Con đẻ   |
| 9  | Ngô Xuân Lãng      | Số CCCD: 036078008552, ngày cấp 02/03/2020, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; | 0 | Anh ruột |
| 10 | Ngô Văn Điều       | Số CMND: 162708848, ngày cấp 10/6/2010, Công an Tỉnh Nam Định cấp      | 0 | Em ruột  |
| 11 | Ngô Văn Lượng      | Số CCCD: 036088024869, ngày cấp 14/8/2021, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;  | 0 | Em ruột  |
| 12 | Phạm Thị Thu Hường | Số CMND: 100757303, ngày cấp 12/4/2013, Công an Tỉnh Quảng Ninh cấp;   | 0 | Chị dâu  |
| 13 | Bùi Thị Loan       | Số CMND: 036195014307, Ngày cấp 10/8/2021, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;  | 0 | Em dâu   |



15. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin: Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin: Không

**Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.**

Hạ Long, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**Người khai**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ngô Duy Đă*

Ngô Duy Đă



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: NGÔ DUY ĐÀ

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 03/02/1981

4/ Nơi sinh: Hoàng Nam – Nghĩa Hưng – Nam Định

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 036081007861; Ngày cấp: 08/4/2021; Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố trung 6 - Phường Xuân Đình - Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

9/ Số điện thoại: 0947.597.599

10/ Địa chỉ email: ngoduyda@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Phó phòng Kế hoạch và quản trị chi phí

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không có

+ Cá nhân sở hữu: Không có

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\*:



| St t | Mã CK | Họ tên            | Tài khoản giao dịch h chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport / Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*)  | Ngày cấp   | Nơi cấp                   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ          | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|-------------------|--|------------------------------|---|---|------------------|------------|---------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1    | 2     | 3                 | 4  | 5                            | 6   | 7   | 8                | 9          | 10                        | 11   | 12                         | 13                            | 14  | 15  | 16  | 17   |
| 1    | THT   | Ngô Duy Đà        |  | Phó phòng KH                 | Bản thân                                  | CCCD  | 036081007861     | 08/4/2021  | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | Tổ 54C, khu 6b, Hà Phong - Hạ Long- Quảng Ninh |                            |                               |   |   |   |  |
| 2    |       | Ngô Duy Lập       |  |                              | Bố đẻ                                     |   |                  |            |                           |  |                            |                               |   |   |   | Đã mất   |
| 3    |       | Trịnh Thị Ngọt    |  |                              | Mẹ đẻ                                     |   |                  |            |                           |  |                            |                               |   |   |   | Đã mất   |
| 4    |       | Nguyễn Hồng Quyên |  |                              | Vợ  | CCCD  | 001189029574     | 08/4/2021  | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | Tổ 54C, khu 6b, Hà Phong - Hạ Long- Quảng Ninh |                            |                               |   |   |   |  |
| 5    |       | Ngô Hà Phương     |  |                              | Con đẻ                                    |   |                  |            |                           | Tổ 54C, khu 6b, Hà Phong - Hạ Long- Quảng Ninh |                            |                               |   |   |   |  |
| 6    |       | Ngô Phương Thảo   |  |                              | Con đẻ                                    |   |                  |            |                           | Tổ 54C, khu 6b, Hà Phong - Hạ Long- Quảng Ninh |                            |                               |   |   |   |  |
| 7    |       | Ngô Xuân Lãng     |  |                              | Anh ruột                                  | CCCD  | 036078008552     | 02/03/2020 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | Tổ 2, Khu 2, Hồng Gai, Hạ Long Quảng Ninh      |                            |                               |   |   |   |  |
| 8    |       | Ngô Văn Điều      |  |                              | Em ruột                                   | CMND  | Số CMT 162708848 | 10/06/2010 | CA Nam Định               | Khu 9, Tân Phong, Biên Hòa Đồng Nai            |                            |                               |   |   |   |  |



| St t | Mã CK | Họ tên             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport / Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp  | Nơi cấp                   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ      | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|--------------------|--|------------------------------|--|---|-----------------|-----------|---------------------------|--|----------------------------|-------------------------------|--|--|---|--|
| 1    | 2     | 3                  | 4  | 5                            | 6  | 7   | 8               | 9         | 10                        | 11   | 12                         | 13                            | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 9    |       | Ngô Văn Lượng      |  |                              | Em ruột                                  | CCCD  | 036088024869    | 14/8/2021 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | Hoàng Nam, Nghĩa Hưng, Nam Định            |                            |                               |  |  |   |  |
| 10   |       | Phạm Thị Thu Hương |  |                              | Chị dâu                                  | CMND  | 100757303       | 12/4/2013 | CA Quảng Ninh             | Tổ 2, Khu 2, Hồng Gai, Hạ Long Quảng Ninh  |                            |                               |  |  |   |  |
| 11   |       | Bùi Thị Loan       |  |                              | Em dâu                                   | CCCD  | 036195014307    | 10/8/2021 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | Khu 9, Tân Phong, Biên Hòa Đồng Nai        |                            |                               |  |  |   |  |
| 12   |       | Nguyễn Văn Khởi    |  |                              | Bố vợ                                    | CCCD  | 001060025725    | 21/4/2021 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | Khu Trung 6, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm Hà Nội |                            |                               |  |  |   |  |
| 13   |       | Nguyễn Thị Như     |  |                              | Mẹ vợ                                    | CCCD  | 001160027183    | 21/4/2021 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | Khu Trung 6, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm Hà Nội |                            |                               |  |  |   |  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ngô Duy Đà**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên Ban kiểm soát)

1. Họ và tên: **PHẠM THỊ LAN HƯƠNG** Giới tính: Nam/Nữ: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: 07/12/1973 Nơi sinh: Quảng Ninh
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 022173007915; Ngày cấp: 28/6/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
5. Địa chỉ thường trú: Số nhà 18, tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
6. Số điện thoại liên lạc: 0912 355 393 Email: [huongtranh11@gmail.com](mailto:huongtranh11@gmail.com).
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán); Cử nhân Luật.
9. Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin: Phó phòng KB
10. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
11. Số CP nắm giữ: 3.000 cổ phần, chiếm 0,012 % vốn điều lệ, trong đó:
  - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không
  - + Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần.
12. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có.
13. Danh sách người có liên quan của người khai\*:

| Stt | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức) ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty cổ phần (nếu có) | Mối quan hệ |
|-----|---------------------|---|--|-------------|
| 1   | Phạm Thị Lan Hương  | Số: 022 173 007 915; cấp ngày 28/6/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | Số lượng: 3.000; tỷ lệ: 0,012%   | Cá nhân     |
| 2   | Phạm Huy Lô         | Số: 034 045 002 849; cấp ngày 15/4/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Bố đẻ       |
| 3   | Đặng Thị Tân        | Số: 030 149 003 785; cấp ngày 15/4/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Mẹ đẻ       |



| Stt | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức) ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty cổ phần (nếu có) | Mối quan hệ |
|-----|---------------------|---|--|-------------|
| 4   | Đỗ Xuân Thanh       | Số: 037 034 002 901; cấp ngày 14/8/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Bố chồng    |
| 5   | Phạm Thị Thom       | Số: 022 134 003 738; cấp ngày 15/01/2022; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Mẹ chồng    |
| 6   | Đỗ Tiến Phương      | Số: 022 066 002 838 cấp ngày 15/3/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Chồng       |
| 7   | Đỗ Thái Bình        | Số: 022 093 012 652; cấp ngày 08/5/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Con trai    |
| 8   | Trịnh Thị Hoài      | Số: 038192045090; cấp ngày 12/8/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Con dâu     |
| 9   | Đỗ Thị Thùy Trang   | Số: 022 307 008 144; cấp ngày 28/6/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Con gái     |
| 10  | Phạm Thị Liễu       | Số: 022172004750; cấp ngày 25/4/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Chị gái     |
| 11  | Đặng Viết Dục       | Số: 040064004748; cấp ngày 25/4/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Anh rể      |
| 12  | Phạm Huy Nam        | Số: 022 076 003 465 cấp ngày 08/5/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em trai     |
| 13  | Định Thị Hòa        | Số: 031 179 013 534; cấp ngày 18/12/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Em dâu      |



| Stt | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức) ngày cấp, nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty cổ phần (nếu có) | Mối quan hệ |
|-----|---------------------|---|--|-------------|
| 14  | Phạm Huy Trung      | Số: 022 079 000 759; cấp ngày 03/6/2019; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em trai     |
| 15  | Nguyễn Thị Thu Hiền | Số: 022 185 001 045; cấp ngày 21/7/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em dâu      |
| 16  | Bùi Thị Minh        | Số: 022159001940; cấp ngày 28/6/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Chị dâu     |
| 17  | Đỗ Thị Xanh         | Số: 037160003220; cấp ngày 15/3/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  | 0  | Chị chồng   |
| 18  | Lê Trung Hậu        | Số: 036 058 007 156; cấp ngày 15/3/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Anh rể      |
| 19  | Đỗ Đức Hiền         | Số: 022 069 000 734; cấp ngày 28/6/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em chồng    |
| 20  | Nguyễn Thị Hiền     | Số: 030 173 007 834; cấp ngày 10/3/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em dâu      |
| 21  | Đỗ Minh Đức         | Số: 0220720033764; cấp ngày 15/3/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em chồng    |
| 22  | Đỗ Thị Tuyết Nhung  | Số: 022 174 005 255; cấp ngày 28/4/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em chồng    |
| 23  | Nguyễn Hồng Hữu     | Số: 031 074 009 602; cấp ngày 28/4/2021; Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.   | 0  | Em rể       |

1323  
 TY  
 AN  
 A T  
 MIN  
 QU



14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần (nếu có): *Không có*

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần (nếu có): *Không có*

**Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.**

Hạ Long, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**Người khai**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



**Phạm Thị Lan Hương**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



*Hạ Long, ngày 18 tháng 4 năm 2022*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: PHẠM THỊ LAN HƯƠNG

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 07/12/1973

4/ Nơi sinh: Quảng Ninh

5/ Số CCCD: 022173007915

Ngày cấp: 28/6/2021 Tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Số nhà 18, tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

9/ Số điện thoại: 0912 355 393

10/ Địa chỉ email: [huongtranghl1@gmail.com](mailto:huongtranghl1@gmail.com).

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên Ban kiểm soát

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

14/ Số CP nắm giữ: 3.000 cổ phần; chiếm 0,01 % % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\*:



| St t | Mã CK | Họ tên             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/Passport / Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp  | Nơi cấp  | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ               | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|--------------------|--|------------------------------|--|---|-----------------|-----------|--|--|----------------------------|-------------------------------|--|--|---|--|
| 1    | 2     | 3                  | 4  | 5                            | 6  | 7   | 8               | 9         | 10   | 11   | 12                         | 13                            | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 1    | THT   | Phạm Thị Lan Hương | 1<br>168<br>000<br>259                   | Thành viên BK S              | Cá nhân                                  | CCCD  | 022 173 007 915 | 28/6/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 3.000                      | 0,01 %                        | 25/4/2016  |  |   |  |
| 2    |       | Phạm Huy Lô        |  |                              |  |   | 034 045 002 849 |           | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 6 khu 3 Phường Hà Tu TP Hạ Long Tỉnh Quảng Ninh     |                            |                               |  |  |   |  |
| 3    |       | Đặng Thị Tân       |  |                              |  |   | 030 149 003     | 15/4/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 6 khu 3 Phường Hà Tu TP Hạ Long Tỉnh Quảng Ninh     |                            |                               |  |  |   |  |
| 4    |       | Đỗ Xuân Thanh      |  |                              |  |   | 037 034 002 901 | 14/8/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   |  |

| St t | Mã CK | Họ tên         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/Passport / Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp   | Nơi cấp  | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ               | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|----------------|--|------------------------------|--|---|-----------------|------------|--|--|----------------------------|-------------------------------|--|--|---|--|
| 1    | 2     | 3              | 4  | 5                            | 6  | 7   | 8               | 9          | 10   | 11   | 12                         | 13                            | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 5    |       | Phạm Thị Thom  |  |                              |  |   | 022 134 003 738 | 15/01/2022 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   |  |
| 6    |       | Đỗ Tiến Phương |  |                              |  |   | 022 066 002 838 | 15/3/2021  | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   |  |
| 7    |       | Đỗ Thái Bình   |  |                              |  |   | 022 093 012 652 | 08/5/2021  | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   |  |
| 8    |       | Trịnh Thị Hoài |  |                              |  |   | 038192045090    | 12/8/2021  | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   |  |



| St t | Mã CK | Họ tên            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/Passport / Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp  | Nơi cấp  | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ                   | Số cổ phiếu u sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu u cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người i có liên quan của công ty/người i nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|-------------------|--|------------------------------|--|---|-----------------|-----------|--|--|------------------------------|---------------------------------|--|--|---|--|
| 1    | 2     | 3                 | 4  | 5                            | 6  | 7   | 8               | 9         | 10   | 11   | 12                           | 13                              | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 9    |       | Đỗ Thị Thùy Trang |  |                              |  |   | 022 307 008 144 | 28/6/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh     |                              |                                 |  |  |   |  |
| 10   |       | Phạm Thị Liễu     |  |                              |  |   | 022172004750    | 25/4/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 6 khu 6 Phường Hà Tu TP Hạ Long Tỉnh Quảng Ninh         |                              |                                 |  |  |   |  |
| 11   |       | Đặng Viết Dục     |  |                              |  |   | 040064004748    | 25/4/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 9 khu 6 Phường Hà Tu TP Hạ Long Tỉnh Quảng Ninh         |                              |                                 |  |  |   |  |
| 12   |       | Phạm Huy Nam      |  |                              |  |   | 022 076 003 465 | 08/5/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | 4, T1 Trường trung cấp Ktnv Card Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội |                              |                                 |  |  |   |  |

| St t | Mã CK | Họ tên              | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/Passport / Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*)  | Ngày cấp   | Nơi cấp  | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ               | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|---------------------|--|------------------------------|--|---|------------------|------------|--|--|----------------------------|-------------------------------|--|--|---|--|
| 1    | 2     | 3                   | 4  | 5                            | 6  | 7   | 8                | 9          | 10   | 11   | 12                         | 13                            | 14   | 15   | 16  | 17   |
| 13   |       | Định Thị Hòa        |  |                              |  |   | 031 179 013 534. | 18/12/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Số 4, nhà B T36 Tổ 29 Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội        |                            |                               |  |  |   |  |
| 14   |       | Phạm Huy Trung      |  |                              |  |   | 022 079 000 759  | 03/6/2019  | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 8, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội                   |                            |                               |  |  |   |  |
| 15   |       | Nguyễn Thị Thu Hiền |  |                              |  |   | 022 185 001 045  | 210/7/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 8, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội                   |                            |                               |  |  |   |  |
| 16   |       | Bùi Thị Minh        |  |                              |  |   | 022159001940     | 28/6/2021  | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 3 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |                            |                               |  |  |   |  |
| 17   |       | Đỗ Thị Xanh         |  |                              |  |   | 037160003220     | 15/3/2021  | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 13 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long                 |                            |                               |  |  |   |  |



| St<br>t | Mã<br>CK | Họ tên             | Tài<br>kho<br>án<br>giao<br>dịch<br>chứ<br>ng<br>kho<br>án<br>(nếu<br>có) | Chứ<br>c<br>vụ<br>tại<br>côn<br>g<br>ty<br>(nếu<br>có) | Mối<br>quan<br>hệ<br>đối<br>với<br>côn<br>g<br>ty/<br>người<br>nội<br>bộ | Loại<br>hình<br>Giấy<br>NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport<br>/<br>Giấy<br>ĐKKD) | Số Giấy NSH<br>(*) | Ngày cấp  | Nơi cấp  | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ                         | Số<br>cổ<br>phiế<br>u sở<br>hữu<br>cuối<br>kỳ | Tỷ<br>lệ<br>sở<br>hữu<br>cổ<br>phiế<br>u<br>cuối<br>kỳ | Thời<br>điểm<br>bắt<br>đầu<br>là<br>ngườ<br>i có<br>liên<br>quan<br>của<br>côn<br>g<br>ty/<br>ngườ<br>i nội<br>bộ | Thời<br>điểm<br>khôn<br>g còn<br>là<br>ngườ<br>i có<br>liên<br>quan<br>của<br>côn<br>g<br>ty/<br>ngườ<br>i nội<br>bộ | Lý<br>do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi<br>liên<br>quan<br>đến<br>mục<br>13 và<br>14) | Ghi<br>chú<br>(về<br>việc<br>không<br>có số<br>Giấy<br>NSH<br>và các<br>ghi<br>chú<br>khác) |
|---------|----------|--------------------|---|--|--|---|--------------------|-----------|--|--|---|--|---|--|---|---|
| 1       | 2        | 3                  | 4   | 5  | 6  | 7   | 8                  | 9         | 10   | 11   | 12  | 13   | 14  | 15   | 16  | 17  |
|         |          |                    |   |  |  |   |                    |           |  | tỉnh Quảng<br>Ninh   |   |  |   |  |   |   |
| 18      |          | Lê Trung Hậu       |   |  |  |   | 036 058 007<br>156 | 15/3/2021 | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>về trật tự xã<br>hội. | Tổ 13 khu 9<br>phường<br>Hồng Hà, TP<br>Hạ Long,<br>tỉnh Quảng<br>Ninh |   |  |   |  |   |   |
| 19      |          | Đỗ Đức Hiền        |   |  |  |   | 022 069 000<br>734 | 28/6/2021 | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>về trật tự xã<br>hội. | Tổ 3 khu 9<br>phường<br>Hồng Hà, TP<br>Hạ Long,<br>tỉnh Quảng<br>Ninh  |   |  |   |  |   |   |
| 20      |          | Nguyễn Thị<br>Hiền |   |  |  |   | 030 173 007<br>834 |           | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>về trật tự xã<br>hội. | Tổ 3 khu 9<br>phường<br>Hồng Hà, TP<br>Hạ Long,<br>tỉnh Quảng<br>Ninh  |   |  |   |  |   |   |
| 21      |          | Đỗ Minh Đức        |   |  |  |   | 022072003376<br>4  | 15/3/2021 | Cục cảnh<br>sát quản lý<br>hành chính<br>về trật tự xã<br>hội. | Tổ 3 khu 9<br>phường<br>Hồng Hà, TP<br>Hạ Long,<br>tỉnh Quảng<br>Ninh  |   |  |   |  |   |   |

| St t | Mã CK | Họ tên             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*)<br>(CMND/ Passport / Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) | Ngày cấp       | Nơi cấp  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ   | Số cổ phiếu u sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu u cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người i có liên quan của công ty/ người i nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người i nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-------|--------------------|--|------------------------------|---|--|-----------------|----------------|--|---|------------------------------|---------------------------------|---|---|---|--|
| 1    | 2     | 3                  | 4  | 5                            | 6   | 7  | 8               | 9              | 10   | 11                                      | 12                           | 13                              | 14  | 15  | 16  | 17   |
| 22   |       | Đỗ Thị Tuyết Nhung |  |                              |   |  | 022 174 005 255 | ngày 28/4/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 8, khu 5, Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh |                              |                                 |   |   |   |  |
| 23   |       | Nguyễn Hồng Hữu    |  |                              |   |  | 031 074 009 602 | 28/4/2021      | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. | Tổ 8, khu 5, Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh |                              |                                 |   |   |   |  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

**NGƯỜI KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phạm Thị Lan Hương**



Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS  
NHIỆM KỲ 2022- 2027 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

*Căn cứ:*

*Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin thông qua ngày 26/4/2021;*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin được thông qua ngày 26/4/2021.*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Công ty : Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

**Điều 2: Chủ tọa tại Đại hội**

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào HĐQT, Ban kiểm soát
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

**Điều 3: Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT
2. Nhiệm kỳ : 2022- 2027
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
4. Thành viên HĐQT phải có các điều kiện, tiêu chuẩn sau:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;



d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

*\* Tiêu chuẩn Thành viên độc lập HĐQT: Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật chứng khoán phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:*

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

#### **Điều 4. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên BKS**

- |                                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Số lượng thành viên BKS      | : 03 người      |
| 2. Nhiệm kỳ                     | : 2022- 2027    |
| 3. Số lượng ứng viên BKS tối đa | : Không hạn chế |

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (Theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty)

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

e) Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm



liền trước đó.

f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

#### **Điều 5: Nguyên tắc bầu cử**

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Ban kiểm soát.

### **Chương II QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ**

#### **Điều 6: Quy định đề cử thành viên HĐQT (Theo khoản 2, Điều 25 Điều lệ công ty)**

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7: Quy định đề cử thành viên BKS (Theo Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty)**

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 8: Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào HĐQT, BKS**

##### **1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT, BKS**

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ:  
<http://www.hatucoal.vn/tailieudaihoicodong>)

- Đơn xin đề cử (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu (nếu có)



- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có)

- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định

Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

## **2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử**

- Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 10h00' ngày 15/4/2022 đến địa chỉ :

- Văn phòng Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin, tổ 6 khu 3 phường Hà Tu, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;

- Số điện thoại: 0203.3835.169, Fax: 0203.3836.120 hoặc bà Nguyễn Phương Nhung- Thư ký Công ty (0987 909 009);

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

## **Điều 9: Danh sách ứng cử viên**

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu cử.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

## **Chương III PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ**

### **Điều 10: Phương thức bầu cử**

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp)

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

- Đại biểu có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số ứng cử viên, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

### **Điều 11: Phiếu bầu cử**

#### **1. Nội dung của Phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.



- Mỗi đại biểu sẽ được phát 01 Phiếu bầu cử HĐQT, BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

## 2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

### Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

## 3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu
- + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì
- + Gạch tên các ứng cử viên
- + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu
- + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên HĐQT, BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện không bằng tổng số phiếu được phép bầu
- + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu
- + Không có chữ ký và họ tên của đại biểu tham dự.

## 4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của đại biểu (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.



### 5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp)

- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

## Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 12. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 4 chương 12 điều có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

#### Nơi nhận:

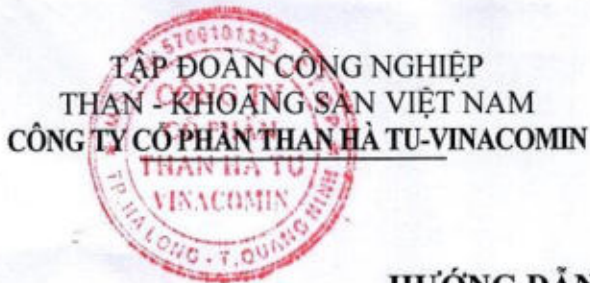
- Cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV: Đăng trên Website của Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**





TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU-VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**HƯỚNG DẪN BẦU THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT  
(Theo phương thức bầu dồn phiếu)**

**1. Loại phiếu bầu:**

Phiếu màu **hồng**: bầu thành viên Hội đồng quản trị, Phiếu màu **xanh**: bầu thành viên Ban kiểm soát

**2. Bỏ phiếu:**

Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được bỏ vào thùng phiếu niêm phong.

**3. Ghi phiếu bầu:**

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn toàn bộ phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

**4. Ví dụ:**

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 05 thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 06 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$10.000 \text{ cổ phần} \times 5 = 50.000 \text{ Phiếu bầu}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

**Trường hợp 1:** Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 5 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 10.000 phiếu bầu)

| STT | Họ và tên ứng viên | Bầu dồn đều phiếu<br>(cho các ứng viên) | Số phiếu bầu<br>(cho từng ứng viên) |
|-----|--------------------|---|-------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn 1       | <input checked="" type="checkbox"/>     |                                     |
| 2   | Nguyễn Văn 2       | <input checked="" type="checkbox"/>     |                                     |
| 3   | Nguyễn Văn 3       | <input checked="" type="checkbox"/>     |                                     |
| 4   | Nguyễn Văn 4       | <input checked="" type="checkbox"/>     |                                     |
| 5   | Nguyễn Văn 5       | <input checked="" type="checkbox"/>     |                                     |
| 6   | Nguyễn Văn 6       | <input type="checkbox"/>                |                                     |



**Trường hợp 2:** Cổ đông Nguyễn Văn A dồn toàn bộ phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên

| STT | Họ và tên ứng viên | Bầu dồn đều phiếu<br>(cho các ứng viên) | Số phiếu bầu<br>(cho từng ứng viên) |
|-----|--------------------|---|-------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn 1       | <input checked="" type="checkbox"/>     |                                     |
| 2   | Nguyễn Văn 2       | <input type="checkbox"/>                |                                     |
| 3   | Nguyễn Văn 3       | <input type="checkbox"/>                |                                     |
| 4   | Nguyễn Văn 4       | <input type="checkbox"/>                |                                     |
| 5   | Nguyễn Văn 5       | <input type="checkbox"/>                |                                     |
| 6   | Nguyễn Văn 6       | <input type="checkbox"/>                |                                     |

**Trường hợp 3:** Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 5 ứng viên (Nhưng không đều nhau)

| STT | Họ và tên ứng viên | Bầu dồn đều phiếu<br>(cho các ứng viên) | Số phiếu bầu<br>(cho từng ứng viên) |
|-----|--------------------|---|-------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn 1       | <input type="checkbox"/>                | 10.000                              |
| 2   | Nguyễn Văn 2       | <input type="checkbox"/>                | 20.000                              |
| 3   | Nguyễn Văn 3       | <input type="checkbox"/>                | 0                                   |
| 4   | Nguyễn Văn 4       | <input type="checkbox"/>                | 5.000                               |
| 5   | Nguyễn Văn 5       | <input type="checkbox"/>                | 5.000                               |
| 6   | Nguyễn Văn 6       | <input type="checkbox"/>                | 10.000                              |

### 5. Phiếu bầu không hợp lệ

Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty.

Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

| STT | Họ và tên ứng viên | Bầu dồn đều phiếu<br>(cho các ứng viên) | Số phiếu bầu<br>(cho từng ứng viên) |
|-----|--------------------|---|-------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn 1       | <input type="checkbox"/>                | 10.000                              |
| 2   | Nguyễn Văn 2       | <input type="checkbox"/>                | 20.000                              |
| 3   | Nguyễn Văn 3       | <input type="checkbox"/>                | 10.000                              |
| 4   | Nguyễn Văn 4       | <input type="checkbox"/>                | 5.000                               |
| 5   | Nguyễn Văn 5       | <input type="checkbox"/>                | 5.000                               |
| 6   | Nguyễn Văn 6       | <input type="checkbox"/>                | 10.000                              |

*Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.*